

An abstract painting in black, white, and orange. The composition is dominated by vertical, textured strokes that suggest architectural elements like windows and door frames. The background is a mix of black and white, with some orange highlights at the top and bottom. The overall style is expressive and somewhat somber.

đồ xuân tề

# dấu ngụ đỏ

Tủ Sách T. Văn & Bạn Hữu

2017

chàng



## **Bằng hữu & Bạn Đọc viết về tác giả**

Qua bút hiệu **Đỗ Xuân Tê**

*Đỗ Xuân Tê viết hay vì anh viết thật. Họa sĩ-Nhà thơ Đinh Cường, Đoàn ghi gởi Sangtao.org.*

*Anh có gởi cho xem một mẫu truyện ngắn...Truyện ngắn anh viết hay lắm, với văn phong đơn giản, khúc chiết và nhẹ nhàng, nhưng nội dung trung thực (vì là truyện thực đã sống). Anh có nghĩ là sẽ in thành sách không? Cựu tướng Trần Văn Trung, Tổng Cục Trưởng Tổng Cục CTCT, Paris (Pháp).*

*Trong vòng mười năm qua số người đọc Đỗ Xuân Tê đã gia tăng nhanh chóng.Nhà thơ Du Tử Lê.*

*Xin chúc mừng nhà văn Đỗ Xuân Tê, người viết về một thời rất mực u ám với những dòng chữ rất mực nhân ái. Nhà báo Phan Tấn Hải, Chủ Bút Việt Báo, California*

*Bút pháp sâu sa mà giản dị, mộc mạc mà rướm máu, gởi cho người đọc một cảm giác ray rứt, một nỗi buồn khôn nguôi. Nhạc sĩ/Nhà thơ Phan Nĩ Tấn.*

Đỗ Xuân Tê

# Dấu Ngụy Đồ



Tùy Bút Chính Luận

Tranh Bìa: Trần Thanh Châu

Trình Bày: T.Vấn

Ấn Bản Điện Tử

do

T.Vấn & Bạn Hữu

Thực hiện

2017

©T.Vấn & Bạn Hữu 2017

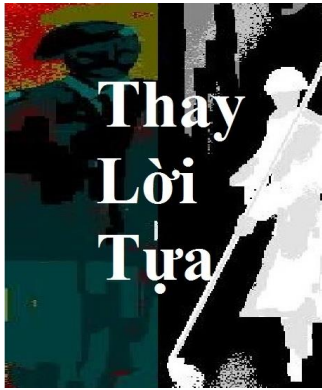
# Mục lục

Thay Lời Tựa.....	001
Sài gòn Ngày đổi chủ.....	003
Sài gòn hấp hối, mấy điều ghi vội.....	011
Tháng sáu và Tôi.....	019
Dấu ngựa đỏ, vết hằn trên quê hương tôi.....	027
40 năm - biểu tượng cờ vàng.....	035
50 năm sau, lại nhớ cụ Diệm.....	041
Bàn về một tác phẩm chiến tranh sau chiến tranh....	049
Hạ Lào, khi những người lính nằm lại Tchépone.....	057
Nhớ An Lộc-chuyện người thương binh.....	065
Cờ vàng trên mẫu hạm Midway.....	073
Cao Xuân Huy, người ở lại Thuận an.....	079
Khi Phượng Hoàng gãy cánh.....	087
Nhìn lại chân dung hai ông Tướng.....	093
Chuyện Tông Tông giờ mới kể.....	100
Vài điều tranh cãi về một ca khúc.....	109

Tù khúc - dấu ấn một thời bi tráng.....	117
Lại viết về họ Trịnh.....	123
Bùi Tín và tôi.....	128
Nguyễn Khải và bản chúc thư.....	135
Tô Hoài và Hai người họ Nguyễn.....	141
Tiếng vọng từ Hỏa Lò.....	149
Khi những tài năng bị chôn sống.....	158
Biển Đông một thời sủi bọt.....	163
Hoàng Sa nhìn lại.....	170
Thành Đô & nỗi niềm người đi sứ.....	176

## **Phụ lục**

1. Bố tôi và nước Mỹ.....	187
2. Trò chuyện cùng tác giả.....	195
3. Một cỗ xe trâu.....	209



Sau khi ba tác phẩm được độc giả trong cũng như ngoài nước ưu ái đón nhận, chúng tôi qua bút hiệu Đỗ Xuân Tê xin hân hạnh ra mắt lần này một góp nhặt mang tính chính luận dưới tiêu đề, *Dấu Ngụy Đổ*, được in ấn dạng điện tử để độc giả dễ tiếp cận dù đang ở hải ngoại hay quê nhà.

Nếu *Một Thời U Ám* mang nặng tính chất tự sự qua các chuyện kể trải nghiệm một thời quê hương u ám, thì *Mưa Sài Gòn*, *Nắng Cali*, một tạp ghi văn nghệ được ghi lại như những ký ức có liên hệ đến một số khuôn mặt, sự kiện văn chương, văn nghệ của thời đã qua, chưa kể trước đó tiểu phẩm *Hãy cho nhau nụ cười* tới tay độc giả như một tản mạn tâm linh nhằm chia sẻ cảm nhận cá nhân về niềm tin & lẽ sống mỗi con người phải đối mặt.

Khác với những lần ra mắt trước, Dấu Ngụy Đồ, được in ấn trong bối cảnh 42 năm tha hương nhìn lại, tuy có chậm nhưng lại là tập hợp những tùy bút được tác giả thai nghén, trăn trở, bỏ nhiều tâm huyết nhằm bày tỏ trung thực một góc nhìn qua những sự kiện, khuôn mặt từ khi Sài Gòn hấp hối cho đến những chuyển biến gần đây mà chỉ những người trong cuộc đã ít nhiều trải nghiệm và trở thành chứng nhân qua những biến thiên lịch sử nhấm tièn sau ngày quê hương ngừng tiếng súng.

Có một nghịch lý nhiều chuyện muốn quên mà lòng vẫn nhớ. Chính vậy mà như một bạn văn đã khái quát, chúng ta có thể chôn cất hận thù, chôn cất quá khứ, như chúng ta đã chôn người chết, nhưng chúng ta không thể chôn cất những nỗi đau. Một khi niềm đau còn đó, cách tốt nhất là phải viết lại, thuật lại như những nhân chứng cuối cùng còn đang sống. Tác giả *Dấu Ngụy Đồ* xin làm bạn đồng hành của hàng ngàn cây bút không chuyên góp phần minh họa 'vết hằn trên quê hương dấu yêu' sau ngày Sài Gòn đổi chủ 30-4.

Xin mời bạn đọc ưu ái đón đọc. Mọi ý kiến & bình luận nếu có xin gửi về [thaoxdo@yahoo.com](mailto:thaoxdo@yahoo.com). Tác giả bỏ ngổ bản quyền và dành mọi dễ dàng cho cá nhân hoặc tổ chức (không vụ lợi) muốn in ấn lại hoặc trích dẫn phổ biến trên mạng.

**Đ ỗ X u â n T ê**

**Sài-gòn**

**Ngày đổi chủ**



**Sài Gòn 30 tháng 4-Tranh: Trần Thanh Châu**

Trưa ba mươi  
từ trại lính  
buông súng trở về nhà  
băng qua các con phố  
của Sài-gòn bỏ ngõ  
Ngang đài phát thanh  
đường Hồng thập tự  
chợt nghe tiếng hát  
Nói Vòng Tay Lớn

lạc lõng vô duyên

giữa dòng người

hoảng loạn

Qua Ngã Sáu

gần Viện Hóa Đạo

mấy sĩ quan Dù

nằm bất động

họ tự sát

sau khi nghe

chàng hề giờ thứ 25

kêu lính cộng hòa

buông súng

Tới Chợ cá

đường Trần quốc Toản

chợ vắng người thưa

kẻ hôi của nhiều hơn bán mua

Vòng về

trường đua Phú Thọ

gặp mấy thanh niên

mặt mày bặm trợn

vai mang băng đỏ

đội mũ tai bèo

theo voi ăn bã mía

Tới cư xá

đậu xe

lên thẳng lầu ba

đã có mấy cậu

nón cối dép râu

chẳng hiểu từ đâu

đang ngồi chồm hỏm

Mở cửa gặp vợ

hỏi các con đâu

đem về dưới ngoại

sao em còn đây

chờ anh về

chờ anh làm gì

sợ anh...tự tử

Nỗi sợ quay về

tìm chai rượu dờ

uống cho thật say

lăn quay ra ngủ

Sáng dậy

nhìn phía trường đua

một rừng cờ đỏ

họ họp mít-tinh

mừng ngày Sài-gòn

cờ vàng xóa sổ

Quay vào phòng

lại ngủ...

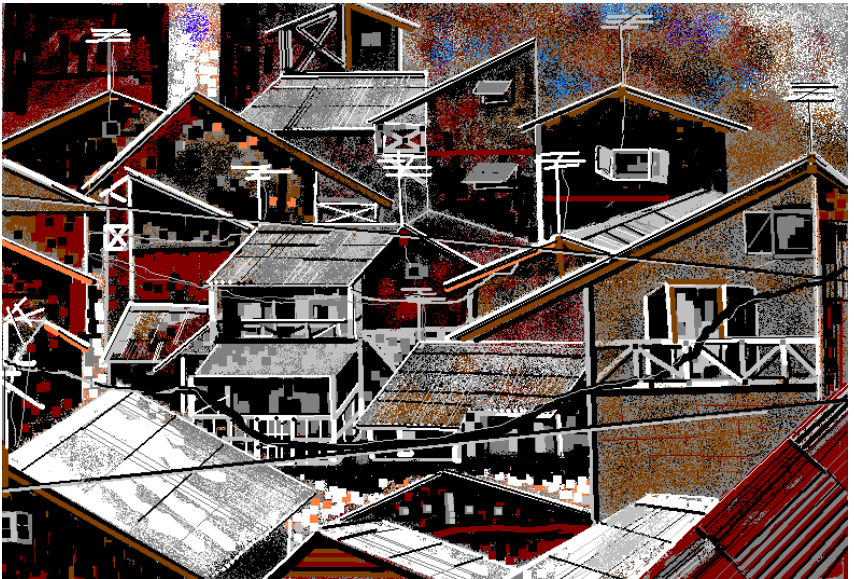
Hết một ngày

Sài gòn đổi chủ

(trích Nhật ký tháng tư, chiều 30)



# Sài Gòn hấp hối, mấy điều ghi vộ



Sài Gòn ngày ấy-Tranh: Trần Thanh Châu

*Sau 75, đất nước có nhiều biến đổi. Tuy lãnh thổ qui về một mối, nhưng lòng người lại khởi sự ly tan. Ly tan không hẳn là người ta không thích chế độ mới hoặc ghét bỏ gì những kẻ ở bưng biển về, mà vì họ từng bước bị đưa đẩy đến bước đường cùng, dần dà trở thành kẻ thù của chế độ. Phiếm luận sau đây như nhắc nhớ những ngày tháng tư nắng úa và kiểm lại xem ai là những kẻ bị lừa. Bài viết như một nhật ký ghi vội trong cơn hoảng loạn. Phần xếp đặt dựa theo thời điểm từ đêm 29-4 lúc Sài-gòn hấp hối đến khi có lệnh tập trung cải tạo vào giữa tháng 6. Các đối tượng, nhân vật, bối cảnh được chọn mang tính chất tiêu biểu dễ nhận diện.*

**Đêm 29 tháng 4...**

9 giờ 20 tối đêm 29, trong lúc trực thăng của Thủy quân Lục chiến Mỹ vẫn ra vô như con thoi từ hạm đội 7 đến nóc Tòa Đại sứ Mỹ để di tản một số người muốn ra khỏi Sài Gòn theo kế hoạch di tản của Tòa Đại sứ, thì ông xếp tôi (một tướng 3 sao) vẫn còn nói chuyện với ông Đại sứ Pháp. Cuối cuộc điện đàm xếp lớn cho biết Tòa Đại sứ có dấu chỉ cho thấy sẽ có một giải pháp cho vấn đề Việt nam được cả bốn bên đồng ý. Chuyện Sài Gòn đổ máu là không thể có. Việt nam sẽ có giải pháp trung lập và ranh giới có thể mất Huế và mấy tỉnh miền Trung.

Khoảng hơn nửa đêm, xếp tôi sốt ruột lại liên lạc thăm dò bên văn phòng Dương văn Minh, nơi đây cho biết phía Bắc Việt đòi ý. Giải pháp do Tòa Đại sứ Pháp làm trung gian không thành, Sài Gòn đang đi vào hấp hối. Vũ Văn Mẫu cho phát lời đuổi Mỹ ra khỏi nước trên đài phát thanh càng gây hoảng loạn cho cả dân lẫn quân suốt đêm 29. (Rõ thêm chi tiết xin đọc ‘Saigon et Moi’, hồi ký của Đại sứ Pháp Méreillon)

### **Sáng 30 tháng 4...**

Khoảng 11 giờ sáng ngày ba mươi, ngày tàn của chế độ, Big Minh kêu gọi binh sĩ miền nam buông súng. Xe tăng của quân đội Bắc Việt trưng lá cờ của MTGPMN phá vỡ cửa dinh Độc Lập, tiến thẳng lên thềm dinh thả người của họ là trung tá Bùi Tín cùng dăm ba người đi theo. Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu và mấy chức sắc của cái chánh phủ ‘đêm ba mươi’ ra đón tiếp và bàn giao việc nước cho phái đoàn Việt Cộng. Bùi Tín đồng dạ tuyên bố, các ông là kẻ bại trận, chỉ có chuyện đầu hàng, không có chuyện bàn giao ở đây. Dương Văn Minh và bộ xâu sững sờ, ngậm bồ hòn làm ngọt.

Chuyện này cả Bùi Tín lẫn ông Minh đều rõ. Nay ông Minh đã ra người thiên cổ. Bùi Tín đã đào thoát ra tị nạn nước ngoài, xin ông viết thêm để ngọn nguồn sáng tỏ. (sau đó Bùi Tín có viết, xem bài Bùi Tín & Tôi (Sáng Tạo 2011)

### **Sáng 1 tháng 5...**

Ngàn năm một thuở, dân Sài gòn hồ hởi phấn khởi, hơn trăm năm đô hộ nay sạch bóng quân thù, con cái đôi bên sống sót về nhà, chuyện đổ máu chẳng hề xảy đến. Nhạc sĩ họ Trịnh cùng mấy tên nằm vùng

lên đài phát thanh hát ‘Nói vòng tay lớn’ bùng bùng khí thế, khiến kẻ thất thế cảm thấy yên lòng. Các lời đồn đại đám di cư con gái, đàn bà thì phải lấy bộ đội phé binh còn con trai, đàn ông thì phải đi bộ về lại Bắc dần dà chỉ là tin thất thiệt. Tuần báo TIME đăng hình tướng Lê Minh Đảo mặc thường phục đi thả bộ trên đường Tự Do, mang đậm nét một người lính buông súng trở về nhà trong khung cảnh của một đất nước không còn chiến tranh, chẳng còn thù hận. Báo còn kèm bản tin các hạ sĩ quan binh lính học tập bảy ngày đã xong, các sĩ quan viên chức chờ các đợt học tập kế tiếp chừng mười bữa nửa tháng sẽ được về nhà chí thú làm ăn.

Chuyện tẩm máu là tin vịt, người cách mạng không bao giờ trả thù. Những ngày đầu chánh quyền mới họ chưa cần nói nhiều, thấy dân ‘vui’ là họ ‘mừng’ rồi, chủ yếu chỉ giữ an ninh tránh điều xáo trộn, ai muốn yêu nước, xây dựng đóng góp đều được hoan nghênh chẳng phân biệt kẻ nam người bắc. Đối xử như vậy bảo sao dân ta không cảm thấy phấn khởi? (Nói nào ngay không ít người vẫn còn ám ảnh câu nói để đời ”đừng nghe...” của ông Thiệu dù ông đã bỏ của chạy lấy người từ hôm 25)

## Lễ hội tháng Năm...

Trong không khí hồ hởi của một dân tộc lại quay về cùng nhau nối vòng tay lớn, các đoàn xe liên vận từ Bắc vô Nam ùn kịt trên tuyến đường Quảng Trị. Qua cầu Hiền Lương, dấu ấn của một thời chia đôi đất nước, chị cán bộ bà con bên tôi hồi tưởng lại chị được tuyên truyền hạt gạo bẻ làm đôi, làm ba để chi viện cho đồng bào miền nam ruột thịt. Nay quán xá bên đường, cơm trắng cá tươi, thịt heo hột vịt, rượu bia sinh tố, ăn uống ê hề, giá cả phải chăng, chẳng cần tem phiếu. Càng xuống sâu phía nam, nhà cửa khang trang, ruộng đồng bát ngát, chợ búa tấp nập, phố xá đông vui. Lễ hội tháng năm với cảnh dân nam nhận họ, dân bắc nhận hàng làm tuyến đường bắc nam trở nên đông vui quá tải, khiến chị chẳng hiểu phen vinh giả tạo ở chỗ nào và vì sao chị phải mất tuổi thanh xuân vào nam giải phóng! Chuyện này cần đọc thêm lời than thở của Trần Độ, viên Chính ủy của quân Giải phóng khi ông viết,

*“Thắng lợi 75, ta đã thu lại được một nửa nước no đủ và đầy hàng hóa thế mà ta đã phát huy thắng lợi đó ra sao mà đến năm đầu của thập kỷ '80 cả nước đói nghèo, ngặt nghèo”*

(trích Nhật Ký Rừng Rắn 2004 của Trần Độ, người ly thân với Đảng và trở thành nhân vật đối kháng hàng đầu với chế độ từ cuối thập niên '90)

### **Ai khóc ai cười?**

Dương thu Hương, một nhà văn nữ của quân đội nhân dân theo dấu chân của đoàn quân giải phóng từ đất Quảng Bình tiến thẳng vô nam. Lúc này Bà chưa nổi tiếng trong nghiệp văn, nhưng lại là đảng viên có đầu óc tinh táo, người ta vui mừng chiến thắng, bà lại khóc lại buồn. Chẳng thể viết hơn, xin nhường lời tác giả,

*"Năm 1975 chúng tôi là những người ở rừng về. Chúng tôi là phe những người chiến thắng, tâm trạng lẽ ra là phải vui mừng chứ vì tôi cũng là đảng viên, nhưng lúc đó tôi lại cảm thấy đau khổ và tôi bắt đầu khóc. Tất nhiên những người thuộc phe tôi họ rất vui mừng, nhưng tôi thấy chẳng có lý do gì để vui mừng vì là khi vào đó thì tôi hiểu rằng phe chiến thắng, tức phe mình đi theo, thực chất mà nói đó là mô hình của một xã hội man rợ, thiếu dân chủ...(ngưng trích).*

(Ba mươi năm sau, tác giả 'Thiên đường mù' hiện đang tị nạn ở Pháp).

### Tháng sáu 13...

Đúng như tờ TIME loan tin, các sĩ quan viên chức chế độ cũ chẳng phải chờ đợi lâu. Họ lục tục lên đường trình diện học tập mang theo tiền ăn đóng đủ. Họ đã hoàn hồn, vợ con họ vui mừng ra mặt, ngày đi trình diện như ngày hội nhập trường, thậm chí có ông xếp nhỏ của tôi còn dắt đưa út đi theo, trớ trêu là con nhỏ với đầu óc tuổi thơ còn nghêu ngao “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng...” Thông cáo một tháng là về, cha con vợ chồng chia tay, hẹn ngày gặp lại đắp đổi làm ăn. Thế rồi giáo án cao su chả biết ngày về, chỉ thấy đám trẻ bán báo trên đường phố Sài Gòn hát câu đồng dao thời giải phóng: *tháng sáu trời mưa/tá úy bị lừa/chui đầu vào rọ.*■

*“còn một chút gì để nhớ để... than” nhân kỷ niệm 37 năm ngày di tản buồn.*

## Tháng Sáu và Tôi

(nhớ ngày đại bịp)

*Tháng sáu trời mưa  
Tôi đưa em về  
dưới quê  
Tôi đi học tập  
hẹn nhau  
một tháng anh về...*

Ngày tháng của cộng sản cứ thế kéo dài như cao su. Hẹn nhau một tháng sẽ về (như thông cáo của ủy ban quân quản) nhưng đôi tình nhân trong phút chia tay không hề biết tháng sáu 13 là ngày đại bịp. Để rồi người vợ trẻ cứ vô vọng ngóng trông.

*Đã bao mùa mưa  
Hàng cau trước ngõ  
Trở bông bao lần  
Anh vẫn biệt tăm...*

Đâu có ai ngờ đã man đến độ ‘một tháng’ trở thành 5 năm, 10 năm, 15 năm, 17 năm, có khi thành thiên thu như số phận nhiều người đã vùi thân trên đất Bắc.

Từ sau ngày Sài gòn tắt thở người miền Nam quen gọi biến cố 30-4 là ngày Quốc hận. Nhóm từ này đã có từ hồi 1954, khi đất nước bị chia cắt và hơn triệu người đã di cư từ Bắc vô Nam.

Lịch sử lập lại hai mươi năm sau, lần này không phải vì chia cắt mà lại là gắn liền hai mối Bắc-Nam. Trớ trêu thay, hai chữ quốc hận vẫn còn tồn tại, không hẳn là mối hận của dòng người bỏ nước ra đi sau tháng tư đen, mà cũng là nỗi đau khôn nguôi của những người đại làm ở lại.

Đau vì phải sống dưới một chế độ độc tài toàn trị, khổ vì phải ăn nằm với một xã hội thiếu đói triền miên. Hệ quả là người dân hai miền phải làm quen với lối sống lọc lừa, sản phẩm của những ngôn từ, chủ trương đại bịp.

Chẳng phải tự nhiên mà cái chủ nghĩa xa lạ mang tên Chủ Nghĩa Xã Hội được những người bên thắng cuộc vinh danh hết mức, lại trở thành nhóm từ ‘*Cứ Nói Xạo Hoài*’ trên môi miệng của cư dân phía Nam. “Xạo”, một tính từ đặc thù của ngôn ngữ Nam bộ có nghĩa phổ cập là nói dối, nói điêu, nói không đúng sự thật, nói không có cơ sở, nói để lừa, nói để bịp...thường ám chỉ và gắn liền với những kẻ có ý đồ lừa lọc, nhưng ở đây lại là một chế độ, một chủ trương cố tình cố ý để tồn tại và đánh bại kẻ thù.

Nếu sự kiện 30-4 được coi như canh bạc bịp, khi phía Bắc Việt không tôn trọng cái hiệp định mà họ đã ký trước đó hai năm, quyết lấn đất dành dân xưa quân tiến chiếm các phần lãnh thổ trọng yếu của miền Nam, từ cao nguyên đổ xuống đến Trị Thiên đổ vào buộc các lực lượng phía Nam bị dồn vào thế bị động dẫn đến cảnh cả một chế độ bị bức tử, một quân đội bị tan hàng, một đất nước bị tan hoang, để từ đây kẻ tự coi là thắng cuộc mặc tình thao túng và trị dân theo lối luật rừng.

Cái đáng nói là sau tháng tư đen, những người thua cuộc trở thành những nạn nhân của một cuộc trả thù không hề thương sót có một không hai trong lịch sử từ ngày dựng nước. Máu lại đổ, nước mắt lại chảy,

nhưng không giống cảnh đầu t ố, bỏ tù công khai như cảnh tượng xảy ra ở miền Bắc khi cộng sản họ chiếm được nửa nước. Lần này tinh vi hơn, đã man hơn được che dấu bởi cái vỏ bọc mang nhãn hiệu ‘nhân đạo, khoan hồng’, thực chất đã đọa đầy hàng trăm ngàn sĩ quan, công nhân viên và những người ít nhiều dính líu đến chế độ cũ.

Nhân nhớ ngày đại b ịp (tháng sáu 13, 1975), với tư cách người lính già và cũng là nạn nhân của 13 năm xé lịch, tác giả chỉ xin đề cập đến diện bị trả thù ác liệt nhất chiếm tỷ lệ tuyệt đại đa số trong các nạn nhân là thành phần chủ lực của chế độ, các sĩ quan của Quân lực VNCH. Cộng sản họ thù diện này nhất vì họ cho là trực tiếp cầm súng chống họ trong suốt chiều dài cuộc chiến, và vốn cảnh giác họ phải xử lý thế nào để tập thể này phải thuận phục, không còn là mối đe dọa cho chế độ khi hai miền đã ngừng tiếng súng.

Cái khó là trong cảnh xã hội mới đổi đời, tình hình còn phức tạp tùy nơi tùy chỗ, làm sao để đưa đám người này vốn có trình độ, vừa bán tín bán nghi về chính sách của nhà cầm quyền, lại nằm lòng câu nói của ông Thiệu, “*đừng nghe những gì cộng sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm*”, để chịu

ngoan ngoãn chui vào rọ một cách êm ái, tự nguyện, tránh cảnh gây rối, tuyên truyền phản động, thậm chí chống đối dẫn đến bạo loạn, gây khó xử cho chánh quyền quân quản sở tại.

Nói vậy trong số anh em chúng tôi vẫn còn nhiều người rất ngây thơ vì đa phần sanh đẻ rồi lớn lên ở miền Nam chưa hề có chút trải nghiệm nào về cộng sản, thậm chí ngay cả những người Bắc di cư cũng bị lừa cháy túi, điển hình là viên trung tá lái tàu về từ đảo Guam yên chí sẽ được khoan hồng đã đi rồi lại quay về, hệ lụy là được nhà nước tiếp đón bằng mười hai năm cải tạo trên đất Bắc, nơi ông này đã xuống tàu há mồm cùng cha mẹ dấn nhau vào Nam hồi 1954.

Bằng thủ thuật lọc lừa của những người cộng sản, phe thắng cuộc chế ra cái gọi là chính sách khoan hồng 10 điểm, rồi ngụy danh dưới danh nghĩa học tập cải tạo, tùy theo cấp bậc, hạ sĩ quan chỉ học một tuần, hàng sĩ quan thì đi một tháng, kể trước người sau cứ trình diện học tập cho tốt sẽ được khoan hồng trở về lương thiện làm ăn. Dứt khoát không có hiện tượng tẩm máu như bọn lảng giềng Pôn-Pốt, không có chuyện trả thù như bọn cộng sản Trung-Xô. Việt

nam mình khác, Bắc-Nam xum họp một nhà/dù sao đi nữa cũng là anh em, ai nỡ hại nhau.

Cái tài tình và tinh vi là họ làm đúng một phần lời hứa, cả nửa triệu hạ sĩ quan học ngay ở phường, đúng một tuần là ...tốt nghiệp. Cả tháng sau mới đến lượt sĩ quan. Và cái thông cáo khốn kiếp ra đời, đỉnh cao ngôn từ mang tính ưu việt của những kẻ gài bẫy. Tôi không nhắc nguyên văn thông cáo ở đây, chỉ biết tác giả là viên trùm công an thành phố, một đồng hương của tôi nơi nước mặn đồng chiêm chốn quê nghèo miền Bắc.

Trở lại ngày đại bịp, nhiều cảnh cười ra nước mắt, ai đòi tự nguyện đi tù lại phải đóng tiền ăn cho một tháng, lại nên mang áo ấm dù chỉ một tháng với thời tiết nắng nóng quanh năm, thông cáo đã nói rõ diện nào phải trình diện, diện nào tạm chờ, ấy vậy mà có ông giải ngũ rồi vẫn ‘xin được đi học sớm’ để còn về nhà chân chỉ làm ăn (anh bạn tôi đại dột và là người đầu tiên nằm lại Yên Bái). Ngày nhập kho cứ như ngày hội tựu trường, có ông nọ còn cho đứa nhỏ gái 4 tuổi cùng vợ đi theo tiễn chân, miệng con bé líu lo ‘*như có ngày vui đại thắng...*’! Chưa hết, đến nơi trình diện, ngay bữa tối được xếp ngồi ăn cơm thối món Tàu (toàn nhà hàng nổi tiếng bên Chợ Lớn

mang đến), được tiếp đón như những người anh em lâu năm chí cốt, cán bộ còn cho phép ai quên gì cứ về lấy, ba ngày mới hết hạn nhập trường!

Vừa khóa sổ thì ngay chiều chủ nhật (15 tây), cơm thối chẳng thấy, mì gói cũng không, cả đám được lệnh sửa soạn hành trang, chuẩn bị đến nơi ...học tập. Mỗi tổ 10 người, 3 tổ một xe, xe tải bít bùng, chờ phở lên đèn, Sài gòn ngủ yên, chuẩn hướng ngoại thành. Qua kẽ hở của thân xe, tôi chỉ còn nhận ra, cảnh ngoại ô đèn vàng, hàng me rũ lá, tiếng vọng cổ u buồn từ một căn gác chông chênh.

Từ đây, kẻ lên Suối Máu, người xuống Hóc Môn, bị dồn vào các doanh trại cũ, chẳng giường chẳng chiếu, nằm đất trải dài như cá hộp, ăn uống đạm bạc như cảnh tù, mở đầu cho những ngày tháng trung chuyển gạn lọc để đưa đi Bắc và rừng núi phía nam, nơi mà nhà nước đã dặn trong thông cáo là phải mang theo áo ấm!

Ấy vậy mà đã bốn mươi năm, thế hệ chúng tôi kẻ đã ra đi, người còn ở lại cũng ở tuổi thất thập mang theo nhiều thương tật cả tâm thần lẫn thể xác. Còn được an ủi là chúng tôi - những người sống sót - đã nhìn thấy hai điều, tưởng là khó xảy ra chưa đầy một

thế hệ, một là chủ nghĩa cộng sản bị xóa sổ, hai là những kẻ “bên thắng cuộc” một thời bêu rếu chúng tôi ôm chân đế quốc, giờ này lại hồ hởi bám đít kẻ cừu thù.

Điều đáng buồn là nhà cầm quyền có một sách lược mới, trớ trêu lại nhắm vào những người yêu nước, bị coi là thành phần đối kháng trong cảnh đòi quyền sống và cảnh giác bá quyền. Họ bị đánh, bị bắt, bị bỏ tù đến nỗi nhà văn Nguyễn Ngọc, một đảng viên một đời sống chết vì đảng, một người tên tuổi gắn liền với mảnh đất Tây Nguyên đã phải thốt lên,

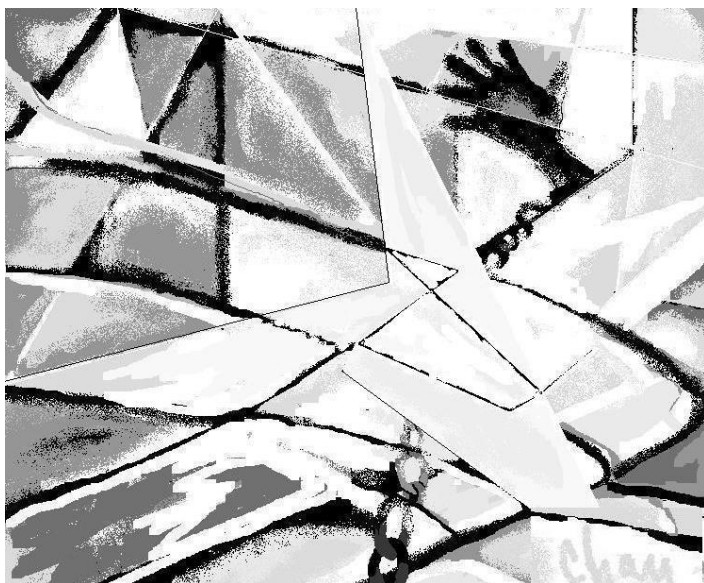
*Một đảng, một nhà nước kỳ lạ. Đánh người toàn bằng đánh trộm, thụi ngăm và phi tang.* (Nguyễn Ngọc)

Với tôi, cùng những người lính già, nạn nhân của trò đại bịp 40 năm trước, xin bổ sung thêm, “...*Hại người toàn bằng trò bịp bợm, tinh vi và dã man.*”■

Cali, tháng sáu 13 - 2015

*tặng Huy Đức, tác giả ‘Bên thắng cuộc’*

**Dấu ngụy đổ,**  
*vết hằn trên quê hương tôi*



**Ngục Tù - Tranh: Trần Thanh Châu**

Tháng tư nhìn lại ấy vậy mà đã 39 năm, một chế độ bức tử, một quân đội tan hàng, một miền Nam tan hoang. Hàng triệu gia đình lâm vào cảnh chồng sĩ quan nguy, bố biệt kích nguy, ông nội nguy binh thời Pháp, gia đình bên vợ diện nguy quân, bên chú ruột diện nguy quyền... Cứ thế dây mơ rễ má chỉ vì diện nguy mà người người điêu đứng, nhà nhà nát tan sau tháng tư đen.

Quy vào diện này diện nợ chưa đủ, người ta còn đầu độc trẻ thơ bằng những câu vè rẻ tiền ghi trong sách giáo khoa, thậm chí có câu,

*Nguy là gì em hay thắc mắc  
Cô bảo rằng lũ giặc hại dân  
Nguy quyền với lại nguy quân  
Là phường bán nước buôn dân ấy mà!*

Dạy trẻ như thế mà vẫn có kẻ tin, cho nên các cụ ta thường nói chính trị là bản thủ, chiến tranh là vô luân dù nó có nhân danh cái gì đi nữa.

Nhìn lại lịch sử bốn nghìn năm văn hiến (nhưng chinh chiến cũng nhiều), Đại Việt ta vốn dĩ có đặc điểm hay chia cắt, phân tranh, nên các phe đối nghịch hay dùng cái ‘ngụy’ để áp đặt cho nhau. Từ thời hậu Trần đã có ngụy Hồ, thời Hậu Lê có từ ngụy Mạc. Sang thời chúa Nguyễn, Gia Long liệt anh em nhà Tây sơn là bọn ngụy Tây, và gọi sách mé là Ngụy Nhạc, Ngụy Huệ, khiến sử gia Trần Trọng Kim sau này đã lên án đòi phải được bạch hóa ngụy sử để trả lại vị trí cho Quang Trung đại đế, người anh hùng đại phá quân Thanh.

Trong chiến tranh bất kể đông tây kim cổ, được thì làm vua thua làm ‘ngụy’, cướp chính quyền mà thắng thì là ‘cách mạng’, thất bại trở thành phiến quân. Hồ Quý Ly khi thất thế bị liệt là ‘giặc Hồ’, ở miền Nam Nguyễn Chánh Thi làm đảo chính hất từ chủ tướng xuống hàng ‘phản loạn’, ba năm sau Dương Văn Minh may mắn hơn trở thành người hùng của cách mạng hồ hởi lên ngôi. Biển cố Thăng tư không nằm trong ngoại lệ. Chế độ bị bức tử chịu mất tên và căn cước chính trị ‘Việt nam Cộng hòa’

trở thành ‘ngụy quyền Sài-gòn’, binh lính thành ‘ngụy quân’, các nguyên thủ của họ bỗng dưng bị gọi bằng ‘thằng’, một sự đứt đoạn đòi hỏi thay trắng thành đen.

Nhìn lại cuộc chiến Việt nam, khi hai chế độ một Bắc (VNDCCH) một Nam (VNCH) đều là những thực thể có thật có thủ đô có chánh phủ được cộng đồng quốc tế công nhận, thì người ta quên một điều là từ cuối năm 1960 đã lấp ló phía sau một cái ‘ngụy’ khi phía Bắc việt phát động chiến dịch xâm chiếm miền Nam, cho ra đời một tổ chức được *ngụy trang dưới cái tên Mặt trận giải phóng miền Nam*. Về sau cũng có một chánh phủ bù nhìn và một lực lượng mang tên Quân giải phóng để cho danh chánh ngôn thuận. Đáng chú ý là trên chiếc xe tăng sơn-viết phá công Dinh Độc Lập trưa 30-4, bộ đội Bắc Việt không trưng cờ đỏ sao vàng mà ngụy trang dưới là cờ của Mặt trận giải phóng. Cờ bay trên nóc dinh là phút ‘huy hoàng’ cuối cùng của tổ chức hữu danh vô thực này trước khi bị xóa sổ ít ngày sau đó.

Năm 1976, quốc hội chính thức khai tử cái gọi là ‘Chánh phủ lâm thời Cộng hòa miền nam Việt nam’ mà đa phần gốc người Nam bộ, mĩa mai thay người vượt biên sớm nhất lại là Trương Như Tảng, nguyên

bộ trưởng tư pháp của chính phủ ngụy tạo, ít năm sau Dương Quỳnh Hoa bộ trưởng y tế xin trả lại thẻ đảng của Cộng sản Việt nam. Họ Trương sang tới Pháp có viết một hồi ký, ‘Mémoir d’un Vietcong’ (Hồi ký của một Việt cộng), có dịch sang tiếng Anh nhưng không gây được tiếng vang vì thiên hạ hiểu rằng chanh vắt rồi thì vỏ phải quăng.

Trùm tuyên truyền của phát-xít Đức có lý khi ông nói cái gì cứ nói dối hoài cuối cùng sẽ thành sự thật. Từ khi cái ‘ngụy’ lên ngôi, nó trở thành phổ biến trong ngôn ngữ sinh hoạt miền Nam, mà gia đình nào cũng có phần dính dấp, chẳng hiểu thế nào mà nó đi dần vào vô thức. Riết rồi trong cách xưng hô chẳng ai phật lòng, chẳng mấy quan tâm.

Chuyện kể ông hàng xóm của tôi, một cán bộ tập kết hay dẫn thằng út tôi và vợ con ông về quê dưới Long an mỗi lần giỗ tết, đã ân cần giới thiệu với bà con, ‘bố nó sĩ quan ngụy đang học tập ngoài Bắc’. Con cháu vợ tôi vượt biên bị công an hỏi chồng chị làm gì, dạ thưa ...chồng em sĩ quan ngụy, xin anh tha cho em về nuôi con. Chuyện nghe dù vô tâm cũng muốn trào nước mắt.

Bản thân tôi với người Hà nội cũng có vài giai thoại. Lần đầu khi ra Bắc lấy hộ chiếu trước khi đi Mỹ, thuê một phòng ở ga Hàng Cỏ, giờ thẻ chứng minh nhân dân cho cô tiếp viên, một lúc sau trả lại thẻ, liếc qua liếc lại cô hỏi tôi, chắc chú là sĩ quan ngụy đi cải tạo về, tôi chột dạ sao cô biết, cô hạ giọng, chú cẩn thận khi giao tiếp. Gặng hỏi cô bảo có cái dấu (ngụy) ghi ngầm trong thẻ chỉ chúng cháu làm văn phòng mới biết!

Hai mươi năm sau, trở lại Hà-nội với tư cách ‘Việt kiều’. Vào ngõ hẻm thăm một người thân, hỏi thăm số nhà, cô bé trạc tuổi teen đơn đả chỉ đường còn lễ phép hỏi thêm, chắc bác hỏi trước là ... sĩ quan ngụy, có phải thế không ạ? Khách chỉ biết gật đầu, mỉm cười rồi quay đi.

Cũng là cái hay và chẳng biết có là cái may cho đất nước mình, từ đầu thiên niên kỷ, các báo chính thống bắt đầu đổi giọng, ngụy quyền Sài gòn thành chính quyền Sài gòn, ngụy quân thành các sĩ quan nhân viên chế độ cũ. Rồi từ khi các đồng chí lảng giềng muốn chơi cha, sự kiện Hoàng Sa, Gạc Ma bỗng dựng thành điểm nóng. Hình ảnh Ngụy Văn Thà. người hạm trưởng ở lại với biển Đông năm xưa trở thành anh hùng chống ngoại xâm được cả nước

biết tên. Bài thơ ‘**Người anh hùng họ Ngụy**’ của một nhà thơ cộng sản như khơi dậy một điều lô-gích ‘*những người yêu nước, chết vì nước, không thể nào là ngụy*’ càng làm bẽ mặt những người một thời áp đặt nó.

Cụm từ VNCH như một thực thể của lịch sử dần dà được phục hồi, nhiều báo mạng đã đăng nguyên văn ‘*Bạch thư tố cáo Trung quốc cưỡng chiếm Hoàng Sa*’ với lời lẽ đanh thép của Luật sư Vương Văn Bắc, ngoại trưởng của VNCH mà bốn thập niên sau khi được đọc lại tôi muốn nổi da gà. Cũng chẳng còn là điều cấm kỵ khi một đài Truyền hình sát nách Sài gòn (tỉnh Đồng Nai) nhân kỷ niệm 39 năm sự kiện Hoàng sa đã cho công chiếu trận đánh Hoàng Sa, một cuốn phim tư liệu do phía VNCH thực hiện, với đầy đủ cờ quạt, mũ áo, chiến cụ, hạm đội hiên ngang rẽ sóng thẳng tiến Hoàng Sa và hình ảnh Ngụy Văn Thà cùng con tàu Nhật Tảo với 68 thủy thủ đoàn vĩnh viễn nằm lại với đảo. Tư liệu vật thể này như một bằng chứng hùng hồn dùng để xác minh chủ quyền biển đảo của ta trên Biển Đông.

Gần đây, thành phố *Lá me xanh* có bề dày 300 năm của đất Bến Nghé, thủ đô một thời của miền Nam dù đã mất tên nay lại lấp lánh trên Ga Hàng Cỏ theo

tuyến đường Bắc-Nam, dòng chữ điện tử ‘Chuyến tàu nhanh Hànội-Sàigòn khởi hành lúc...’ trở thành quen thuộc với khách lên tàu những dịp xuôi Nam.

Cái gì của lịch sử xin trả về cho lịch sử, mà lịch sử thì rất công bằng. Người Bến Nghé xin khép lại bài viết và coi cái ‘ngụ’ người ta áp đặt như là một hệ lụy tất yếu sau tháng Tư đen nhằm hạ nhục và trả thù một tập thể ngã ngựa vốn dĩ đã có thời là một phần và chứng nhân của lịch sử. Còn chuyện bán nước, nhượng đảo hay không thì sự kiện Hoàng Sa đã tỏ lộ chân lý sáng ngời không cần tranh cãi, **‘những người yêu nước, chết vì nước, không thể nào là ngụ’.**■

*Cali, 39 năm Tháng tư nhìn lại*

## 40 năm – biểu tượng cờ vàng



Nhìn đoàn diễu hành trên phố Bolsa, một đại lộ lớn nằm trên khu Little Sài Gòn, tựa như Lê Lợi của Sài Gòn vang bóng, tôi thực sự ngỡ ngàng và xúc động khi một đoàn áo trắng như những thiên thần chân đất cầm một rừng cờ vàng ba sọc đỏ nhịp bước qua khán đài như một cuộc biểu dương sức mạnh của cộng đồng trong dịp mừng Tết Ất Mùi 2015 theo thông lệ hàng năm.

Một cộng đồng 40 năm về trước đã ngậm ngùi bỏ nước ra đi - những tưởng chẳng có một ngày vào mùa xuân bốn thập niên sau - lại vẫn cầm được ngọn cờ biểu tượng tự do của miền Nam yêu dấu, giương cao khát vọng của những người đã đánh mất Tổ Quốc nhưng vẫn yêu quê hương, kiêu hãnh về sự lớn mạnh của những người gốc Việt mà những kẻ thắng cuộc một thời dè bủ vui dập đã phải áp ôm vồn vã coi như bộ phận kiêu bào không thể thiếu trong cộng đồng dân tộc Việt nam, cũng là cái vú sữa hàng năm bơm về hàng chục tỷ mỹ kim cho người thân, bạn bè và những người cùng khổ.

Trước hết nói về lá cờ đây không phải là chuyện có nínu quá khứ để rồi hoài niệm một cái gì thân thương đã mất mà trước sau ‘lá cờ tổ quốc’ vẫn là một một biểu tượng thiêng liêng mà hàng triệu người miền Nam quân cũng như dân đã đổ máu trong suốt hai

thập niên để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ (đã được phân định tạm thời theo công pháp quốc tế) cùng gìn giữ phát huy những giá trị nhân bản trong đó có tự do và quyền được sống như một con người.

Tiến thay và cũng là sự oái oăm của lịch sử, một chế độ bị ngậm ngùi xóa sổ, một quân đội bị tức tưởi tan hàng, lý tưởng trong sáng một thời chôn vùi theo dĩ vãng. Dở khóc dở cười khi bên thắng cuộc không kìm nổi bước chân của hàng triệu người miền Nam bỏ lại quê hương, chưa hẳn vì miếng cơm manh áo nhưng trước hết là chối bỏ một chế độ độc tài, một chủ nghĩa xa lạ liều chết ra đi miễn là đến được bến bờ tự do.

Nơi đất nước tạm dung, những người gốc Việt một mặt nhanh chóng hội nhập và tôn trọng thể chế của các nước sở tại, mặt khác đã biết tập hợp, đoàn kết trong tình đồng hương khơi dậy biểu tượng một thời đã sống chết vì nó, trân trọng ấp ủ ngọn cờ vàng giờ đây coi như một một căn cước của người Việt Tự do, trở thành một bản sắc văn hóa không thể bị đồng hóa hay đánh tráo bởi bất cứ thế lực hắc ám nào khác.

Không phải ngẫu nhiên mà 156 thành phố trên đất nước Hoa-kỳ cùng nhiều tiểu bang, quận hạt đã nhìn nhận tôn trọng lá cờ vàng của những người Việt tị nạn, không hề thách đố cấm đoán hạn chế việc vinh danh trong khuôn khổ địa phương mỗi khi cộng đồng này tổ chức kỷ niệm những sinh hoạt tập thể theo truyền thống và tập quán của họ, mà trong chùng mực nào đó, biểu tượng cờ vàng còn chiếm vị trí độc tôn trong một số thành phố quận hạt có đông đảo người Việt sinh sống làm ăn, không phải chỉ ở Mỹ mà ở bất cứ nơi đâu có cộng đồng người Việt quốc gia.

Nhớ lại năm năm trước đây, nhân đánh dấu 35 năm biến cố đau thương 30-4, một cuộc tưởng niệm đã được các giới chức của Hải quân Hoa kỳ và quan chức địa phương tổ chức trên hàng không mẫu hạm Midway, một chiến hạm có vai trò tích cực trong cả thời kỳ chiến tranh lẫn cứu người di tản, nay trở thành một bảo tàng nổi về lịch sử chiến tranh của Hải quân Hoa kỳ, bỏ neo trên vịnh San Diego. Đáng chú ý là sau gần bốn thập niên, lá cờ vàng lại được dịp tung bay trước gió trên kỳ đài của mẫu hạm song hành với lá cờ hoa của Hiệp chủng quốc, bất kể quốc gia sở tại đã có quan hệ bình thường với một

cựu thù và cũng là nhân tố đã xô đẩy những người Việt ra biển Đông bỏ lại quê hương sau tháng tư đen.

Giờ đây, 40 năm nhìn lại, việc gìn giữ và phát huy ý nghĩa của ngọn cờ vàng không còn là chuyện của những người tị nạn thế hệ thứ nhất mà con cháu họ, thế hệ sinh ra và lớn lên trên xứ sở tạm dung, đã tiếp nối truyền thống của những người đi trước, các cháu đã hiểu vì sao cha ông họ phải bỏ nước ra đi, càng thấm thía nỗi lòng của những người đánh mất Tổ quốc.

Lịch sử càng oái oăm khi bốn mươi năm sau, đất nước một thời có hàng triệu người bỏ nước ra đi, những người lãnh đạo bên thắng cuộc tưởng rằng chắc những người ở lại dần dà sẽ chấp nhận chủ nghĩa xã hội do họ áp đặt. Nhưng qua cuộc thăm dò mới nhất trên 106 quốc gia toàn thế giới, tổ chức PEW, cơ quan phi đảng phái có trụ sở ở Washington, D.C. chuyên thăm dò dư luận quần chúng, phân tích các sự kiện truyền thông, nghiên cứu các dự báo dân số... tại Mỹ và thế giới, tuy là tổ chức tư nhân nhưng lại là một ‘think tank’ có ảnh hưởng định hình chính sách của Mỹ đã đưa ra kết quả chỉ có một quốc gia duy nhất là Việt nam là có

tỷ lệ cao nhất trên 90% số người được thăm dò tỏ ý thích chủ nghĩa và giấc mơ Mỹ. Số nước còn lại chỉ trên dưới 70%, và ngay chính dân Mỹ tỷ lệ yêu thích cũng chỉ đạt 83%.

Dù chỉ là cuộc thăm dò đơn lẻ nhưng cũng nói lên xu hướng toàn cầu đang nghiêng về những giá trị nhân bản thiên về tự do no ấm, quyền được làm người, dù chẳng nơi nào là hoàn thiện nhưng ít nhất khẳng định một điều thà chết để đi tìm tự do còn hơn sống mòn trong một xã hội bị chà đạp, trả thù và kỳ thị - một quyết định táo bạo và sự chọn lựa đúng nhất của dòng người bỏ lại quê hương sau thánng tư đen.

Suy nghĩ như vậy, ‘chuyện lá cờ’ sẽ không bao giờ mai một và việc những người gốc Việt cùng hậu duệ của họ còn ôm ấp như biểu tượng thiêng liêng vẫn là một ý thức chính trị đầy ý nghĩa và đúng nghĩa nhất sau 40 năm ngậm ngùi nhìn lại.■

*Little Saigon, Tết Việt hải ngoại 2015*

## 50 năm sau - lại nhớ cụ Diệm

Cứ đến ngày 1-11 lại nhớ cụ Diệm. Năm nay thì nhớ nhiều hơn vì đúng là dịp 50 năm ngày ông và người em bị bắn lén trong một chiếc xe bọc thép, khi không có một tác sát trong tay, chẳng có một án quyết dù là của tòa hay phe lật đổ, chỉ biết là người ta còn sợ ông nên chẳng ai dám nhận là đã ra lệnh giết ông, họ đều đã xuống mồ và vài người còn sống có biết chuyện thì vẫn im hơi lặng tiếng.

Đã bắn lén lại còn chôn lén, thi hài hai anh em, một cựu nguyên thủ, một cựu cố vấn không được trả lại cho thân nhân, bị vùi dập trong khuôn viên của một trại lính cũng là tổng hành dinh của phe đảo chính, nghe nói sau chỉnh lý mới có người cháu họ được nhận đem về cải táng ở một nơi khác.

Cuộc lật đổ về sau cải danh thành cuộc cách mạng và lấy cái ngày ông Diệm rời dinh Gia Long làm ngày quốc khánh mở đầu cho một thời kỳ người ta quen gọi là nền đệ nhị cộng hòa. Chẳng biết nền đệ nhị có hơn thời đệ nhất của ông không, cái này thì để lịch sử đánh giá, nhưng chỉ biết từ đây do áp lực và âm mưu thôn tính miền Nam của phía Bắc Việt chiến cuộc sẽ đi vào hồi cao điểm, chính trường thì độc diễn, xã hội thì đảo điên, chiến trường thì đổ máu, người lính sẽ hi sinh nhiều hơn, người dân sẽ thống khổ hơn, cứ vậy kéo dài cho đến ngày mất nước.

Ra hải ngoại, khoảng chục năm gần đây, từ ngày có khu tượng đài chiến sĩ Việt-Mỹ, người ta lai hay tưởng nhớ đến ông và làm lễ giỗ ông tại địa điểm này. Một số người không tán thành vì cho là không thích hợp cho một cuộc tưởng niệm như vậy đối với một cựu nguyên thủ, lãnh tụ một thời. Thứ nhất đây là nơi vinh danh những người lính vừa Việt vừa Mỹ đã hi sinh cho cuộc chiến, thứ hai Cụ Diệm hồi cảm quyền vốn không đồng tình với việc người Mỹ tham chiến tại Việt nam.

Nhưng cũng khó tìm một địa điểm thích hợp cho một lễ lớn, vì lẽ mang tiếng là ‘thủ đô ty nạn’ (thực

sự chưa có gì đáng để tấn phong danh xưng này cho khu Little Saigon) khi nơi đây chưa có một trung tâm cộng đồng khả dĩ làm nơi sinh hoạt hoặc cử hành lễ lớn mang tính lịch sử hoặc thời sự nổi bật cho những người di tản đang sinh sống tại Mỹ nói chung và vùng quận Cam nói riêng.

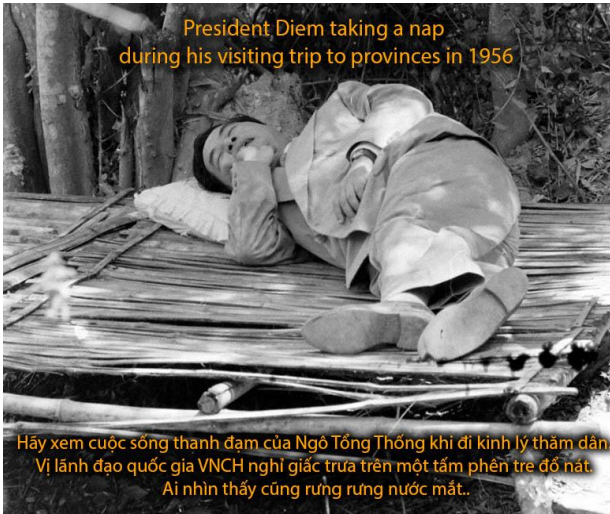
Có điều khi nhớ đến ông Diệm, không phải ai cũng đồng tình chuyện này mà năm nào cũng vậy vẫn có hai phe, một phe ủng hộ và ghi công lớn của một lãnh tụ trong thời đệ nhất cộng hòa, một phe chống đối thì cho là một chế độ độc tài gia đình trị, kỳ thị tôn giáo cần phải đập đổ. Dù bất đồng quan điểm nhưng đáng nói là ai kỷ niệm thì cứ kỷ niệm, ở đất tự do chẳng ai có quyền cấm ai, nên các lần tưởng niệm phải nói là rất trang trọng, không qui mô rầm rộ nhưng nói lên được cái tình đối với một người một thời là lãnh tụ của họ, danh chính ngôn thuận cũng là một nguyên thủ đệ nhất cộng hòa của mảnh đất và quân dân phía nam vĩ tuyến 17.

Kẻ viết bài này không đứng hẳn về phía nào, nhưng thâm tâm vẫn có lòng thương cảm và kính phục con người và đức độ của một nhà lãnh đạo mà khi nghe cái chết của ông năm mươi năm trước đã bàng hoàng tiếc thương cho kết thúc bi thảm của một đời

người sánh ngang với sự tiếc nuối tổng thống Hoa kỳ John Kennedy bị ám sát ba tuần sau đó. Có người nói nước Mỹ đã phải trả giá việc giết ông Diệm bằng chính tổng thống của họ, nhưng đây cũng chỉ là lời đồn thổi của một số đàn em trung thành với Cụ thêu dệt mà thôi. Tất nhiên nói cho ngay, không có Mỹ bật đèn xanh thì chẳng ai dám đứng ra làm cuộc lật đổ, trừ khi quần chúng nổi dậy một cách tự phát.

Là cựu nguyên thủ cho nên người ta cũng nhắc đến quê quán của ông, theo tục quê ta một người làm quan cả họ được nhờ, một người làm oan cả làng bị chửi rủa (Trường Chinh, CCRĐ). Cũng là một tình cờ và trở trêu của lịch sử, cụ Ngô là một người con của đất Quảng bình cùng quê với nhân vật một thời khác chiến tuyến là ông tướng họ Võ cũng vừa nằm xuống. Có điều cùng dòng Nhật Lệ nhưng chí hướng thì lại ‘ông ở đầu sông ông cuối sông’, nên các nhà viết sử sẽ còn tốn giấy mực khi đánh giá về hai nhân vật này. Chạnh nghĩ nếu hai vị đồng hương cùng nhìn một hướng vào những thập niên đầu của thế kỷ trước thì biết đâu vận nước của quê hương mình đã có những bước ngoặt khó ngờ và hình ảnh Việt nam chẳng bị bôi bác khi nằm trong danh sách các quốc gia đội sổ vì nghèo đói ở thế kỷ này.

Thôi cái gì thuộc về lịch sử xin trả về cho lịch sử. Nhân năm mươi năm ngày mất của ông, bằng thiện ý qua ký ức của người viết cũng xin cảm ơn Ngô chí sĩ đã tổ chức chu đáo cho một triệu dân xuống tàu há mồm di cư vào Nam, khác cảnh thời ông Thiệu (người đã bỏ nước sang Đài Loan từ ngày 22) bỏ mặc quân dân miền nam sống chết mặc bay vào những ngày tàn cuộc.



(\* ) hình nhật được trên mạng không rõ nguồn

Kết thúc bài viết, cũng xin gửi đến những ai còn tưởng nhớ đến ông giai thoại về một người đã theo chân ông về đất Mẹ, luôn có lòng kính phục cụ Ngô như một đàn em trung thành với người chủ soái. Người đó chúng tôi thân thương hay gọi là Bó Thuởng.

Bó Thuởng quê miền Trung đất Huế, đi theo kháng chiến sau là Việt minh, có lúc đã làm tới huyện ủy rồi tỉnh ủy viên khu ủy Thừa thiên. Bó rất trung thành với Đảng cho đến một ngày chứng kiến cảnh các đồng chí của Bó chôn sống rồi chặt đầu một địa chủ bị đấu tố hồi cải cách ruộng đất. Bó kể lại với tôi nguyên văn, ‘tau theo Đảng là để cứu dân giúp nước chứ đâu ngờ tui nó lại ác như ri, nên sau đó tau bỏ Đảng tìm đường về đầu quân cho cụ Diệm...’. Bó được trọng dụng và phụ trách mảng chiêu hồi nhằm khuyến khích các cán bộ nằm vùng địa bàn của Bó về với quốc gia, trong số này có cả Mười H. sau ngày giải phóng làm tới cấp UVTU. Bó từng bảo lãnh cho nhiều cán bộ cũ, xin chánh quyền cho họ trở về yên tâm làm ăn. Có điều không hiểu sao, Bó phục cụ Diệm, coi cụ như chủ tướng đáng để theo phò. Mấy năm sau cụ mất, người ta lo mừng quốc khánh thì Bó vẫn giỗ cụ đều đặn tại nhà riêng.

Sau ngày 30-4, Bố là người đầu tiên bị đưa ra Bắc, giam tại Thanh Liệt gần Hà-nội, ăn xong chỉ có một việc là viết lời khai làm gì từ ngày ‘phản’ Đảng. Gay go nhất là người ta chú ý nhiều đoạn viết về ông Mười H., họ muốn biết mức độ trung thành của người đồng chí này khi Bố Thường hỏi cung và dụ về với chánh quyền miền nam. May thay Bố đã khai ‘tốt’ cho ông, giúp ông còn cơ hội tiến thân trong Đảng. Bố nói mình bị bắt thì cũng làm như ông ta, dù sao cũng đã chịu cảnh tù đầy. Hết chuyện để khai, người ta cho Bố về trại Nam Hà và ở lại miền núi đá vôi này 13 năm có lẽ.

Có hai chuyện đáng nói về Bố, thứ nhất về tư cách trong tù Bố trước sau vẫn được anh em nể trọng. Bố cũng là một tay tháo vát trong cách mưu sinh, khi đi lao động lúc xong chỉ tiêu Bố luôn tranh thủ câu cá bên suối, được con nào lên đem về trại nấu cháo cho người đau yếu, chính vậy mà các sĩ quan trẻ hay xung Bố để tỏ lòng thương mến dần dà bất luận già trẻ đều kêu Bố Thường. Bố cũng hay làm những chuyện người khác không dám làm. Trong tù mà năm nào cũng đều đặn ‘giỗ’ cụ Diệm. Cứ đến tối ngày 2-11, là chỗ Bố nằm thế nào cũng tụ tập năm mươi anh em, có lúc đông hơn, thấp ngọn nến nhỏ tỏ

lòng nhớ Cụ, và chỉ dùng danh xưng Cụ mà thôi, để nếu bị phát hiện thì BỐ nhận Cụ là người bà con của BỐ. May mắn thế nào mà chả năm nào có cán bộ hạch hỏi. Thậm chí có những năm cuối trào, tôi được chuyển về Trại này, BỐ còn tổ chức cả ban ngày nếu hôm đó trùng ngày nghỉ lao động để nhiều anh em các lán khác có thể cùng gặp gỡ!

Thế mới biết làm chính trị thì có người yêu kẻ ghét, người nhớ mãi kẻ quên mau, nhưng yêu được chủ tướng của mình như gương BỐ Thường xưa nay là hiếm. Chạnh nghĩ ông Diệm và người đồng hương cũng còn cái may là khi chết thì đã được chôn, chứ có người cũng từng là lãnh tụ khi chết muốn chôn mà chẳng được chôn, muốn thiêu mà vẫn chưa được hóa, thân xác vẫn còn ta bà trên cõi trần gian, mà trần gian thì nhiều điều bạc hơn điều thiện.■

## Bàn về một tác phẩm chiến tranh sau chiến tranh



Cách đây mười năm, nhà văn T. Vấn cũng là cây bút chính luận sắc nét có gởi tặng tôi một cuốn sách được viết bởi người lính cùng xuất thân quân trường (Đại học CTCT) với anh.

Tác phẩm *Qua Đồi Trinh Nữ* của Thảo Nguyên được ra mắt trong bối cảnh sau 30 năm đất nước đã ngừng tiếng súng.

Nợ nần đã trả dù bằng máu và nước mắt. Quá khứ như chiêm bao dù lúc thực lúc hư. Nhưng nỗi buồn vẫn còn đó, mà theo Phan Khôi thì ‘nỗi buồn như tóc bạc, cứ cắt lại dài ra’. Thế còn niềm đau, sau 40 năm nhìn lại tháng tư ngày ấy, thực tình ai chẳng muốn chôn. Nhưng theo T. Vấn,

*Chúng ta có thể chôn cất hận thù, chúng ta có thể chôn cất quá khứ, như chúng ta đã chôn người chết, nhưng chúng ta không thể chôn cất những nỗi đau...*

Một khi chưa quên thì phải nhớ, đã nhớ thì phải nhắc, cách tốt nhất là phải viết dưới ngòi bút của những nhân chứng cuối cùng còn đang sống.

Chính vậy mà khi đọc lại “*Vài cảm nghĩ (của T. Vấn) nhân đọc một người lính viết về chiến tranh*”,

một trích đoạn của bài nói chuyện của anh nhân ra mắt truyện dài *Qua Đồi Trinh Nữ* (lần đầu tại Dallas, lần sau tại San Jose), sau mười năm tưởng chừng như cũ, nhưng quả thực bao tâm tư còn vẫn y nguyên. Tôi như được sống lại với hình ảnh sinh động hào hùng của một tác phẩm được viết sau chiến tranh - của một cây bút không chuyên khi tác giả đơn thuần chỉ là người lính - mà qua trải nghiệm của một người từng phụ trách mục điểm báo và điểm sách cho quân đội trong một ngành công tác tư tưởng tại trung ương, tôi dám đánh giá *Qua Đồi Trinh Nữ* như một tác phẩm viết về chiến tranh đặc sắc nhất trong bốn thập niên qua.

Sau khi nhìn nhận chủ quan, tôi không dám ôm đồm công việc của người điểm sách, mà lại đồng cảm theo góc nhìn của người bạn văn đã đọc nó nhiều lần rồi ân cần giới thiệu ấn bản mới cho đọc giả bốn phương khi sách được phát hành những năm đầu của thiên niên kỷ.

Phải nói Thảo Nguyên đã chọn được người đại diện cho mình để làm một MC ra mắt sách với bài nói chuyện khá sâu sắc. Dù không được PR một cách ‘đình đám’ (như các buổi ra mắt sách thường thấy tại quận Cam), dù Thảo Nguyên không phải là Thảo

Trường, dù không có lời viết bốc lửa và tên tuổi như Phan Nhật Nam, nhưng *Qua Đồi Trinh Nữ* đã được tái bản sau lần ra mắt lần đầu của một cây viết mới và dù không hẳn mặn mà theo đuổi nghiệp văn, Thảo Nguyên vẫn được cộng đồng ưu ái và bạn văn đón nhận như một Nhà văn đã sản sinh ‘một tác phẩm văn học viết về chiến tranh mang tính sử thi’ mà tầm vóc hào hùng bi tráng của nó được trả bằng máu và nước mắt qua nhiều nhân vật, số phận, còn sống hay đã nằm xuống, kể cả người trong cuộc là những đồng đội và tác giả của nó.

Trở lại cảm nghĩ của T. Vấn, tôi thấy cách nhìn của anh khá độc đáo khi đưa ra một câu hỏi hay, oái oăm thay là chính tôi cũng có phần ‘dị ứng’ khi phải xem lại những hình ảnh chiến tranh nhất là cuộc chiến tương tàn trên quê hương ta, lại càng ngại khi phải đọc ‘những gì liên quan đến chiến tranh’, dù tác giả của nó có là những cây viết lầy lừng đi nữa, có thể xuất phát từ một thái độ... chạy trốn, ngợ vục, chán nản, tự dối mình, biểu hiện của sự suy nhược thần kinh do hệ lụy của hàng chục năm trong nhà tù lao cải.

Thế nhưng chạy trốn rồi cũng phải quay về, sự thật vẫn là sự thật, lại được đọc những con chữ của

người trong cuộc, trong đó có cả những tác giả chưa một lần chấp bút, những Cao Xuân Huy, Lê Thiệp, Phan Nhật Nam, Thảo Nguyên... kể cả Bảo Ninh một người thuộc phía bên kia, tôi mới tâm đắc qua phần lý giải của T. Vấn khi anh hỏi,

**Tại sao lại cần phải viết về cuộc chiến mà ai cũng muốn nó ngủ yên trong quá khứ?**

Cứ theo phụ lục đính kèm hoặc đọc giả để tôi tóm lược, thì có 4 lý do hoặc động cơ thúc đẩy,

**Thứ nhất**, nó cần thiết phải được viết vì cuộc chiến ấy liên quan đến hầu như tất cả những người Việt nam của cả hai miền Nam Bắc. Nó như một dấu ấn khủng khiếp được ghi lại cho tất cả những người can dự dù tự nguyện hay bắt buộc, trực tiếp hay gián tiếp mà tầm vóc của nó hàng trăm năm sau lịch sử vẫn còn bàn cãi, tranh luận, bình phẩm.

**Thứ hai**, do tầm mức vô luân của cuộc chiến, không chỉ gây ra **trong** chiến tranh mà còn âm ỷ nhưc nhói do sự trả thù và những điều tàn bạo xảy ra **sau** chiến tranh. Hàng trăm ngàn người bị đầy đọa, nhục hình trong các trại cải tạo. Hàng triệu người chấp nhận băng rừng vượt biển để tìm sự sống trong cái chết. Những người ở lại chịu chung số phận của một miền

Nam thua cuộc khi bị kỳ thị, bóc lột, xăm soi như những ngoại nhân ngay trên quê hương mình. Bị kịch cho đến nay, kẻ trong nước người ngoài nước vẫn còn nghi kỵ nhau, chỉ trích nhau, hận thù nhau vô phương hòa giải.

**Thứ ba**, cần được viết lại khi ‘phía thua trận’ mỉa mai thay lại là những người đã từng giương cao ngọn cờ đấu tranh cho các giá trị tinh thần của nhân loại: Tự do, Công bằng, Bác ái. ‘Phe thắng cuộc’ đã để lộ bộ mặt thật giả nhân giả nghĩa sau khi chiếm được thế thượng phong và chẳng còn lừa được ai khi cái chủ nghĩa họ rêu rao đã hoàn toàn tan rã để lại hệ lụy sau 40 năm đất nước vẫn triền miên trong cảnh ‘xóa đói giảm nghèo’.

**Thứ tư**, những bài học xương máu của cuộc chiến vừa qua phải được viết lại vì cần được nghiền ngẫm, rút tĩa hầu tránh cho dân tộc, và cả nhân loại, ở những thế hệ sau, không còn phải đau nỗi đau của cha ông.

Nên chi bên cạnh các công trình biên khảo đứng đắn nghiêm cẩn, khách quan trong bốn thập niên qua, rất cần thiết phải có tiếng nói của những nhà văn, những người cầm bút chân chính viết lên những tác

phẩm văn học dài hơi, tỷ như truyện dài *Qua Đồi Trinh Nữ*, không nhất thiết là người của phía bên này hay phía bên kia, miễn là chuyển tải được nỗi đau của nhân vật, lính cũng như dân, cùng sự khùng khiếp của chiến tranh đến được người đọc, trong chùng mực và vị thế nào đó cũng là những chứng nhân lịch sử của một thời đã qua trên quê hương nát tan.

Với ước nguyện chân thành, một lần nữa, người viết xin độc giả xa gần trong ngoài nước tìm đọc tác phẩm của Thảo Nguyên nhân dịp 39 năm nhìn lại những ngày Tháng Tư nắng úa. ■



## Hạ Lào

### Khi những người lính nằm lại Tchépone



**Đỏ Lửa - Tranh: Trần Thanh Châu**

*Bốn mươi năm nhìn lại, cũng một mùa hè khó quên tôi trở lại Huế, một thành phố chứng nhân của biết bao biến đổi lịch sử nổi trôi theo vận nước mà sau này khi nhắc đến người ta thường chỉ nhớ với danh xưng buồn ‘Huế Mậu Thân’. Khác với những lần trước, lần này tôi chỉ ở Huế có một ngày vì được chỉ định dẫn đoàn nhà báo trong và ngoài nước từ Sài Gòn ra tham dự lễ mừng chiến thắng Hạ Lào, một chiến dịch có tên Lam Sơn 719 được phát động đầu năm 1971.*

Tôi không hiểu nhiều về lĩnh vực chiến thuật, chỉ biết đây là một cuộc hành quân vượt biên giới đánh thẳng sang Tchépone nhằm cắt đường tiến quân của bộ đội Bắc Việt xâm nhập và giải tỏa áp lực đè nặng trên chiến trường Trị Thiên. Trung tướng Hoàng xuân Lãm, Tư lệnh Quân đoàn I/Quân khu I, người chịu trách nhiệm chỉ đạo chiến dịch với lực lượng bao gồm các Sư đoàn Bộ Binh nằm trong lãnh thổ vùng giới tuyến cùng sự tăng cường của các lực lượng Tổng trừ bị chủ yếu là Dù, TQLC, BĐQ, Thiết giáp, Pháo binh... và Không quân.

Đáng chú ý là cuộc hành quân này dường như muốn thử sức cho kế hoạch Việt nam hóa chiến tranh, nên người Mỹ đã không can dự và ngầm để hai người anh em ‘cùng mẹ khác cha’ quần thảo nhau trong rừng già Trường Sơn, tránh xa nơi đất mẹ đã bảy năm nội chiến từng ngày mà Trị Thiên quan ải địa đầu luôn gánh chịu những tổn thất mát mát nặng nề nhất cho cả binh sĩ lẫn thường dân.. .

Chính vì sự thiếu vắng phần yểm trợ phi pháo từ không lực Mỹ cùng lần đầu tiên hành quân trên đất lạ với lực lượng dàn trải quá mỏng, lại gặp sức kháng cự mãnh liệt của các sư đoàn chính qui Bắc Việt áp đảo về quân số đang trực sẵn, chiến dịch Lam sơn 719 đã mất thế chủ động chiến trường và phải kết thúc sớm hơn dự liệu. Phần tổn thất nặng nề của cả hai bên cho đến giờ vẫn là điều bí ẩn về con số nhưng hệ lụy lại trở thành bi thảm cho các số phận tham gia chiến dịch về phía quân lực VNCH khi những người lính bỏ xác tại trận hoặc bị bắt làm tù binh bên kia biên giới hầu như bị lãng quên kể từ khi rừng già im tiếng súng.

Lễ mừng chiến thắng được tổ chức muộn màng cả vài tháng sau. Địa điểm hành lễ là khán đài lộ thiên nằm trên khu đất vắng bên hữu ngạn sông Hương

gần trung tâm thành phố. Quan khách từ trung ương ra gồm đủ mặt văn võ bá quan, đứng đầu là Tổng thống Nguyễn văn Thiệu. Tôi có dịp dẫn báo chí tham dự nhiều lễ mừng chiến thắng, nhưng buổi lễ hôm nay thấy sao tẻ nhạt, không khí căng thẳng đượm buồn lộ trên khuôn mặt từ các nhân vật tham dự đến các cá nhân và đơn vị được tưởng thưởng. Các diễn văn và đáp từ trong buổi lễ nội dung có phần gượng ép, hình như ai cũng muốn ngắn gọn cho xong thủ tục và chóng kết thúc.

Về phía nhà báo họ không hứng khởi cho lắm vì các tin tức về chiến dịch họ đã nắm từ lâu, tham dự chủ yếu vì có tổng thống Thiệu cùng các yếu nhân quan trọng đối với báo giới ngoại quốc thì biết đâu có thể là dịp khai thác phỏng vấn được gì chẳng khi cuộc chiến Việt nam đang đi vào bước ngoặt. Sau buổi lễ có một tiệc trà ngắn. Nửa giờ sau, các quan khách bay thẳng về Sài-gòn.

Phái đoàn báo chí đi và về bằng một phi cơ vận tải riêng. Tôi được chỉ thị không nên cho các phóng viên tiếp xúc nhiều, đặc biệt tránh tiếp cận các vị lớn, và không để họ ra ngoài phạm vi hành lễ, dù nhiều phóng viên quốc tế có yêu cầu tôi cho đi một vòng thăm thành phố cổ đô trước khi ra phi trường

Phú Bài trở lại Sài Gòn. Tôi đã không làm tròn nhiệm vụ khi để một nhà báo của truyền hình Mỹ tiếp cận được ông Thiệu và hỏi một câu làm Tông tông đỏ mặt, “xin Tổng thống cho biết chiến dịch này có thực sự là một chiến thắng không?” Tổng thống mình xưa nay vốn lì, ông đốp chát lại bằng tiếng Mỹ, “tất nhiên là có, nên mới có ngày hôm nay”, và đi thẳng ra xe.

Ngồi trên chuyến chuyên cơ trở lại Sài Gòn, lòng tôi nặng trĩu một phần để xảy ra vụ việc không hay, phần khác vì thấy các quan lớn nhà ta có phần vô cảm. Lặng lặng đến lặng lẽ đi, không một lời thăm hỏi qua cáp cho đại diện các thân nhân tử sĩ, mà các giải khăn xô còn phủ trắng trên đầu vợ con những người lính nơi hậu cứ trong Thành nội của Sư đoàn 1 Bộ Binh, đơn vị mũi nhọn và tổn thất nặng nề nhất, cùng các Thương bệnh binh tại quân y viện Nguyễn tri Phương nằm bên kia sông khi vết thương của họ vẫn còn rỉ máu sau khi thoát hiểm nhờ các phi vụ trực thăng cảm tử của các phi công đồng đội của mình.

Tôi suy nghĩ nhiều về câu hỏi của nhà báo Mỹ, nó ám ảnh tôi cho đến gần đây khi đọc một cuốn sách nằm trong thư viện gần nhà, của một tác giả người

Mỹ mang tựa đề “Partners in Power” (Những Đối tác trong Quyền lực) viết về hai nhân vật Nixon và Kissinger. Ít nhất là có 5 trang viết về cuộc hành quân Hạ Lào mà bi hài thay tổng thống Nixon cũng muốn thấy đây là một chiến thắng của VNCH để tự nó biện minh cho kế hoạch Việt nam hóa chiến tranh của ông, để làm tiền đề cho chương trình tái cử trong năm kế tiếp, nhưng rút cục Nixon có phần bực dọc khi các tư lệnh chiến trường miền Nam đã không chứng tỏ được điều này, dù cho cuộc rút quân về bên này biên giới có hỗn loạn, nhưng chính ông than thở là nếu chỉ cần chụp được vài tấm ảnh “cắm được lá cờ ba sọc trên một căn cứ của VC nơi rừng già hoặc bắt về mấy tên tù binh xâm nhập” rồi đem quảng bá trên truyền hình Mỹ thì cũng là điều an ủi cho chính cha đẻ của cái gọi là Việt nam hóa chiến tranh!

Trở lại chiến trường Trị Thiên, một năm sau đó là Mùa hè đỏ lửa 72, cường độ ác liệt của cuộc chiến gia tăng, vô hình chung người ta chẳng còn nhắc đến cái chiến dịch ngăn ngày Lam sơn 719, thậm chí ba năm sau khi có hiệp định đình chiến Paris, các cuộc thương lượng trao đổi tù binh giữa hai phe cũng chẳng đả động gì đến các chiến sĩ của ta bị bắt làm tù binh tại Hạ Lào 71. Phía Cộng sản họ nói những

người này bị bắt ngoài lãnh thổ Việt nam, trước mắt chỉ giải quyết chiến trường nội địa. Phía VNCH chẳng chịu can thiệp đến cùng khiến Đại tá Nguyễn Văn Thọ, một lữ đoàn trưởng của sư đoàn Dù, người có cấp bậc cao nhất bị bắt làm tù binh cùng đồng đội của ông thuộc các đơn vị liên quân không hề có tên trong danh sách trao đổi tù binh hai bên. Trải theo năm tháng, những xương khô thì ở lại, những người sống sót bị lãng quên, số phận họ đưa đẩy thế nào chẳng ai biết cho đến khi tàn cuộc chiến.

Mùa hè 76 -lại mùa hè khó quên- chúng tôi được chuyển ra miền Bắc cải tạo tại Yên Bái. Những tháng đầu họ thả chúng tôi đi từng đội, rồi tẻ ra từng cá nhân, mỗi người một con rựa cán dài, chui vào các khu rừng bưng, tre, nứa, tọt chặt rồi vác về trại theo tiêu chuẩn đã giao để làm vật liệu xây dựng các lán trại mới cho hàng chục ngàn tù cải tạo từ phía nam chuyển ra.

Cũng trên địa bàn lao động heo hút này, ta hãy nghe tác giả ĐXT tình cờ kể lại, “Có một lần tạm nghỉ bên suối, tình cờ chúng tôi gặp một toán ăn mặc rằn ri đang tải thực phẩm qua suối. Hỏi ra mới biết là anh em ta thuộc đơn vị Dù của Đại tá Thọ bị bắt từ chiến dịch Hạ Lào (1971). Vì có cán bộ áp tải nên

chuyện liên hệ là điều cấm kỵ, anh em chia tay chẳng nói được nhiều. Bỗng một chú nhỏ tuổi nhất trong đám có lẽ là hạ sĩ quan, nói với lại một câu, "các ông thầy cứ nhớ kỹ lời Tông Tông". Tôi vốn tinh ý nên hiểu ngay câu nói của TT Thiệu, đừng nghe những gì CS nói mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm..." (trích truyện Viên trại trưởng và người tù cải tạo).

Tưởng chẳng bao giờ còn dịp gặp lại nhóm người này, thì do tình hình bất ổn ở biên giới Trung quốc, nhóm tù binh Hạ Lào chuyển trại xé lẻ nhập với đoàn chúng tôi. Họ mất qui chế tù binh, đổi thành tù cải tạo và được thả dần trong vòng mười năm sau. Đại tá Thọ ở lại cuối cùng cho đến khi ông được đi định cư tại Úc vào đầu thập niên 90 thì tính ra ông đã ăn khoai sắn và lao cải tại miền Bắc gần ...hai chục năm! Dầu vậy ông vẫn còn may mắn hơn các đồng đội, thuộc cấp của ông - những bộ hài cốt bị bỏ quên vĩnh viễn nằm lại trong rừng già cứ điểm Tchépone.■

*Nhân bà quả phụ 'Anh hùng mũ đỏ tên Dương' trở lại Tchepone (do báo NV bảo trợ) thăm ngọn đồi chồng bà nằm xuống, 45 năm trước đó.*

# Nhớ An Lộc

## chuyện người thương binh bị bỏ quên

Bốn mươi năm qua, cứ mỗi lần nhắc đến mùa hè đỏ lửa, tôi lại nhớ ký sự chiến trường của Phan Nhật Nam, một bút ký vừa hào hùng vừa bi tráng được viết bằng máu và nước mắt của quân dân vùng Trị Thiên tuyến đầu lửa đạn. Nó trung thực và xúc động lòng người đến độ nhà văn Bảo Ninh, người bên kia chiến tuyến, tác giả *Nỗi Buồn Chiến Tranh* (một tác phẩm nổi tiếng đã được nhà sản xuất ngoại quốc chuyển thể thành phim) đã phải thừa nhận, ‘*nếu tôi được đọc Mùa Hè Đỏ Lửa của PNN, chắc tôi không viết Nỗi Buồn Chiến Tranh như tôi đã viết*’. Lý do chính là ông ta không ngờ ở một góc chiến trường

phía nam vĩ tuyến 17 lại có một đội quân chiến đấu can trường cao độ và sức chịu đựng vô bờ bến của những người dân Trị Thiên trong lửa đạn vào thời điểm mùa hè 72.

Tất nhiên cũng thời điểm này hình ảnh Trị Thiên mới chỉ là một nửa của bức tranh toàn cảnh chiến trường miền Nam. Đi sâu vào miền đông Nam bộ, vùng đất của những rừng cao su ngút ngàn người ta lại bắt gặp tính chất ác liệt của một cuộc đụng độ vô tiền khoáng hậu của cả hai phe, mà cuộc tử thủ An Lộc có thể được xếp loại như những chiến dịch hàng đầu trong quân sử VNCH khi cuộc chiến sắp hồi kết thúc.

Nhân kỷ niệm bốn mươi năm sự kiện ‘Bình Long anh dũng’, tôi không đủ khả năng viết lại như cách nhìn của phóng viên chiến trường huyền thoại PNN về những cảm xúc một thời qua gương hy sinh cao độ của những người lính tử thủ hàng trăm ngày đêm tại một vùng đất đỏ của chiến trường miền Đông, mà về sau dấu tích của nó không còn là màu đỏ của đất mà là của máu, máu của cả hai phe cùng gà một mẹ nhưng đã quần thảo và giữ chân nhau khi chiến trường bắt phân thắng bại, để cuối cùng những người phương Bắc phải bỏ cuộc khi không thể quật

ngã những người lính gan lì của miền Nam. Tất nhiên sự tổn thất về nhân mạng và chiến cụ chia đều cho cả hai bên, rồi nhiều năm sau khi nhìn lại, bất giác tôi nhớ vài câu thơ của một người lính cũ ngâm ngùi hồi tưởng về cuộc thư hùng năm ấy,



*Ba mươi tháng tư / cuộc chiến tàn  
chiến trường xưa / một thời lửa đạn  
rừng cao su / cháy xem ngút ngàn  
xác anh em / nằm sâu trong An Lộc  
nay chỉ còn / vỏ đạn với xương khô...*

Người chết đã là một lễ, trong chiến tranh là điều không tránh khỏi, nhưng cái bi kịch là những người mang thương tật, kể cả mang phế tật suốt đời, tôi muốn nói những người lính VNCH bị bỏ lại bên lề cuộc đời sau khi chiến tranh chấm dứt, mà một trong những câu chuyện khá thương tâm vừa cay đắng rơi vào số phận của một anh lính bộ binh thuộc Sư đoàn 5, đơn vị chủ lực trong chiến dịch tử thủ và chịu nhiều tổn thất nhất trong mùa hè cay nghiệt của chiến trường miền đông năm 72.

*Tôi không quen biết anh mà sự gặp gỡ là một chuyện tình cờ khi anh là tài xế xe ôm tại một thị xã nằm bên bờ sông Cửu. Còn tôi là một cựu binh xa quê nhiều năm nên làm một chuyến trở về thăm nơi quê cha đất tổ tìm lại những ký ức tuổi thơ trên những dòng kênh quen thuộc. Qua thăm hỏi tôi biết anh là một người lính cũ của Sư đoàn 5 Bộ Binh, một đại đơn vị có tới hai ông Tư lệnh (một cựu, một đương nhiệm) tuấn kiệt trong ngày 30/4. Ngày ấy anh mang cấp bậc hạ sĩ, ngành thám báo, được tham gia chiến dịch An Lộc mùa hè 72, cũng lãnh đạn pháo của địch và chịu trận cùng đồng đội trong suốt thời gian cánh quân của tiểu đoàn anh chốt trên tuyến đầu của vòng đai tử thủ. Bốn mươi năm*

*trôi qua nhưng anh vẫn nhớ như in những tiếng nổ chát chúa của đạn pháo, những tiếng máy bay gào thét khi sà xuống để oanh kích yểm trợ quân ta mà lần ranh ta và địch kề nhau trong gang tấc, rồi những ngày hết lương khô, những đêm mất ngủ vì địch chỉ pháo kích về đêm, những ban ngày ló mặt lên hầm là bị bắn sẻ, ôi những ngày nửa như địa ngục, cơ cực nhưng tiểu đội anh quyết tâm trần thân chịu trận.*

*Rồi đến một đêm sau hồi pháo kích, anh nghe tiếng động như của xe tăng, tưởng thiết giáp của ta không ngờ là tăng của địch, đơn vị anh bị tràn ngập lúc nào không hay, về sau nhớ lại anh chỉ biết một mảnh đạn pháo xuyên qua hông và chui sâu vào cơ thể làm anh mất máu và ngất xỉu. Anh đi dần vào hôn mê chỉ mơ hồ nghe như có những giọng Bắc cùng bước chân lùng sục của ai đó trên chỗ anh nằm giữa chiến trường bốn bề im vắng.*

*Không biết anh nằm bất động bao lâu, chỉ biết khi tỉnh dậy anh thấy khát nước và toàn thân ê ẩm, yếu sức quá đến độ anh không thể ngồi dậy để tự mình kêu cứu, mà có kêu được thì cũng chẳng ai tiếp cứu khi quanh con mương anh nằm chỉ toàn tử thi và tiếng vỗ cánh của lũ quạ đen. Anh biết anh sẽ không*

*qua khỏi tử thần nếu cứ nằm đây và chịu trận như vậy. Tuyệt vọng, anh muốn được quay lại tình trạng hôn mê và mong cái chết đến mau hơn.*

*Nhưng lạ thay, nghe đâu đây như có tiếng động của các bàn chân trên lá khô, có cả tiếng người mà qua âm sắc anh nghe vắng vắng như có cả tiếng Việt lẫn tiếng người Thượng. Biết chắc là tiếng người anh ráng sức đưa bàn tay lên cao hơn, cố rên mạnh hơn dù chỉ ngoắc ngoắc làm hiệu nhưng cũng làm anh mệt lử. Nhưng chính động tác vô vọng này lại cứu anh. Thì ra đây là toán thám kích của một trại Dân sự chiến đấu của Mỹ, họ đi ngang đây không hiểu với nhiệm vụ gì. Về sau nghe học lại có cả cố vấn Mỹ đi theo, biết được tình trạng nguy kịch của anh viên cố vấn cho gọi trực thăng tiếp cứu, thay vì đem về một quân y viện gần nhất thì chẳng hiểu sao anh lại được tải thương ra tận...hạm đội 7 đóng ở ngoài khơi bờ biển Việt nam. Lúc này đơn vị anh vì không lấy được xác lính mình ra khỏi chiến trường nên đã báo cáo anh trong danh sách những quân nhân mất tích.*

*Anh được điều trị vết thương và săn sóc tận tình khoảng nửa tháng, khi ổn định họ lấy số quân và đơn vị của anh rồi trao trả về Tổng y viện Cộng Hòa*

*để điều trị tiếp. Có điều lạ là trên chuyến trực thăng về Cộng Hòa, các thương binh được hoàn trả đều là lính thuộc phe ta đã ra khỏi An Lộc trong tình trạng thập tử nhất sinh như anh.*

*Khi hoàn toàn bình phục anh được xếp thương binh loại hai, anh có quyền xuất ngũ và hưởng trợ cấp thương phế binh. Nhưng tuổi còn quá trẻ, lại nhớ đồng đội anh xin được về đơn vị cũ. Người ta cho anh về hậu cứ tiểu đoàn đóng tại Lai Khê, phục vụ tiếp cho đến khi toàn quân buông súng.*

*Sau 30/4, anh về quê lập gia đình, làm đủ nghề nuôi sống bản thân, do ảnh hưởng vết mổ nên không kham nổi lao động ruộng vườn, tới thời mở cửa anh quay ra thị xã làm phụ lơ xe rồi trụ lại tài xế xe ôm cho đến khi gặp người khách phương xa.*

Qua suốt câu chuyện, tôi ghi nhận anh không hề than van, chẳng hề tiếc nuối mà coi mọi sự như đưa đẩy của số phận. Tôi có gợi ý cho biết lý lịch và giấy tờ tùy thân còn giữ được trao cho tôi để khi quay lại Cali tôi hứa sẽ liên lạc dùm tổ chức từ thiện TPB/HO của bà Hạnh Nhơn xem giúp gì được anh, chỉ ít cũng được chút tiền ủy lạo như các thương phế binh còn sống tại quê nhà mà tổ chức này đã thường

xuyên hỗ trợ qua sự quyên góp của cộng đồng. Từ giã anh tôi có tặng một chút tiền và cũng xin phép anh tôi có ý định viết câu chuyện về anh nhân kỷ niệm 40 năm Bình Long An Lộc. Anh vui vẻ đồng thuận và xin ông thầy đừng đẩy thẳng em lên quá cao.

Nay viết lại mấy dòng này như một hồi niệm trân trọng những người đã nằm lại An Lộc và như một nhắc nhở nhiều số phận kém may mắn vẫn còn bương chải giữa dòng đời đen bạc khi tiếng súng đã ngừng gần bốn thập niên trên quê hương nát tan.■

*(viết theo lời kể của Năm Út, cựu trung tá Không quân hiện sống ở quận Cam)*

## Cờ Vàng trên kỳ đài Mẫu hạm Midway



Nhớ lại vài năm trước nhân ba mươi lăm năm nhìn lại tháng tư đen, hình ảnh gây ấn tượng nhất đối với tôi vẫn là buổi lễ trang trọng được các giới chức Hải quân Mỹ và quan chức địa phương tổ chức trên Hàng không mẫu hạm Midway, một bảo tàng nổi về lịch sử chiến tranh, hiện thả neo cố định tại vùng vịnh San Diego từ nhiều năm nay.

Qua diễn tiến buổi lễ, nhiều giai thoại đã được nhắc nhớ mang nặng hoài niệm về hình ảnh sau cuộc chiến, mà nhiệm vụ cao đẹp là sự tiếp cận, đón nhận dòng người di tản từ biển Đông của những người đồng minh anh em cũ, trong đó vai trò của mẫu hạm Midway với những chiến sĩ một thời hết mình cho nhu cầu lửa đạn đã chuyển nhiệm vụ hướng về công tác cứu trợ nhân đạo cho những thường dân và chiến hữu Việt nam đang đổ về hướng biển để thoát chạy một thảm cảnh có nguy cơ ‘tắm máu’ giữa đêm giao thừa của Sài gòn thất thủ.

Ít ai tưởng tượng và có thể ngờ rằng ba mươi lăm năm sau trên một hàng không mẫu hạm lớn nhất của Hải quân Hoa Kỳ, người ta lại kỷ niệm sự kiện lịch sử tưởng chừng đi vào quên lãng, với một nghi lễ trân trọng giàu cảm xúc khi lá cờ vàng thân yêu của những người bỏ nước ra đi tung bay phấp phới cùng lá cờ hoa của Mỹ trên đỉnh kỳ đài của mẫu hạm Midway vào một ngày đẹp trời tại vùng San Diego Bay được coi là căn cứ tiền tiêu của Hải quân Mỹ chỉ cách Little Saigon chưa đầy trăm cây số đường chim bay. Cũng như tôi, cảm xúc của đa phần người tham dự đều coi đây là biểu tượng đẹp của tình hữu nghị Việt-Mỹ, tác động mạnh đến tinh thần của những người đã một thời chiến đấu bên nhau và dù lịch sử có sang trang thì sự hy sinh của họ vẫn đầy đủ ý nghĩa và đáng được trân trọng vinh danh.

Cũng trong buổi lễ, điều thú vị là những chứng nhân một thời, người là chủ của con tàu tiếp cứu, người là khách di tản trên mẫu hạm năm xưa, lại có dịp hội ngộ và ôn lại vài giai thoại đáng nhớ, trong đó tấm gương dũng cảm của người phi công Lý Bửng thuộc không lực Việt nam đã được nhìn nhận một cách đầy thán phục của vị cựu tư lệnh mẫu hạm ngày đó là phó Đô đốc Lawrence Chambers khi ông vinh

danh anh như “người dũng cảm nhất trên thế giới” (the bravest man in the world) [ báo OC Register, May 1, 2010] chỉ vì viên phi công của Không lực VNCH đã dám đáp xuống đường bay của mẫu hạm bằng một máy bay L19, một loại Cessna với hai chỗ ngồi dành cho các phi vụ quan sát, chỉ hoạt động trên không phận đất liền và không có tên trong chủng loại được cất cánh hoặc đáp trên sàn bay mẫu hạm vốn chỉ dành cho các phi cơ chiến đấu phản lực hoặc trực thăng khi lâm chiến.

Cũng chuyện chiếc máy bay, trong khi các loại phi cơ di tản từ đất liền đáp xuống thả người xong bị đẩy liền xuống biển để giải tỏa sàn bay thì nguyên bản của chiếc L19 đã được cẩn thận giữ lại và đưa về trưng bày tại viện bảo tàng hải quân của Mỹ ở Pensacola (Florida), coi nó như tư liệu vật thể đã làm một chuyện có một không hai khi chưa hề có phi công Hoa kỳ nào trên bất cứ hàng không mẫu hạm nào dám làm một cuộc hạ cánh sát thủ như vậy. Lần này nhân kỷ niệm sự kiện 35 năm tại San Diego Bay, hải quân Mỹ cho làm một ‘phiên bản’ y hệt như nguyên bản để triển lãm cho bà con vùng Nam California. Họ cũng mời bằng được người lái của nó hiện diện trong buổi lễ như nhân chứng sống đã liêu

mạng đi tìm tự do cùng người vợ và năm đứa con thơ với gia tài gói trọn trong một chiếc áo gối, nhét gọn cả người lẫn hành trang trong phòng lái mà sức chứa vốn vẹn theo qui định chỉ dành cho một phi công và một quan sát viên khi cất cánh.

Đáng cảm động là cuộc hội ngộ vẫn còn đủ bộ ba ‘xe pháo mã’ từ tư lệnh mẫu hạm Midway là người đã phá lệ cho phép đáp, đến chỉ huy điều hành sân đáp là người dám đề xuất xin cho đáp và viên phi công Việt nam liều chết nhất định đáp. Tuổi đời của họ tuy chồng chất thêm ba mươi năm gánh nặng của thời gian, nhưng họ vẫn tay bắt mặt mừng hồi tưởng sự kiện cứ như mới ngày hôm qua. Họ là những người còn sống sót sau cuộc chiến và hành động cứu nguy thoát hiểm này được xem như một dấu chấm khép lại cho một chương quân sử mà sau hơn ba mươi năm nhìn lại được các cựu binh Việt-Mỹ nhắc đến như chủ đề hữu nghị cho ngày kỷ niệm tháng tư đen.

Có điều khi người phi công bỏ nước ra đi trong đêm cuối cùng của cuộc chiến, lạnh lùng đơn độc trên đại dương trong một phi vụ bay đêm một đi không trở lại, vẫn không thể ngờ mình và gia đình còn sống sót, và qua phút giao lưu ngắn ngủi trong tình chiến

hữu anh đã tỏ lộ với tôi điều làm anh xúc động nhất sau buổi lễ hôm nay không hẳn là những lời ca ngợi của vị cựu tư lệnh mẫu hạm đồng minh [vinh dự này anh xin dành cho các đồng đội của anh], nhưng cái đáng nói là có ngày *nhìn lại lá cờ vàng thân yêu*, một biểu tượng anh dám sống chết vì nó trong cuộc chiến, lại phát phới tung bay cạnh lá quốc kỳ của quê hương thứ hai đã cứu mang anh, trên cùng một mẫu hạm mà ba mươi lăm năm trước đã chứng kiến sự bức tử của một chế độ chính trị và sự tan hàng của một đạo quân được coi là chiến đấu rất oai hùng trong quân sử Việt. ■

*Nhân xem lại bài báo tường thuật trên tờ Register của OC County về sự kiện hi hữu này.*

## Cao Xuân Huy

### Người ở lại Thuận An



**Tưởng Niệm - Ảnh (Lưu Na)**

Cao xuân Huy đã trở về cát bụi cách nay đúng một năm. Thân xác ông đã được hỏa thiêu sau một tang lễ vừa trang nghiêm theo nghi lễ quân cách vừa thân mật đơn giản như một cuộc chia tay trong đó có đông đủ thân nhân, đồng đội, bạn bè, bạn văn, bạn làm báo và độc giả của ông.

Hiếm thấy một người vương vào nghiệp văn bút, báo bở tại một vùng đất vốn được đồng hương gọi đùa là ‘gió tanh mưa máu’, nhưng lại được quý mến gần gũi tâm đắc, rồi đến lúc đau yếu nhắm mắt xuôi tay lại được nhiều người nhiều giới chia buồn phúng điếu đưa tiễn bằng lời nói bằng bài viết trên các phương tiện truyền thông hải ngoại tựu chung tỏ lòng thương tiếc sâu sắc một con người mà hồi sinh thời rất can trường trong chiến đấu, nghiêm túc trong công việc nhưng lại ‘hết mình’ trong cuộc chơi với những người vốn biết và giao lưu với ông.

Cuộc đời Cao xuân Huy mà người ta quen gọi là ‘ông Gãy Súng’ cũng khá lạ kỳ. Nhờ vào lính mà sau này mới trở thành nhà văn, rồi từ tác phẩm đầu tay *Tháng Ba Gãy Súng* người ta mới biết ông qua danh xưng ‘nhà văn’ hơn là ...‘nhà binh’. Với ai khác được gọi là nhà văn chắc phải hãnh diện về thiên chức của nó, nhưng oái oăm thay ông vẫn

không chịu nhận mình là nhà văn và cứ xin coi ông là ‘người lính’, một người lính quay sang cầm bút sau khi gậy súng để tường thuật những sự việc do chính ông trải nghiệm, đặc biệt ở thời điểm cuối cùng của cuộc chiến. Bằng ngòi bút ông viết lại một cách trung thực như những gì nó đã xảy ra, không hư cấu không vẽ vời không tô hồng không đánh bóng. Khi một người lính nói sự thật theo bản chất ‘nói thẳng như lính’ thậm chí kèm theo cả ngôn ngữ chửi thề, thì những điều ông kể ra cùng với tài viết văn tiềm ẩn tự phát chẳng ai dạy nhưng trời cho đã được người ta nhanh chóng tin ông và chấp nhận ông để từ đây giới văn bút coi ông là nhà văn, độc giả gọi ông là nhà văn, dù sau này có nghiêng về làm báo và hai mươi lăm năm sau mới ra một đầu sách mới, nhưng chỉ một *Tháng Ba Gậy Súng* tên tuổi ông đã thành danh và ‘lùng lũng’ đi vào dòng văn học sử hải ngoại như một bạn văn ca ngợi mới đây.

Những gì về sự nghiệp văn bút và chủ biên văn học của Cao xuân Huy đã và sẽ còn được nhiều người viết và nhắc nhớ. *Tháng Ba Gậy Súng* sẽ được đánh giá như một tập hồi ký sử thi chứng nhân cho ngày tàn của cuộc chiến, nó sẽ được độc giả trân trọng

như *Mùa Hè Đỏ Lửa* của Phan Nhật Nam và một số bút ký chiến tranh nổi bật của số ít tác giả miền Nam, thậm chí kể cả *Nỗi Buồn Chiến tranh* của Bảo Ninh nếu không ngại phân biệt về mặt quan điểm.

Ở đây người viết chỉ đề ý một khía cạnh là không hiểu vì sao mà Cao xuân Huy cứ trăn trở chuyện xin coi ông là người lính thay vì nhà văn. Tất nhiên có những nguyên ủy của nó, mà dễ hiểu nhất thì vẫn tại vì bản thân ông... là lính! Hãy nghe ông tự sự từ đáy lòng mình về tình yêu của ông với đời quân ngũ,

*“tôi yêu đơn vị tôi, tôi yêu màu mũ, màu áo tôi, tôi yêu thuộc cấp tôi và tôi kính trọng thượng cấp tôi. Tôi bình thản chấp nhận mọi thói hư tật xấu của thượng cấp và thuộc cấp, và chính tôi cũng có quá nhiều thói hư tật xấu.”*

Đơn vị ông là Tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến, màu mũ là màu xanh của binh chủng, màu áo là màu rằn ri tựa như dấu in cạp biển, thuộc cấp là lính thuộc đại đội ông khoảng trên dưới một trăm, thượng cấp thì quá nhiều vì cấp bậc của ông chỉ là trung úy đại đội phó. Dù thượng cấp hay thuộc cấp ông vẫn yêu họ như chính mình, dù ai xấu ai tốt thì ông cũng chẳng hơn ai và chẳng dám đoán xét ai.

Vào lính ở tuổi hai mươi trong một đợt tuyển quân cao điểm hồi Mậu Thân 68, trải qua các chiến trường từ Cà mầu đến miền giới tuyến, cuối cùng trụ lại làm anh lính gác gác theo tuyến phòng thủ bảo vệ cố đô sau Hiệp định Paris trải dài từ sông Thạch Hãn qua Phá Tam giang xuống tận Thuận an và gây súng tại đây sau một cuộc rút quân hỗn loạn.

Trở lại chuyện của ông quả ít ai có tâm hồn luôn thiết tha với màu cờ sắc áo, sau khi gây súng bị bắt làm tù binh ông vẫn mặc đồ trận, người ta cũng chẳng cấp bộ đồ tù chỉ yêu cầu cởi bỏ lon lá, sau này ra hải ngoại có dịp ông vẫn mặc quân phục, vẫn đeo huy hiệu của binh chủng mình, nhưng chỉ mang bảng tên trên ngực ghi **HUY 4**, có nghĩa là tên & đơn vị của ông, đến khi vào quan tài thì cũng được liệt nguyên bộ đồ này. Con số 4 luôn theo chân ông, ông sống chết với nó suốt bảy năm quân ngũ, một đơn vị tác chiến cấp tiểu đoàn nhưng đã lừng danh bốn vùng chiến thuật, chính đơn vị này là đơn vị đầu tiên đã chạm trán quân chính qui Bắc Việt tại chiến trường Bình Giả miền Đông năm 1964, mở đầu cho cuộc thư hùng của những trận đánh lớn sau này. Cũng đơn vị ông trở thành mũi nhọn trong trận tái chiếm Cổ thành mùa hè 72 khiến đội quân đối

ngịch khi rút về bên kia sông Thạch Hãn lúc đi đũ chực lúc về còn ba.

Nói vậy chứ tổn thất trả giá cho những lần quyết tử cũng là những con số chóng mặt, chính tôi đã mục kích khần sô trắng đầu các cô nhi quả phụ trong trại gia binh cạnh hậu cứ tiêu đoàn của ông tại Vũng Tàu để thấy cái khắc nghiệt của chiến tranh và sự hy sinh cao độ của các đồng đội của ông suốt chiều dài cuộc chiến. Tôi thiết nghĩ chính vì cứ trần trở bởi những hình ảnh này mà Trung úy Huy người may mắn sống sót sau những trận đê đê đã không ngoảnh mặt quên đi quá trình chiến đấu để nhận những phong vị khác xem ra cao trọng hơn cho tên tuổi của mình.

Dù gãy súng ông vẫn chết với tư cách một người lính, xứng đáng được đồng đội phủ cờ hôm tang lễ vừa qua vì thực chất ông không thuộc diện đầu hàng buông súng. Ông bị gãy súng trong tư thế đang chiến đấu và chịu làm tù binh khi các cấp chỉ huy của ông không thể xoay chuyển được chiến trường. Ông trở thành một trong những ‘người ở lại Thuận An’ và trở thành chứng nhân cho bi kịch thời đại của một cuộc rút quân Waterloo thu nhỏ tại cửa biển oan nghiệt này vào một ngày tháng ba, ‘tháng ba gãy súng’, dự báo cho một ‘tháng tư tan hàng’, xóa sổ

tức tuổi một đạo quân được coi là chiến đấu rất can trường trong quân sử Việt.

Cửa biển Thuận an, một địa danh không xa lạ gì với người dân xứ Huế, và anh em chúng tôi khi được lệnh tăng phái từ Phủ đầu Rồng để bảo vệ cố đô, nhưng không ngờ vào thời điểm sắp tàn cuộc chiến thì Thuận an trở thành chứng tích của những cái chết vô nghĩa trong thảm cảnh gầy sủng nửa đường. Biển Thuận an trắng sáng thuở nào vẫn mang vị mặn nhưng không phải của muối, biển mặn vì máu. Máu của những người lính trẻ đã chết oan vì các tư lệnh của họ đã bỏ cuộc, đã bỏ chạy trước khiến họ phải chân đất chạy ra cửa Thuận an, con đường độc đạo ra biển để chờ tàu xuôi Nam, trốn chạy những người anh em cùng màu da nhưng khác máu từ phương Bắc đang rượt đuổi theo họ. Nhiều kiểu chết nhiều cách chết, vừa tự xử bằng lưỡi lê, lựu đạn, vừa trúng thương bằng tăng bằng súng của đối phương, vừa bỏ thân vì sóng cao biển động nhưng phải đọc tác phẩm của Cao Xuân Huy mới cảm nhận sâu sắc tấn bi kịch ‘mang con bỏ chợ’ của những lãnh đạo miền Nam và nét hào hùng của những người lính quyết tử theo màu cờ sắc áo.

Khôn khô thay cho những người lính về từ địa ngục sau khi kẹt lại Thuận an lại bị dồn vào các trại tù cải tạo chờ đợi biến cố họ không mong vào cuối tháng tư rồi sống tiếp trong cảnh ‘đáy địa ngục’ sau 75, trong đó có người lính Cao xuân Huy.

Cao xuân Huy, người ở lại Thuận an. Nhờ ‘Ông Gãy Súng’ mà người ta mới thấy hết nét bi thương của những ngày tháng Ba, nhờ ông mà những đồng đội nằm lại vĩnh viễn trên cửa Thuận an mới có cơ hội ‘lên tiếng’. Chúng tôi trân trọng ông về điều này và xin vinh danh ông với tư cách nhà văn song hành với danh xưng người lính. Xin ông cứ nhận ông là nhà văn vì chính ông là một nhà văn đích thực, một nhân chứng chỉ biết nói sự thật, và sự thật thì sống mãi ngàn thu.■

*Nhân ngày tiễn ông tại Quận Cam 11/2011*

## **Khi Phụng Hoàng gãy cánh**

Trong số các sĩ quan bị trả thù sau cuộc chiến, cựu tướng KQ Phạm Ngọc Sang là người vào tù sớm nhất (16-4-75) và ra trại trễ nhất (11-2-92). Thân tàn lực kiệt ông sống thêm được 10 năm và mất tại Quận Cam năm 2002. Trước khi mất ông dồn sức cố viết một hồi ức về trận đánh Phan Rang và làm một điều chẳng ai bắt ông phải làm là tỏ lời cáo lỗi cùng đồng bào qua mấy dòng bi tráng, Tôi cảm nhận rất có tội với đồng bào, vì làm tướng mà không giữ được thành.

Nói đến quân chủng Không quân người ta nhắc nhiều đến những khuôn mặt vừa hào hoa vừa gan dạ, lấy không gian làm nhà, lấy nghiệp bay làm lẽ sống, và trong hàng tư lệnh mang sao đã có hai ông một thời làm tới Phó tổng thống và một ông làm tư lệnh cảnh sát). Tướng Sang thì kín tiếng vì không thích chuyện chính trị, ông là một mẫu quân nhân thuần túy, lại hết mực nghiêm túc, trọng quân phong quân ký, có thể vì gốc nhà giáo và luôn tỏ ra gương mẫu trong nếp chỉ huy của quân trường, nơi một lần ông đã uốn nắn các sinh viên sĩ quan theo đuổi nghiệp bay cả về kỹ thuật lẫn tác phong.

Tôi nhớ lần lên gặp ông trong khu biệt giam tướng lãnh, khó ai ngờ ông là tướng một sao, cảm tưởng nhìn ông cắm cùi tưới mảng rau thơm và rau cải để tự cải thiện trong một khu đất khép kín của trại tù, người ta hình dung giống như một ông giáo già người Nam bộ đang chăm sóc mảnh vườn nhà èo uột dưới quê.

Nhưng bên trong con người này là một nhân cách đáng kính, làm lý ít nói, ngay cả khi địch bắt cũng chẳng khai thác được gì, bảo lên đài nói để kêu gọi binh sĩ ta đầu hàng buông súng ông không chịu làm,

bảo thành khẩn khai báo quá trình bản thân để sớm được tha ông vẫn an nhiên tự tại, ông không dại gì mà chống khi cánh bay đã gãy, nhưng phía cán bộ địch vận ở trung ương và quản lý trại giam nơi nhốt ông, họ biết người này khó mà chiêu hồi, cải tạo, có thể vì vậy mà khi trại giam tù cải tạo cuối cùng trên đất Bắc đóng cửa, người ta đem ông về Nam để nhốt thêm. Ông là người cuối cùng ra khỏi trại giam sau 17 năm, chính thức khai tử cái chính sách khoan hồng mà cộng sản rêu rao dành cho những kẻ cự thù của chúng.

Trở lại những ngày cao nguyên di tản, ông là nhân chứng đầu tiên ngoài tướng Phạm Văn Phú, người nhận lệnh từ tổng thống Thiệu. Ông vẫn hận về cái lệnh quái đản bằng miệng từ người tổng tư lệnh cho một tư lệnh quân đoàn qua đường điện thoại (từ Khánh Hòa Nha Trang), áp đặt một quyết định sinh tử cho việc tháo lui bỏ ngõ một vùng cao nguyên chiến lược mà chính người thi hành chỉ có không đầy... 72 tiếng đồng hồ để sắp xếp!

Ông vẫn còn nhớ như in trong cuộc họp tham mưu tại văn phòng tướng Phú, cú điện thoại gần như độc thoại từ đầu dây bên kia và phía đầu dây bên này chỉ có những độc âm...dạ, dạ, dạ,...rời ngưng, không

kip để phát thêm một lời xin giải thích và nhu cầu thời gian cho một cuộc di tản chiến thuật vô tiền khoáng hậu. Mặt buồn như người đưa đám, người tư lệnh cấp cao hơn ông chỉ đạo các đơn vị tự lo lấy phương tiện chuẩn bị băng qua con lộ 7, mà mấy ngày sau thành tử lộ trên đường rút về Tuy hòa, một thị trấn gần Nha Trang, nơi chưa đầy một tuần trước ông Thiệu và đoàn tùy tùng có cả đại tướng Cao Văn Viên đã có mặt tại đây.

Chưa đầy một tháng sau, bản đồ miền Nam được vẽ lại, Phan Rang trở thành tuyến đầu của lãnh thổ cộng hòa. Tướng Thiệu cho gom góp các đơn vị vừa tản hàng sau cuộc di tản, từ cao nguyên đổ về, từ miền Trung dạt xuống, bằng mọi giá phải bảo vệ thị trấn này cũng là hometown của ông, không để cho Bắc Việt lấn chiếm thêm. Từ đây, tướng Sang thêm một nhiệm vụ mới, làm phụ tá cho tướng ba sao Nguyễn Vĩnh Nghi, một cựu tư lệnh đồng bằng sông Cửu đang bị thất sủng nên chịu giữ chức tư lệnh tiền phương phòng thủ Phan Rang.

Có một giai thoại là tại mặt trận tiền phương, tướng Nghi đã chỉ định tướng Sang đặt bộ chỉ huy trên không để đề bề điều động phối hợp, nhưng ông đã nói đùa, tướng 3 sao dưới đất, tướng 1 sao trên trời

coi sao tiện, ông đã xin cùng ngồi ở bộ chỉ huy đóng gần phi trường, để rồi cùng số phận ít ngày sau khi Phan Rang thất thủ cả hai ông trở thành tù binh có cấp bậc cao nhất bị bắt tại chiến trường. Một thuộc cấp cũng là bạn của tôi thuật lại nếu Phụng Hoàng cứ ở trên không thì chiếc vận tải biết đâu đã quay hướng Sài Gòn và số phận của mấy thầy trò đã có ngã rẽ khác.

Viết lại về ông điều đáng nói không phải muốn đề cao một khuôn mặt từng được kính nể cả về tài năng lẫn phẩm chất, cái đáng phục dù không được nhắc nhớ như năm vị tướng đã chết theo thành, nhưng Phụng Hoàng khi gãy cánh đã trả giá bằng những tháng năm tù đầy gian khổ qua các trại giam của kẻ thù từ Bắc vào Nam, rồi trước khi về cội đã dừng cảm nhìn lại bằng tri nhớ của mình và nhờ các thuộc cấp bổ sung, ông đã viết được một tài liệu mang tính hồi ức thuật lại trận đánh Phan Rang mà những chi tiết có thể dùng làm tư liệu cho người viết quân sử.

Theo dư luận chung ông chẳng có lỗi gì, trái lại đã làm hết sức mình trước tình hình vận nước đã đến hồi mạt vận, dù ông đã tự thân xin lỗi đồng bào vì đã để mất Phan Rang. Các đồng đội vẫn tự hào khi

nhìn lại thấy Thầy mình sống chết có nhau, hơn nhiều kẻ chớp bu đã bỏ thành trước giờ tàn cuộc.

Mọi sự đã thuộc về lịch sử, thắng thua để các người hỏi sau phân giải. Bên thắng cuộc họ mới kỷ niệm âm ỹ 40 năm Sài gòn mất tên, nhưng cảnh đói nghèo tụt hậu vẫn còn là vết thương nhức nhối của một quê hương tan nát.

Tôi mượn lời của các thuộc cấp trong lễ truy niệm với đầy đủ lễ nghi quân cách trong ngày tiễn ông ra đi, *“Thôi thì, ân đất nước đã đền, nghĩa đồng bào đã trả, xin Tướng quân thanh thản ra đi”*. Chúng tôi, những người lính không cùng quân chủng, nhưng với lòng quý mến của các cựu tù xin Phụng Hoàng cứ yên nghỉ ngàn thu. ■

*Viết tại quận Cam 16-4-15*

## Nhìn lại

### chân dung hai ông Tướng

Trong mấy ngày trung tuần tháng 7 (2011), có hai ông tướng của miền Nam đã về nơi vĩnh cửu. Hai ông đều là những vị tướng nổi tiếng một thời. Một ông nguyên là Tư lệnh của quân chủng Không quân, còn một ông đã có thời làm tư lệnh một Quân khu miền đồng bằng sông Cửu. Chưa kể những chức vụ quan trọng cho đến ngày mất nước, một vị đã trở thành Phó tổng thống của VNCH, còn vị kia được trao chức Cố vấn quân sự cho tổng thống Nguyễn Văn Thiệu.

Hai ông đều là những khuôn mặt được dư luận và báo chí miền nam ngày ấy nhắc tên nhắc tuổi, không hẳn trên cương vị tướng lĩnh đương thời mà nặng về những giai thoại đời tư cá nhân và những lời đồn thổi về công việc ‘làm ăn’ sau hậu trường chính trị. Hai người tuy cùng là ‘huynh đệ chi binh’ nhưng khi cùng ngồi trong dinh Độc Lập đã trở thành hai kẻ nội thù mỗi người theo một phe phò một chủ, thậm chí trong lúc tranh tối tranh sáng của những ngày tàn cuộc, ông nọ còn đòi bỏ tù ông kia.

Ra đến hải ngoại, một ông tiếp tục được dư luận và truyền thông Việt-Mỹ nhắc nhở soi mói, lúc tăng lúc giảm coi thường, một ông thực sự hết thời, mờ nhạt và đi dần vào quên lãng. Có điều khi nằm xuống, cựu tướng Nguyễn Cao Kỳ vẫn còn là khuôn mặt được báo chí Hoa Kỳ loan tin với những hàng chữ khá trân trọng dành cho một cựu lãnh đạo miền Nam, nhưng những dư luận trái chiều trong cộng đồng hải ngoại vẫn theo chân ông do những hoạt động, tuyên bố gây nhiều tranh cãi lúc cuối đời đã mang nhiều hệ lụy mà chính ông không lường trước.

Trong khi cựu tướng ba sao Đặng Văn Quang sau những năm âm thầm sống trên đất khách đã lạng lẽ

ra đi ở tuổi bát tuần, cũng có mấy tờ báo hải ngoại đăng tin cáo phó với ít dòng tiêu sử ghi lại quá trình binh nghiệp, nhưng đáng chú ý là một bài báo của tác giả Bùi Văn Phú viết cho đài BBC đã hé lộ khá nhiều chi tiết về thân phận của ông đặc biệt cảnh đời ba đào chìm nổi của một vị tướng vang bóng một thời đã trở thành trắng tay sau tháng tư đen.

Bản thân tôi ít chú ý đến tướng Kỳ vì có nhiều điều ông làm chúng tôi thất vọng kể từ khi ông làm phó cho ông Thiệu, chỉ một lần gần đây khi ghé thăm cuộc triển lãm kỷ niệm 36 năm ngày di tản do TQLC Mỹ tổ chức tại Camp Pendleton (nam California), nơi đã đón nhận đợt di tản đầu tiên những người Việt tỵ nạn trên đất Mỹ, tình cờ chúng tôi lại được xem hình ảnh của ông Kỳ và bà Mai, đại diện cho tập thể người Việt của Trại tiếp đón Đệ nhất phu nhân của tổng thống Mỹ là bà Betty Ford khi bà này ghé thăm và ủy lạo các người di tản đang tạm trú chờ ngày phân bổ định cư nơi đất mới. Dù không còn lon lá trên vai, cánh bay trên ngực, súng lục bên hông, nhưng cứ nhìn phong thái của người cựu lãnh đạo miền nam ngày ấy trong cảnh lưu vong xa xứ đã để lại trong tôi ấn tượng đẹp, làm tôi chạnh nghĩ nếu tướng Kỳ cứ tiếp tục giữ được phẩm chất

của mình trong cách hành xử đời thường thì trước sau ông vẫn được cộng đồng người Việt và tập thể chiến sĩ hải ngoại ưu ái kính trọng.

Tiếc thay nhân vô thập toàn, cho đến cuối đời ông vẫn là ‘người của đám đông’, ông muốn lui cũng không xong, muốn tránh cũng bị bắt gặp, tên ông cả hai phe trong nước và hải ngoại thường đưa ra làm bung xung cho các mục tiêu đối kháng về chính trị. Tôi nhớ chú em họ tôi ngoài Bắc khi điện thoại hỏi tôi sao anh đi lâu không về thăm quê một chuyến, tôi trả lời tôi còn ...sợ, chú em đon đả, “sợ gì, thằng Kỳ người ta còn cho về, cỡ anh ăn thua gì!” Ông Kỳ đâu có biết rằng dân quê miền Bắc vẫn còn gọi ông bằng ‘thằng’ khi quen miệng cứ gọi lãnh đạo miền Nam là thằng này thằng nọ do bộ máy tuyên truyền Hà nội chủ xướng.

Nay xin có ít hàng về tướng Đặng văn Quang. Trái hẳn với ông Kỳ hay tuyên bố phát ngôn thẳng thừng ruột ngựa, ông Quang là người kín đáo, không thích xuất hiện trước đám đông, ít phô trương cá nhân và cũng không để cho đàn em tâng bốc đánh bóng về mình. Ông là một tư lệnh sư đoàn rồi quân đoàn với nhiều chiến công nhất, nổi tiếng một thời về các trận đánh ở đồng bằng sông Cửu Long vào cuối thập

niên '60. Quân khu IV hay Vùng 4 chiến thuật nhờ có ông mà Cộng sản không thể mở các trận đánh lớn, ngược lại còn bị tổn thất nặng nề do ông biết sử dụng các lực lượng cơ động quen thuộc với chiến trường sông rạch miền Tây, chủ yếu là các tiểu đoàn bộ binh của sư đoàn 21 và các đơn vị Biệt động Cọp rằn đánh đâu thắng đấy. Cảm khái khi gặp được vị tướng tài, tôi lúc này đang là phát ngôn viên chiến sự cho quân lực, đã thân tình hỏi ông bí quyết thành công khi cầm quân, ông nói phải tướng thưởng xứng đáng đúng người đúng lúc. Các sĩ quan nhiều chiến công đã được thăng cấp rất nhanh và được trả công bằng các chức vụ hành chánh rất 'béo bở' của các tỉnh thành quận lỵ miền sông nước.

Cũng cần nói ông xuất thân cùng khóa với tổng thống Thiệu ( khóa I Đập Đá tại Huế tiền thân của khóa I Võ bị Đà Lạt) nên người ta không lạ khi ông được vị tổng tư lệnh tin cậy giao cho nhiều chức vụ quan trọng. Ngược lại ông cũng không dấu diếm khi coi ông Thiệu như chủ soái và những ngày cuối đời ông đã tâm sự "tôi là người mang ơn tổng thống Thiệu nhiều nhất". Về phần ông Thiệu đã sử dụng tướng Quang như nhân vật 'đổi trọng' với người phó là tướng Kỳ. Văn phòng của ông Phụ tá năm giữa

hai cánh của dinh Độc lập, tiếng là cố vấn quân sự nhưng thực chất quyền lực bao trùm hai lãnh vực an ninh tình báo, có nhiều liên hệ với CIA và nếu kể đối tác với người Mỹ ông có ngang quyền như ‘một Kissinger’ của Việt nam. Nhờ có ông mà ông Thiệu an tâm vì có người đắc lực giúp việc, trước mắt theo dõi chặt chẽ mọi động tĩnh của ‘phe Kỳ’ nếu có ý đồ chính biến. Phe tướng Kỳ cũng không vừa vì cứ dựa theo những tin của giới thân cận thì đàn em đã tung tin làm giảm uy tín của tướng Quang khi cáo buộc ông này hỗ trợ buôn bán bạch phiến và làm giàu bất chánh trong thời gian nắm quyền.

Ngón đòn độc này nếu có thì hệ lụy xem ra có tác dụng làm giảm uy tín của tướng Quang. Nhiều người trong anh em chúng tôi hồi ấy cũng bán tín bán nghi, nhưng khi ra đến hải ngoại thấy người tư lệnh năm xưa tưởng tiền bạc ăn đến ba đời không hết trở trêu thay lại đang sống ‘dưới mức nghèo khổ’ tại một chung cư dành cho người già tại Sacramento! Tôi thực sự ngỡ ngàng nên đã tìm hiểu hỏi thăm bạn bè tại Bắc Cali trong đó có cựu thiếu tá Trần văn Ngà, một người làm việc dưới quyền nhưng chẳng hưởng bổng lộc gì của tướng Quang, đã giúp đỡ và gắn gũi nhiều với ông bà trong những

năm tháng gần đây. Anh Ngà đã có nhiều bài báo rất trung thực ca ngợi tư lệnh của mình và cũng nhằm ‘bạch hóa’ những lời đồn thổi vô căn cứ. Chúng tôi tin anh vì xưa nay anh chị vốn là người không thích ‘phù thịnh’ nhưng rất có tình trong những cảnh ‘phù suy’.

Nay thì cả hai vị tướng, một Bắc một Nam, một luôn bay bổng trên không, một miệt mài miền sông nước đã trở thành người thiên cổ. Xét cho cùng cả hai vị đều có lòng yêu nước theo cách riêng của họ. Với tư cách người lính cũ, xin mượn lời của cô Nguyễn cao Kỳ Duyên trong lời ai điếu đọc cho bố, người viết kính chúc hai vị cùng nắm tay nhau thực sự ‘*thấy bóng thiên đường cuối trời thênh thang*’.

*Cali, tháng 7/2011*

## Chuyện Tông Tông bây giờ mới kể

Mùa hè 76, khi lao động chặt nứa ở thượng nguồn sông Hồng vùng Yên Bái, tình cờ trong lúc nghỉ chân chúng tôi gặp một toán ăn mặc rằn ri đang đẩy xe thực phẩm qua suối. Hỏi ra thì cũng là anh em ta, lính cũ của đại tá Thọ (lữ đoàn trưởng Dù bị bắt ở Hạ Lào) họ bị đem ra Bắc từ cuối năm 71. Một chú còn trẻ có lẽ là hạ sĩ quan quay cổ nói với chúng tôi một câu, “các ông Thầy cứ nhớ kỹ lời Tông Tông”, rồi toán tù mất hút trong rừng già.

Tụi tôi hiểu tông tông là ai, và tất nhiên phải ngu lắm mới không nhớ ông đã nói điều gì. Toán chúng tôi bụi ngùi quay đầu về trại, lòng chạnh nghĩ mấy người anh em kia năm năm rồi chưa nhúc nhích thì bao giờ mới đến lượt mình? Ấy vậy mà đã hơn ba chục năm kể từ ngày ấy, nay có dịp nhắc lại như

mào đầu cho mấy ‘chuyện bây giờ mới (dám) kể’ để xin có vài giai thoại mà tôi được trải nghiệm với vị nguyên thủ một thời.

Chuyện thứ nhất liên quan đến câu nói,” đừng nghe những gì CS nói mà hãy nhìn kỹ những gì CS làm”, được trích từ bài nói chuyện của ông Thiệu trong một hội nghị Quân Cán Chính cuối năm 73 để chuẩn bị tinh thần sau khi có hiệp định đình chiến Paris. Mấy câu nói đề đòì này, người ta cứ tưởng chắc của mấy anh tâm lý chiến,dân vận tụi tôi viết rồi trình cho ông đọc bình thường như thông lệ, nhưng tôi xin quả quyết những lời này của chính ông thường ứng khẩu mỗi khi ‘ban huấn thị’ trong các hội nghị hay mít-tinh đông người. It ai ngờ một tướng lãnh chuyên cầm quân như ông lại có tài ăn nói hàng giờ không cần giấy tờ, nhất là mấy lúc gần ngày mất nước, khi có các đề tài chính trị, thời sự cần trực tiếp nói chuyện với quân dân cán chính các Vùng. Làm như cái điềm, mấy câu nói của ông trở thành tiên tri một khi đất nước rơi vào tay CS và khi nhớ lại “đất nước còn còn tất cả, đất nước mất mất tất cả” hỏi đó chẳng mấy ai tin, nhưng sau 75 khi hệ quả nhãn tiền trong cảnh nước mất nhà tan mới thấy những điều ông cảnh báo là chí lý.

Cũng trong khoa ăn nói, Tông Tông là người có vốn ngoại ngữ khá vững chắc, tiếng Pháp là chính như đa số các tướng lãnh thời cụ Diệm, về sau ông tự học tiếng Anh, có lần đã tham dự khóa Chỉ huy tham mưu cao cấp tại Mỹ, tuy phát âm chưa chuẩn nhưng nói rất trôi chảy, đặc biệt trong các lãnh vực quân sự, chính trị. Trong các buổi họp báo ông không khoa trương như ông Kỳ, ông luôn dùng tiếng Việt và có thông dịch. Nhưng tại hậu trường chính trị, ông thường họp tay đôi với ông già Tủ lạnh (tức đại sứ Mỹ Bunker) và các yếu nhân Nhà trắng khi sang Việt Nam sau khi đã họp chính thức với các quan chức liên hệ. Chính điểm này mà có nhiều bí mật quốc gia, bàn thảo đổi chác giữa Mỹ và Việt chỉ có ông mới nắm vững, chứ tham mưu đàn em chỉ hiểu ở mức hạn chế. Cho nên ta không lấy làm lạ về sự bất nhất của các cộng sự viên của ông trong các Hội ký viết ở hải ngoại, trừ đại tá Cầm là chánh văn phòng nắm vững nhiều chuyện, mà ông này về cái khoản trung thành thì rất kín tiếng, cho nên dù đúng dù sai không khi nào đàn cầm lên tiếng.

Cũng chuyện bây giờ mới kể nhưng nhiều người đều biết là Tông Tông mình rất thương lính. Lẽ ra chuyện thương lính là bình thường của người làm

tướng, nhưng ở Việt nam thì không hẳn như vậy. Trong những năm chiến trường sôi động từ đầu 70, do tình đồng minh khăng khít với Trung hoa dân quốc, Tổng cục CTCT được phép tổ chức các phái đoàn chiến sĩ xuất sắc đi thăm và giải trí tại Đài Loan do phía bạn đài thọ. Mỗi năm chừng hai, ba đoàn, thường do một vị tướng làm trưởng đoàn, thành phần còn lại đủ cả các quân binh chủng, ưu điểm là không phải chỉ chọn sĩ quan, mà có khi danh sách hạ sĩ quan và lính chiếm hơn phân nửa. Danh sách chọn lựa phải được trình cho văn phòng Tổng thống ghi rõ công trạng, tiêu sử cá nhân, cho nên các đơn vị khi đề cử thường chọn thành viên xứng đáng. Xứng đáng đến độ sau các chuyến du ngoạn trở về đơn vị tiếp tục chiến đấu, số hy sinh so lại có danh sách chỉ còn phần ba nếu gặp những năm như mùa hè đỏ lửa.

Theo thông lệ, trước khi đi có một tiệc BBQ do Tổng Tông khoản đãi trong vòng thân mật, thường có trầu quay nguyên con, có văn nghệ giúp vui, có quà lưu niệm, được tổ chức trên sân thượng của dinh. Là sĩ quan điều hợp, tôi để ý là không khi nào ông Thiệu vắng mặt, nếu có gì bất thường dù trẻ ông vẫn đến. Qua lời thăm hỏi, trò chuyện khi ngồi ăn

với thành viên từng bàn, tôi thấy ông rất thân tình và tùy lúc người ta có cảm tưởng nét mặt ông trở nên đăm chiêu, có thể vì ông mang mặc cảm sờ dĩ có sự nghiệp ngày nay dù sao ông cũng mắc nợ những người đàn em trước mặt. Các người lính trẻ về từ chiến trường, họ cảm động ra mặt, phần nào bất ngờ và hãnh diện. Trong số đó có những khuôn mặt tôi nhớ nhiều là cố đại tá Dù Nguyễn đình Bảo, người đã ở lại Charlie sau chuyến đi, hoặc một em thiếu sinh quân, thượng sĩ Trần Ba được đặc cách thăng hai cấp một năm của sư đoàn 1 Bộ Binh đã hy sinh sau đó tại Hạ Lào.

Có một điều khi những ông nhà binh ra làm chính trị, những tập quán nghi lễ ngoại giao thường tình các ông hay bỏ qua, cụ thể có cả Tông Tông của tôi. Nhớ lại hồi quốc khánh 1967, sau khi liên danh Thiệu-Kỳ đặc cử, một buổi duyệt binh để chào mừng lễ tấn phong được tổ chức buổi sáng và một chương trình văn nghệ dân tộc vào buổi tối cùng ngày được tổ chức tại rạp Rex do Biệt đoàn văn nghệ trung ương cùng các nghệ sĩ tên tuổi của thủ đô biểu diễn. Chỗ ngồi danh dự phía trên lầu gồm các quốc khách đại diện các nước anh em, các yếu nhân trong nội các, quốc hội, tướng lãnh VN và đồng

minh, ngoại giao đoàn tại Sài Gòn v.v...Sơ đồ quan khách được cơ quan chúng tôi phối hợp với Nha Nghi lễ của Phủ TT phối hợp sắp xếp đúng theo nghi thức ngoại giao. Nhiệm vụ của chúng tôi đêm nay là những người tiếp tân làm sao thi hành cho trọn vẹn, tránh mọi sơ xuất dù nhỏ nhất.

Sắp đến giờ khai mạc, các quan khách đã an vị. Tổng thống và Phó TT tới chót. Sau nghi thức thường lệ, chương trình bắt đầu. Cũng cần nói chương trình văn nghệ đêm nay vô cùng ‘hùng tráng’, vừa được cấp ngân khoản lớn, lại luyện tập công phu, mang sắc thái dân tộc chắc chắn quan khách sẽ hài lòng. Khi màn sân khấu mở ra cũng là lúc chúng tôi xong nhiệm vụ lui vào góc tối. Chợt đại tá Duệ, lúc này ông lo phụ trách chung cho gọi tôi. Ông nhắc lại một lệnh miệng từ chánh văn phòng Tổng Thống yêu cầu Ban tổ chức tìm một chỗ cho ông đại sứ Bunker, người được báo chí Sài Gòn đặt cho cái tên ‘ông già tử lạnh’ vì có tật ít cười, mặt lạnh như tiền và chẳng bao giờ hé lộ chuyện gì cho ký giả. Kẹt một nỗi là Tông Tông muốn ông đại sứ ...lên ngôi gần ông để xem chương trình cho rõ hơn! Theo vị trí được sắp xếp, lúc này ông tử lạnh đang ngồi ở khu ngoại giao đoàn, cách Tông Tông

tới...năm hàng ghế. Trớ trêu là đại diện cho tổng thống Mỹ dự lễ tấn phong lại là Bộ trưởng Canh nông, người đứng thứ 8 trong nội các Hoa Kỳ (việc TT Johnson cử một quan chức hàng bộ trưởng đại diện làm ông Thiệu không vui, vì các xứ đồng minh đều cử phó Tổng thống hoặc Thủ tướng đại diện), nên chi ông này tuy hàng quốc khách cũng chỉ được xếp ngồi trước đại sứ của mình vài hàng ghế.

Tình thế lưỡng nan, tôi tham khảo với ông giám đốc nghi lễ của Phủ, ông này xin chịu và nhờ cánh nhà binh chúng tôi lo dùm, mà quân đội thường có lối giải quyết nhanh, bình thường hay cương ẩu, nhưng nay vương quốc khách nên càng khó xử. Vất hết tâm trí để làm vừa lòng vị nguyên thủ, tôi tìm được một chỗ dành cho Tùy viên kiêm cận vệ ngồi sau Tổng thống, tôi đề nghị xếp ‘ông tử lạnh’ vào ngay chỗ này. Sau khi hội ý với cấp cao hơn, tôi được giao nhiệm vụ đi gặp ông Bunker để đạo đạt lời mời của Tông Tông.

Trong quân phục tiếp tân tôi chào ông đại sứ kiểu nhà binh rất lễ phép, rồi cúi xuống ghé vào tai ông tôi nói nhỏ, “Thưa ông đại sứ, Tổng thống Thiệu có nhã ý mời ngài lên ngồi gần ông để thưởng thức chương trình thuận tiện hơn”. Ông đại sứ nhấp nháy

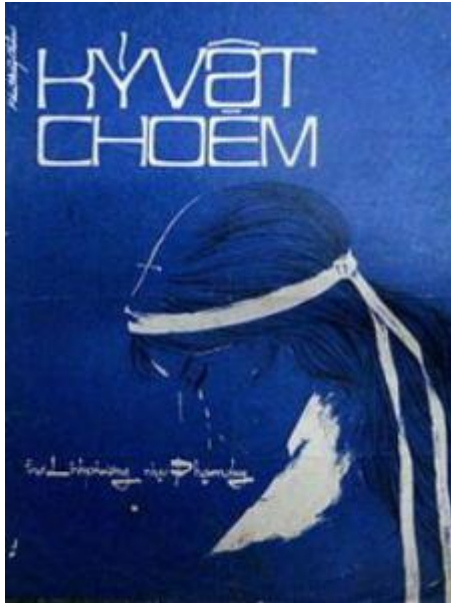
ánh mắt sau cặp kiếng cận, miệng cười mím chỉ có vẻ như được vừa ý chuyện gì, không dẫn đo ông trả lời tôi liền, “Ông sĩ quan về thừa lại với tổng thống, tôi cảm ơn nhã ý của ngài, tôi xin ngồi đây được rồi.” Tự nhiên tôi thở phào khi nghe ông từ chối, tiện việc cho cả đôi bên. Chuyện được trao đổi lại với đại tá Chăm và tôi nghĩ Tông Tông rất hài lòng vì thực sự điều ông muốn là ‘chỉ cần ngỏ thiện ý của ông với viên đại sứ’, về phía đại sứ thì tất nhiên là ‘rất cảm kích về nhã ý của ngài’. Về sau tôi mới hiểu, người Mỹ họ rất quan trọng vấn đề nghi lễ, bộ trưởng đại diện cho quốc gia còn ngồi ở xa, tư cách gì đại sứ dưới quyền lại đòi ngồi gần nguyên thủ nước sở tại? Ông Tử lạnh quá hiểu điều này. Tuy hết chuyện nhưng cứ như cung cách xử sự của ông Thiệu với vị đại sứ Mỹ ở Việt nam hồi đó, người ta có thể hiểu vì sao ông già Tử lạnh gần như là ‘thần hộ mạng’ cho Tông Tông trong suốt gần hai nhiệm kỳ 8 năm tại miền nam và về mặt chính trị ông Thiệu sau này trở thành chính trị gia ‘li’ nhất nước.

Viết đến đây tôi lại nghĩ có nhiều yếu nhân chế độ cũ khi ra hải ngoại chẳng có gì đáng viết thì lại ư ra ra hôi ký, trong khi ba vị tướng cần viết lại đời mình là Nguyễn Văn Thiệu, Dương Văn Minh, Trần Thiện

Khiêm thì cả ba người không ai chịu viết (hoặc không dám viết). Nay chỉ còn tướng Khiêm, hôm ông về thăm Cali mới đây, tướng ông muốn nói lại nhịp cầu, khơi dậy một thời vang bóng, tôi có e-mail cho một ông bạn từng mời ông về để nếu có thể được xin đại tướng viết lại hồi ký như nhân chứng số 1 của cả hai thời đệ nhất đệ nhị Cộng hòa. Nếu cần người chấp bút xin đề nghị anh cả trong ngành là Nhà văn Nguyễn Đạt Thịnh, trường hợp từ chối, tôi xin tự nguyện thế chân. Tiếc thay, anh bạn báo lại, khó lắm anh ơi, viết thật lại càng khó hơn. Nên chỉ mọi chuyện thuộc về lịch sử, xin để các ngài mang xuống truyền đài thiên thu. ■

*viết nhân Ngày Quân lực 2014*

## Vài điều tranh cãi từ một ca khúc



Vào đầu thập niên 70 chiến tranh đến hồi cao điểm, những trận đánh lớn giữa hai phe đối nghịch ngày càng ác liệt, tổn thất của cả hai bên được ghi nhận với con số chóng mặt. Xác những người con yêu của đất Việt không hẳn chỉ nằm lại trên chiến trường đất mẹ mà còn rải rác trên vùng Hạ Lào và biên giới Việt Miên. Trục thẳng tải thương, trục thẳng chuyển xác, nước mắt, băng tang, hoa rừng, hòm gỗ. Văng vẳng đâu đó có tiếng hát vọng ra từ một chiếc radio nhỏ, âm hưởng vừa buồn vừa hào hùng như minh họa sinh động cho một thực tế mà số phận nào sinh ra trong thời chiến đều phải chấp nhận khi tự hỏi, *em hỏi anh bao giờ trở lại?* Câu trả lời có thể,

*Anh trở về trên chiếc băng ca*

*Trên trục thẳng sơn màu tang trắng*

...

*Anh trở về hàng cây nghiêng ngả*

*Anh trở về có khi là hòm gỗ cài hoa*

Còn ‘Em’? những cô gái vừa qua lứa tuổi học trò, duyên tình chưa bén, đã phút chia phôi, ‘*chít khăn tang trên đầu vội vã*’ / ‘*cố quên đi một lần chẵn*

*gối’...May mắn hơn thì còn người yêu trong niềm cay đắng, ‘Anh trở về trên đôi nạng gỗ/có khi là bại tướng cụt chân’...*

Phần ca từ nghe nói trích từ một bài thơ nhưng lại lập lờ không nói xuất xứ. Chỉ biết nguyên phần ca khúc lấy tên soạn giả là người phù thủy chuyên đề phổ nhạc cho thơ có tên Phạm Duy. Bài hát có ngôn từ lạ, tác giả nổi danh cùng sự chấp cánh lần đầu của tiếng hát xuyên thế kỷ - nữ ca sĩ Thái Thanh - thính giả bốn phương như bị thôi miên vì cung bậc của ca khúc quyện theo nét bi tráng của ca từ và cứ thế bài hát trở thành phổ biến không ngớt được yêu cầu hát đi hát lại bất kể tiền tuyến, hậu phương, tiền đồn heo hút, phòng trà thủ đô.

Bài hát có tên ***Kỷ Vật Cho Em*** mặc nhiên trở thành cái gai cho những người làm công tác tư tưởng trong quân đội. Chỉ ít tuần sau, bài hát được liệt vào danh sách các ca khúc phản chiến, chỉ chờ cấp lãnh đạo duyệt xong là bị cấm phổ biến trên các đài phát thanh, truyền hình truyền thông cả nước. Nếu chuyện này xảy ra theo dự kiến thì giới bị thiệt thòi sẽ là thính giả bốn phương mà trớ trêu giới hâm mộ đa phần là chiến sĩ ngoài tiền tuyến!

Hoài niệm những ca khúc một thời, có lần tôi đã viết,

*Một trong những bài hát được lính và người yêu của lính yêu chuộng nhất vào đầu thập niên 70 phải nói là bài "Kỷ Vật Cho Em". Tuy được yêu thích, nhưng bài hát cũng gây nhiều tranh cãi. Tranh cãi về nội dung, xô xao về tác giả và nếu không có cách nhìn cởi mở của một ông tướng đầu ngành tâm lý chiến thì bài hát đã nằm chung trong danh sách những bài hát bị cấm phổ biến trong quân đội.*

Khi viết như vậy mặc nhiên bài hát đã thoát khỏi lưỡi hái kiểm duyệt mà câu chuyện khởi đầu từ nhà văn Văn Quang, lúc này anh đang làm Quản đốc Đài phát thanh quân đội tại Sài gòn. Trong cương vị một người lính (trung tá T.), anh đã trung thực đề nghị Tổng cục CTCT duyệt xét lại vài bài hát dự trữ có trong danh sách cấm phổ biến trong đó có *Kỷ Vật cho em* (và vài bài của TCS). Anh công nhận bài hát này ca từ có những chỗ cần được cân nhắc nhưng bằng chứng không thể chối cãi là ca khúc được các chiến sĩ thuộc bốn vùng chiến thuật thường xuyên yêu cầu với Đài cho hát mỗi đêm. Bằng thư tín, bằng điện thoại *Kỷ Vật Cho Em* chiếm tỷ lệ áp đảo trong chương trình nhạc yêu cầu từ khi bài hát được

công khai phổ biến trên làn sóng phát thanh của quân đội ta. Công văn đề nghị được gửi thẳng cơ quan chủ quản dưới dạng bản chính thức và cá nhân tôi phụ trách phần điểm báo quốc phòng đã tự ý đưa vào bản tin trình riêng cho người đầu ngành mỗi buổi sáng đầu giờ.

Đưa đây thế nào tướng Trần Văn Trung cho gọi anh Quang gặp ông và sau đó bài hát được rút ra khỏi danh sách bị cấm. Hai bài Nối Vòng Tay Lớn và Gia tài của Mẹ của TCS được giao cho đài Mẹ Việt nam, một đài dịch vận bí mật phát sóng hướng về các cán binh dọc Trường Sơn và các tỉnh dọc bờ biển miền Trung nhằm chiêu hồi họ trở về chính nghĩa.

Từ đây *Kỷ vật cho em* trở thành ‘top hit’ chẳng phải cho lính tiền đồn mà các em gái hậu phương nơi phố thị cũng hâm mộ và thuộc lòng ca khúc. Ca sĩ hát phòng trà Sài gòn lại càng phải thuộc bản này khi khách hàng yêu cầu hằng đêm và hơn ai hết họ biết bản nhạc ‘bị cấm hay không bị cấm’. Chẳng cần lý giải, bài hát tự nó đã đem lại lợi nhuận không nhỏ cho các nơi phát hành và kinh doanh băng đĩa.

Kéo theo có tin đồn xôn xao một dạo khi tác giả bài thơ nguyên gốc có tên *Để trả lời một câu hỏi* của

một thi sĩ có tài (nhưng ít tiếng) cũng lên tiếng về chia sẻ bản quyền và bạch hóa tên tuổi cạnh người phổ nhạc, một tiền lệ trở thành phổ biến với các nhà thơ cùng chung số phận hồi đầu thập niên '70. Như có lần hình như tôi có viết,

*...nhiều bài hát nổi tiếng của Phạm Duy là nhờ phần lời của những con tầm nhả tư xuất xứ từ các nhà thơ. Nhưng cũng phải công nhận Phạm Duy là phù thủy về chọn thơ chuyển chữ để đưa vào âm nhạc và theo tôi ông cần được nhắc nhớ như nhà phổ nhạc bậc thầy của thế kỷ 20. Rất tiếc do bị lép vế, nhiều nhà thơ không được kể là đồng tác giả, khiến tên tuổi họ bị lu mờ hoặc lãng quên. Chính vậy mà ở những ca khúc đi vào lòng người nhờ sự chuyên chở của thơ, như “Kỷ vật cho em” có ai biết Linh Phương? “Em gái Pleiku”, còn ai nhớ Vũ Hữu Định? “Ngày xưa Hoàng thị”, chẳng ai đi tìm Phạm Thiên Thu!*

Quay lại bài hát, người viết muốn bàn là tính tranh cãi về sự tồn tại của nó. Là những nhân chứng trực tiếp, anh Văn Quang và chúng tôi hơn ai hết hiểu rõ số phận của bài hát này. Thế nhưng trong Hội Ký của một trong hai tác giả của nó lại cứ khăng khăng liệt nó vào... ‘*danh sách cấm phổ biến*’. Tôi đã đọc

cuốn hồi ký này, không dài không dày, văn chương bình dân, in ấn tựa như một dạng có thể bỏ túi đọc cho vui khi ngồi hay di chuyển bất cứ ở đâu trên tàu trên xe, ngồi chờ khám bệnh, giỗ giặc ngủ đêm.

Khó tin ở chỗ sách này được người trong nước đọc nhiều hơn ở hải ngoại, điều này càng đúng ý tác giả vì nội dung đề cập nhiều đến những ngày đi theo kháng chiến, những kỷ niệm với các người cùng thời trước khi quay đầu về với những tháng năm tự do sáng tác. Đặc biệt nghe nói nó đã được tái bản để tung ra thị trường trong nước nhân chuyến ‘Ngày trở về’ vĩnh viễn tái định cư trên quê hương mà một lần tác giả đã hăm hờ ra đi.

Một người đã tập được tính kiên nhẫn sau nhiều năm dài trong những trại tù cải tạo, dù yêu nghệ sĩ và hay bỏ tiền mua tác phẩm với tiền túi eo hẹp, tôi đã nóng mặt khi người nhạc sĩ già cha đẻ của tiểu phẩm, một người tôi luôn coi như thần tượng từ thiếu niên cho đến tuổi về chiều, khi chẳng phải là vô tình đã dành một đoạn minh họa về ca khúc gây nhiều tranh cãi và tác giả tự cho là nạn nhân của một chế độ kiểm duyệt khắt khe khi chánh quyền không cho phổ biến ca khúc *Kỷ Vật Cho Em* vì “họ” sợ dao động tinh

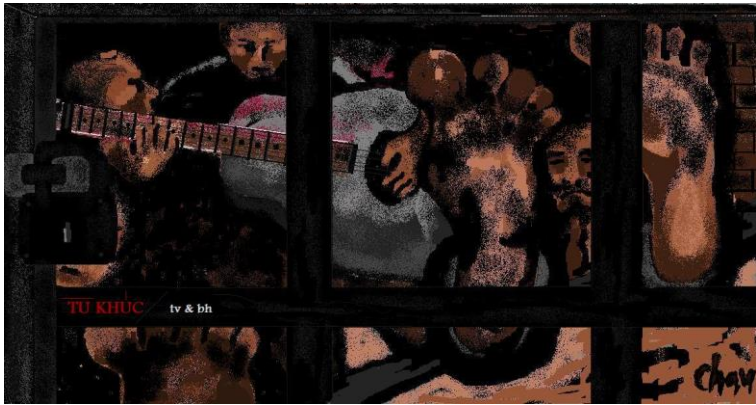
thần binh sĩ dù có cả lực lượng máy bay, súng đạn, xe tăng...(sic)

Phụ họa cho luận điệu này giới phê bình âm nhạc trong nước khi nhắc đến chuyến trở về của Phạm Duy, đã chế diễu cơ quan tư tưởng của quân đội miền Nam hồi đó đã sợ hãi và làm thui chột ca khúc dựa theo những gì đã được chính tác giả của nó minh họa. Chẳng ai trách họ làm điều này khi trong chỗ riêng tư qua các cuộc gặp gỡ nghệ sĩ và khán giả hâm mộ tại Hà nội, tác giả Kỹ vật cho em vẫn ngầm biểu tỏ tính xác thực của ca khúc bị cấm.

Nay thì một trong hai cha đẻ của bài hát đã đi vào yên nghỉ, ca khúc tự nó cũng đi dần vào quên lãng, có được hát lại cũng chỉ là hoài niệm về một thời bi tráng. Người lên tiếng lẽ ra là nhà văn Văn Quang, tác giả tiểu thuyết và kịch bản chuyên thể *Chân Trời Tím* nổi tiếng một thời, nhưng do té nhị anh đã im tiếng và cũng là dễ hiểu khi anh muốn té nhị biểu cảm với người nghệ sĩ lớn nên bắt đắ dĩ đưa em trong ngành phải làm chuyện này để minh bạch hóa một điều cần tranh cãi khi nhìn lại chuyện đòi dẫu biên 40 năm trên quê hương thân yêu. ■

*bốn mươi năm nhìn lại - 2015*

# Tù khúc dấu ấn một thời bi tráng



Tranh (Trần Thanh Châu)

Dĩ vãng dù có quên nhưng niềm đau vẫn âm thầm đọng lại. Quá khứ dù có xa nhưng vẫn quay lại khi còn những tư liệu vật thể để chứng minh . . . Những vết sẹo tiềm ẩn của một thời xã hội nhiễu nhương sau 30 tháng tư vẫn là đề tài muôn thuở—dù nhân chúng có muốn quên, dù những kẻ chủ mưu muốn xóa thì lịch sử tự nó theo dòng chảy của thời gian vẫn bảo lưu và công bình đánh giá.

Nói đến tư liệu vật thể, không có hình thức nào vượt trên loại hình văn học nghệ thuật. Thơ văn nhạc họa đã góp phần khắc họa sinh động những biến động của lịch sử và hệ lụy của nó, tôi muốn thu hẹp vào sự trả thù bỉ ổi nhất mà cộng sản đã nhắm vào các sĩ quan và nhân viên chế độ VNCH sau chiến tranh. Rồi cứ mỗi năm người ta lại nhắc nhớ tội ác này, và năm nay lần đầu tiên sau 37 năm kỷ niệm tháng tư đen đã rộ lên một việc làm nhằm góp nhặt và phục hồi các bản tù ca hay những tù khúc một thời được chính các nhân chứng sáng tác trong tù trong suốt hơn 12 năm lao động khổ sai từ những trại tù rải rác trải dài theo dọc Hoàng liên Sơn—, lan qua miền Trung du các tỉnh phía Bắc, tụ lại nơi rừng rậm hoang vu các tỉnh phía Nam, kể cả—trên những con đường chuyên trại tù bắc xuôi nam, trên lối về xa lạ khi được thả về từ cõi chết.

Đáng chú ý là công khó của một nhóm cựu tù đã thực hiện chuyên mục này mà nhà văn T. Vấn với sự góp sức của một số bạn bè giàu kỹ năng cùng chí hướng đã dùng công cụ đầu tàu của mình là trang mạng T.Vấn & Bạn Hữu làm điểm hẹn cho mọi nguồn góp nhặt để sau đó tập hợp lại, minh họa bằng tranh, đánh máy ca từ, thu âm phần nhạc, post lại ký âm, đặc biệt còn kèm theo giai thoại xuất xứ của từng bài hát trong quá trình và động cơ sáng tác đã được ghi lại hết sức xúc tích, trung thực, độc đáo do chính tác giả cung cấp hoặc người thân bạn bè còn sống sót đại diện thuật lại.

Nhìn lại -chặng đường kể từ ngày phát động đến nay tạm khép lại vừa tròn 5 tháng. Hơn sáu mươi ca khúc đã được tìm lại và post lên , nhiều bài viết và cảm nhận cho từng ca khúc hoặc chuyên mục nói chung đã được truyền thông hải ngoại ưu ái quảng bá, nhiều điện thư phản hồi, đón nhận, khích lệ từ phía độc giả thính giả trong ngoài nước được gửi về cho nhóm thực hiện, nhiều nhạc sĩ tác giả sáng tác, nhiều ca sĩ chọn hát tù ca, trong đó có cả những tiếng hát tên tuổi chuyên nghiệp, nhiều thi sĩ , họa sĩ , trong đó các tác phẩm tù ca được viết một thời. Một trùng hợp lý thú là nhóm công tác văn nghệ của đài RFA cùng khởi xướng và cho phát thanh nhiều tù khúc trong dịp phát động tìm lại dấu tích những tiếng hát một thời bi tráng góp phần làm chuyên

mục càng được phát tán rộng rãi trong tâm vóc cao hơn xa hơn.

Nói về cảm xúc khi có dịp nghe lại từng ca khúc với lời ca rành rọt ray rứt, với nét nhạc bi tráng bằng khuông, pha quỵện với giọng hát vừa chuyên vừa không chuyên của những người còn đang sống hay đã chết, mỗi người trong chúng ta dù là người trong cuộc đã một thời là nạn nhân hay những người ngoài cuộc nhưng cũng có những bà con anh em bạn bè bị cuốn trong cơn lốc, tất cả đều gặp nhau trong tâm tình của những người đồng cảm, xót thương cho thân phận những kẻ bị tập trung và ngược đãi trong chốn tù ngục mà một nhà thơ đã khái quát là nơi “*không có cuộc đời, không có loài người, không có mặt trời*” khi ông đã viết tặng cho những người hát tù khúc giờ đây đã thành người thiên cô. Chính vì vậy mà nhiều độc giả thính giả từ lâu chưa biết đến TV&BH nhưng thông qua sự phổ biến và ân cần giới thiệu của truyền thông hải ngoại đã sốt sắng vào thăm trang nhà gây tình trạng quá tải về kỹ thuật mà chủ biên cũng khôn g lường trước được khi ngỏ lời xin lỗi và phục hoạt kịp thời là hài lòng khách viếng bốn phương.

Theo tôi được biết người chủ biên chỉ tiếc một điều lẽ ra việc này nên khởi sự từ lâu, nhất là từ khi có những thuận lợi kỹ thuật qua internet, chắc là kết quả sẽ khá hơn vì nguồn tù khúc sáng tác sẽ không

bị mai một hoặc thất lạc vì nhiều tác giả đã đi vào yên nghỉ khi tuổi đời và sức khỏe do hệ lụy của những ngày lao cải làm họ sớm già từ bạn bè đồng đội một thời cùng chiến hào, một thời cùng tù cùng trại. Anh cũng cho biết việc góp nhặt bảo tồn lưu trữ cần được tiếp tục dù thể hệ anh em chúng tôi có qua đi nhưng việc làm dang dở cần được quan tâm và nối bước.

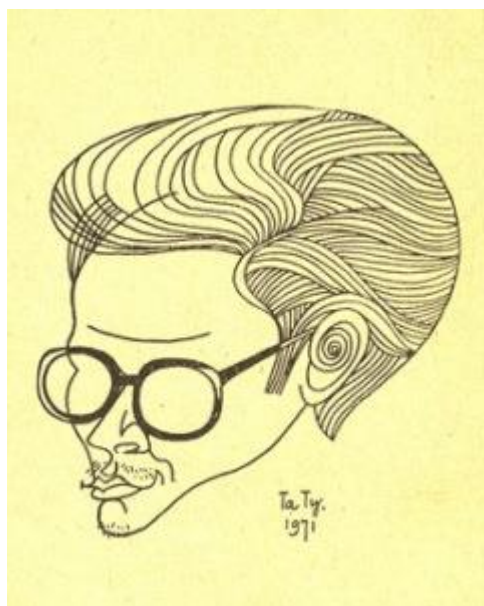
Nay chuyên mục dù có tạm khép lại nhưng dấu ấn của những tù khúc và phong trào tù ca sẽ còn âm vang và tồn tại chừng nào người ta còn hoài niệm về tháng tư đen (một tháng oái oăm chỉ có 29 ngày nhưng lại dài tới 31 đêm như một ca khúc đã viết), một khi còn những nghệ sĩ vẫn cất cao tiếng hát trong những Ban Tù Ca (tỷ như BTC Xuân Diễm), khi còn những cuộc họp mặt cựu tù cựu binh hải ngoại hàng năm hàng tháng, còn những thể hệ hậu duệ vẫn tiếp nối truyền thống cha ông của một thời bi tráng thì người ta vẫn không thể nào quên những khúc hát oan khiên viết từ các trại tù cải tạo và coi nó như dấu ấn vật thể không thể nào phai về một thời nhiều nhưng hiếm thấy.■

*viết nhân 37 năm tháng tư nhìn lại*

---



## Lại viết về họ Trịnh



**Tranh (Tạ Ty)**

Hơn mười năm kể từ ngày mất của Trịnh công Sơn (1-4), người ta nhắc nhiều, viết nhiều, nghe nhiều về huyền thoại TCS và ngày càng được nhân lên theo chiều hướng ngưỡng mộ, cảm thương cho một tài hoa âm nhạc. Nhưng vài năm về sau tên tuổi ông lại được nhắc nhớ và ‘bùng nổ’ theo chiều hướng gây tranh cãi từ khi có bài viết của Trịnh Cung, một người bạn cũng là một tài năng hội họa được coi là khá thân tình với TCS. Bài viết mang tựa đề, “*Trịnh Công Sơn & Tham vọng chính trị*”.

Dù chỉ là độc giả bình thường nhưng lại là ‘fan’ của TCS từ thuở ‘Diễm Xưa’ nên tôi có đọc bài viết của Trịnh Cung và mấy bài phản hồi của Lữ Phương, Đào Hiếu, Lý Đợi..., trong đó tác giả Lữ Phương cho bài viết được tung ra nhân ‘tháng tư đen’, và gán cho nó có ý đồ chính trị. Tôi không đồng thuận vì thực ra các tên tuổi lớn thường được nhắc nhớ qua ngày sinh hoặc ngày mất, mà TCS thì lại mất vào đầu tháng tư đen. Bài viết tôi nghĩ do một ấn ức nào đó, Trịnh (họa) muốn ‘hạ’ hình tượng của Trịnh (nhạc) và đơn thuần chỉ là vậy thôi.

Vì yêu dòng nhạc của họ Trịnh, tôi ít để ý khía cạnh chính trị trong con người của ông, càng không muốn khuấy động khía cạnh này khi biết TCS vốn là

khuôn mặt gây nhiều tranh cãi, đặc biệt trong cộng đồng hải ngoại. Nhưng điều tôi biết chắc là ông không thích chiến tranh (nào có ai thích) và trở thành người viết nhạc phản chiến kiên trì, đơn độc nhất trong những tháng năm nội chiến từng ngày của quê hương. Dù ông có thân và có quan hệ bạn bè ở cả hai phe, tôi vẫn tin ông không nghiêng hẳn bên nào, một khi mỗi thân tình còn kháng khí với Khánh Ly, mà lập trường của người ca sĩ này tỏ lộ rõ nét khi các ‘người hùng’ của cô đều là những người bên tuyến phía nam.

Chưa kể khi viết ‘Em còn nhớ hay em đã quên’ vào đầu thập niên ’80 khi thành phố đã đổi tên mà tác giả bài hát vẫn còn *nhớ Sài Gòn mưa rồi chợt nắng*, rồi hò hững với sinh hoạt Hội Âm nhạc thành phố, lúc chết lại dặn gia đình từ chối lễ tang tại trụ sở này, thì phải nói họ Trịnh hình như ít mặn mà với cơ chế chính trị của chế độ mới. Bài hát sáng tác cuối đời của ông mang cái tên xa lạ, ‘*Tiến thoái lưỡng nan*’ nghe chẳng thấy gì là trữ tình tựa như Uớt mi, Tình xa, Rừng xưa đã khép, Phúc âm buồn...mà ca từ như là lời trần tình về số phận và thế đứng của TCS, từ lời đến nhạc nó mộc mạc đơn điệu đến độ

...”Tiến/thoái/lưỡng/nan/đi/về/lập/đạn/Ngày/xưa/lạ  
n/đạn/không/biết/về/đâu...”.

Trở lại bài viết của Trịnh Cung có vài điểm khiến tôi tỏ lòng ngờ vực. Không muốn khơi lại đống tro tàn, tôi chỉ xin đan cử một chuyện về ‘mẫu đối thoại giữa Tôn thất Lập và TCS’ khi họ hát bài Nói Vòng Tay Lớn trên đài Sài gòn, thì tôi đoán chắc là ông TC chỉ nghe rồi thuật lại. Ngẫu nhiên thế nào chính tôi lại là kẻ nghe bài hát này khi lái xe từ đơn vị vừa tan hàng ngang

qua trụ sở của đài vào lúc xế trưa. Bài hát doTCS đàn guitar và hát đột xuất với sự phụ họa của vài người (mới đây có công khai phát tán trên mạng phần thu âm). Nhưng TTL giờ này chắc còn ở rừng chưa kịp về, thì làm sao có tiếng nói, tiếng hát của anh ta trên đài khi ấy như Trịnh Cung hạ bút?

Hồi tưởng lại giây phút bàng hoàng giữa ngày mất nước, bản thân tôi trong tâm trạng của kẻ vừa bàn giao doanh trại cho quân ‘giải phóng’ khi nghe loại nhạc này, lại phát ra từ ‘thần tượng’ của mình, tôi đã phản ứng bằng câu chửi thề tự phát khá độc địa của người dân Nam Bộ. Từ ấy, ác cảm với TCS đeo đuổi tôi suốt nhiều năm đi tù cải tạo, chỉ vui đi khi chính

tôi là người lai hát lén nhạc Trịnh cùng các bạn đồng tù kể từ ngày có ca khúc ‘Em còn nhớ hay em đã quên’.

Rừng xưa nay đã khép, cũng chẳng nên nhắc lại bài viết của Trịnh Cung làm gì, chỉ trách tác giả của nó một điều cùng là những người nghệ sĩ tài hoa đã có thời sống với nhau thân tình trên bốn chục năm, mà văn phong của Trịnh (họa) lại toát ra niềm cay cú, pha lẫn nỗi dằn vặt cá nhân và phân đoán xét lẽ ra không nên áp đặt, khi người thứ hai trong cuộc không còn quyền phản hồi & xác minh vì đã thành người thiên cổ.

Vượt lên những điều tranh cãi và ngộ nhận cá nhân, là người yêu nhạc Trịnh, tôi vẫn luôn tỏ lộ niềm ngưỡng mộ một tài năng hiếm thấy mà dòng nhạc Việt còn phải trân trọng nhắc nhớ mỗi đầu tháng tư của trăm năm tới. ■

*(Nhân tháng tư một ngày không quên)*

## Bùi Tín & Tôi

*Nhân đọc bài thơ Bùi Tín & Hoa xuyên tuyết của Phạm Đức Nhì*

Nói cho ngay, trước 75 tôi có trực diện Bùi Tín khi ông là thành viên của phái đoàn quân sự bốn bên, phe Bắc Việt, trong vài cuộc họp báo tại Trại Đa-vít trong Tân sơn Nhất (Sài-gòn), rồi duyên nợ thế nào tôi ‘gắn bó’ khá nhiều với ông trước khi ông đào thoát ra hải ngoại.

Sự ‘quen’ vừa tình cờ do chúng tôi đều là những người gốc lính, ít nhiều có công tác trong lãnh vực tư tưởng của hai phía, nhưng tôi chú ý đến nhân vật này vì những năm cuối đời ông đã có sự cảnh tỉnh tư duy, chia tay với quá khứ, gây tác động mạnh đến dư luận quần chúng trong ngoài nước không hẳn trên lãnh vực văn hóa tư tưởng mà lan sang cả ý thức chính trị, đời sống xã hội khoảng nhiều năm trở lại đây.

Tôi sẽ lướt qua khuôn mặt ông trong cách nhìn của một người trước sau chưa bao giờ cùng chiến tuyến, nhưng trong chừng mực nào đó khác với nội dung bài thơ của tác giả Phạm đức Nhì, tôi có đặt cảm tính cá nhân khi viết về ông với ý hướng trân trọng.

Trường hợp tôi cũng có vài cá biệt là có giọng đọc tốt, lại có thời làm công tác chữ nghĩa trong quân đội miền nam, nên khi vào trại cải tạo tôi được anh em chọn là người chuyên đọc báo cho Tổ, rồi đưa đẩy thế nào tôi trở thành người có thâm niên cao nhất nước về thành tích đọc báo Đảng đều đặn hằng đêm trên mười năm. Lẽ ra thâm niên còn kéo dài hơn, nhưng hai năm cuối trước khi được tha tôi bị ngưng làm cái loa cho tổ vì đôi mắt bị lão hóa không có cặp kính lão nên chịu thua. Chính nhờ cái duyên ‘ngồi đồng’ này mà tôi càng ‘quen’ Bùi Tín, trùng hợp với thời điểm ông được làm Phó tổng biên tập, người gác cổng cho tờ báo đảng Nhân Dân.

Cuộc đời và sự nghiệp của BT sinh động đa dạng khác xa những đồng nghiệp cùng cấp cùng thời. Quần chúng đều biết ông là con cưng của chế độ, hưởng nhiều bổng lộc và nếu kê số lần được xuất ngoại công tác vừa thấp tầng cấp lớn cỡ Võ tướng, vừa tham dự tham quan hội thảo về chiến tranh tại

các nước anh em, các nước tư bản, thì phải nói Bùi Tín đi nhiều hơn một nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Tôi không biết nhiều về ông trước khi có hiệp định đình chiến bốn bên ký tại Paris. Chỉ từ khi ông được bổ sung vào thành phần phái đoàn quân sự bốn bên phe Bắc Việt từ sau 73 thì khuôn mặt Bùi Tín (lúc đó là trung tá) luôn được giới anh em chúng tôi, những sĩ quan miền nam được giao công tác trao trả tù binh và điều tra những vi phạm của các bên về ngưng bắn theo sát.

Dù cũng mặc đồ bộ đội với chiếc nón cối, nhưng Bùi Tín có vóc dáng và lối ăn nói khác với cán bộ ở rừng, có trình độ học vấn và ngoại ngữ, tiếng Pháp là căn bản, tiếng Anh chắc tự học ngầm, tôi đoán vậy khi thấy ông trao đổi với thành viên phái đoàn Mỹ. Giọng nói còn mang âm sắc Huế, về sau mới biết ông là con cụ Bùi Bằng Đoàn, có một thời làm thương thư bộ Hình trong triều đình Huế, sau được làm chủ tịch quốc hội của VNDCCH. Võ Đông Giang lúc đó tuy là trưởng đoàn Bắc Việt, nhưng thực chất Bùi Tín là ‘linh hồn’ của phái bộ này. So với những bộ mặt khó ưa của các thành viên khác, Bùi Tín có thái độ khá thân thiện tuy vẫn giữ một khoảng cách nào đó với anh em chúng tôi.

Thế rồi đột nhiên một phe bị bức tử, chúng tôi là kẻ ngã ngựa, danh ông lại nổi như cồn khi chính ông ngồi trên chiếc xe tăng của Nga tiến vào dinh Độc Lập xế trưa 30 tháng tư. Có người nói ông đã ở trại Đa-vít vài năm nên thông thuộc địa bàn thành phố, sự có mặt của ông trên chiếc tăng chẳng qua như người quen đường biết lối vào dinh. Ngẫu nhiên ông lại có cấp bậc cao nhất và trở thành người đại diện cho kẻ chiến thắng nhận bàn giao từ tay Dương Văn Minh, với câu nói xuất thần vô cùng kiêu ngạo làm bẽ mặt bộ xâu chủ bại miền nam, *‘các ông là kẻ bại trận, chỉ có chuyện đầu hàng, không có chuyện bàn giao ở đây’*. Tên tuổi Bùi Tín và đường hoạn lộ của y thênh thang từ đây.

Tôi mất dấu tích về ông cho đến khi ra Bắc năm 76. Tình cờ khi đọc báo cho Tổ, mới biết lúc này ông là cây viết chủ lực cho tờ Nhân Dân, với bút hiệu Thành Tín, chủ yếu viết các bài chính luận cho tờ báo Đảng. Đáng chú ý là cán bộ quản giao dặn riêng tôi không được quên đọc các bài của Thành Tín và không nên đọc sau cùng, chắc họ cũng biết mấy bài loại này dễ buồn ngủ. Nhớ lại không hiểu Bùi Tín hẳn học điều gì mà ngồi bút của ông chuyên đánh các thể lực phản động, các tàn dư Mỹ ngụy, không

tiếc lời dè bieu lên án những người thuộc chế độ cũ, chưa kể lời viết một chiều ca ngợi chế độ, lãnh đạo của đảng, tâng bốc CNXH và phe ta, mà hàng chục năm sau khi đọc lại chắc ông cũng tự thấy xấu hổ. Trước mắt, ông được trả công bằng chức Phó tổng biên tập, sau kiêm thêm tổng biên tập Nhân dân chủ nhật, chưa kể thăng quan tiến chức, xuất ngoại liên tục và hồi Võ tướng còn quyền, ông được xem như người thân trong gia đình. Mặc dầu kính trọng ông, tôi vẫn đồng cảm với mấy câu thơ của Phạm Đức Nhì,

*rời suốt mười lăm năm*

*làm thẳng Cuội*

*nói dối*

*có môn bài*

*được phi cơ tàu thủy xe hơi*

*đưa đi khắp nơi*

*bị lừa thiên hạ*

Nhưng thời nào cũng vậy, những kẻ hăng nhất lại là những kẻ trở cờ nhanh nhất khi thời cơ đến. Ngày ấy

đã đến, trùng hợp với lúc chúng tôi xô lồng thì cũng là lúc Bùi Tín xa bay. Nhân được cử đi dự lễ kỷ niệm trăm năm tờ báo của Đảng cộng sản Pháp, Bùi Tín đã để lại ‘con tim’ tại thủ đô Paris, ly dị nhân thân với chế độ và quân đội, dần dà trở thành nhà báo của phe mà ông không tiếc lời chửi rủa những thập niên trước đó. Tôi có đọc hai cuốn sách ông viết vào thời điểm sau này, *Hoa Xuyên Tuyết* và *Mặt Thật*, như một lời tự thuật bộc lộ nội tình sâu kín của chế độ mà ông từng hết lòng phục vụ. Sách và các bài viết bổ sung của ông có giá trị và tiếng vang nhất định, chủ yếu vì ông là người của nội phủ thông qua lối viết khả tín của cây bút chuyên nghiệp khi biết quay về theo tiếng gọi của lương tri.

Ấn tượng nhất là sau ba mươi ba năm nhìn lại, con người Bùi Tín đã dũng cảm nhìn nhận tự hổ thẹn từng ‘cao ngạo, vô duyên, vớ vẩn lạc điệu, lầm lạc, ngộ nhận’ khi vào dinh Độc Lập, rồi cũng với giọng đanh thép ông ‘sẵn sàng nói to cho mọi người rõ: ***đất nước Việt nam sau ngày 30-4 không hề được giải phóng, không hề được thống nhất***’ (trích lời ông viết 28-4-08)

Viết đến đây tôi lại nhớ Nguyễn Khải, hai con người, hai hướng đi, một đi xa về cõi vĩnh hằng, một

ở lại kinh đô ánh sáng, nhưng họ cùng nhìn về một phía – phía của *sự thật*. Chỉ ít lúc cuối đời họ có sự cảnh tỉnh tư duy, dám chối bỏ mình, bỏ lại đằng sau những huân chương, phần thưởng, những danh vị hão huyền, dám lên án các điều ác, hoặc dường như ác của một thời họ hết lòng bênh vực để cảnh báo cho các thế hệ kế tiếp đừng đi vào sai lầm quá khứ. Đây chính là cái ‘dũng’ của những con người hậu-Nguyễn Khải, hậu-Bùi Tín nếu có thời bị coi là ‘hèn’ là khiếp nhược như nhiều người cùng thời, thì chẳng phải là quá trễ khi họ tự khẳng định mình để thực sự quay về với thiên chức của ngòi bút. ■

*Quận Cam, 2012*

## Nguyễn Khải & Bản chúc thư

(nhân đọc *Ngày Xuân nhớ Nguyễn Khải* của LPK)

Như một hiện tượng lạ trong giới văn học khi nhà văn Nguyễn Khải một thời được coi như mũi xung kích của Đảng trên lĩnh vực viết văn, viết báo, nhưng vào lúc cuối đời lại chia tay với quá khứ, cảnh tỉnh tư duy, tự chối bỏ mình qua một bản chúc thư chính luận mang tựa đề, “*Đi tìm cái tôi đã mất*”.

Đến nay, sáu năm sau ngày ông mất, thiên hạ vẫn nhắc nhiều về bài viết cuối cùng của ông, được đánh giá như một văn bản sắc sảo, trung thực của một người cầm bút muốn gỡ gắm cho các người cùng thời và những thế hệ đi sau những cảm nhận về một chế độ chính trị mà khi sinh thời tác giả không đủ can đảm để bày tỏ, chối bỏ hoặc lên án, như một

đồng nghiệp đã nhận xét, ‘*đây là bài viết đầu tiên và cũng là bài cuối cùng Nguyễn Khải nói thật*’ (NQL).

Dù đã có nhiều người viết về Nguyễn Khải, nhưng cứ đọc báo trong nước khi có những vấn đề thời cuộc nóng bỏng tôi lại hay nhớ đến ông, nên cũng muốn viết vài điều trong cách nhìn của một người tuy không có quan hệ xa gần gì lúc ông còn sinh thời, nhưng thâm tâm có đặt cảm tính cá nhân trong niềm trân trọng tác giả của bản chúc thư đi-tìm-cái-tôi-đã-mất.

Nguyễn Khải hình như sinh ra để viết văn, do thời cuộc đưa đẩy ông lại kiêm luôn nhà báo. Không hiểu nhờ văn hay nhờ báo mà ông là cây viết được nhiều người chú ý. Phải nói trước thời kỳ mở cửa, người ta đọc nhiều tác phẩm và bài viết của ông. Ông là một cây viết xông xáo hay đi về cơ sở, chủ yếu là nông thôn miền Bắc, sau này là đồng bằng sông Cửu Long để viết những mảng đề tài khá gần gũi với thực tế cuộc sống. Tuy dấu vết của nền văn chương minh họa vẫn đậm nét trong cốt truyện và văn phong của Nguyễn Khải, nhưng cách nhìn con người và sự việc cùng lối phân tích mối xung đột hữu quan của các mẫu nhân vật trong truyện hay bút ký ngoài đời đã tạo cho ông thành cây bút được kính nể.

Ông hay đi, người ta bảo chắc ông tuổi con ngựa, đi đến đâu đều được lãnh đạo địa phương trân trọng và dân tình xem chừng ưu ái đặt nhiều kỳ vọng ở ông nhà văn, nhà báo gốc quan này (NK có quân hàm đại tá khi về hưu). Đối với Đảng và lãnh đạo các cơ quan văn hóa tư tưởng họ hài lòng về ông, hay sử dụng ông như mũi xung kích cho việc quảng bá phát động các kế hoạch, cách nhìn, lối làm ăn trong từng giai đoạn của quá trình xây dựng XHCN ở miền Bắc, trong đó hai tác phẩm *Mùa Lạc* và *Xung Đột* mà tôi có dịp đọc và làm quen cũng là những cuốn sách được Cục trại giam chọn lọc để đặt trong mấy cái rương sách cũ dành cho tù hình sự trong các trại giam miền Bắc trước khi chúng tôi chuyển hộ khẩu về đây.

Rồi sau này qua những buổi đọc báo Tổ hàng đêm, các bài ký sự về cuộc sống đồng bằng sông Cửu của Nguyễn Khải dù tiếng mát tiếng còn (do ù tai mệt sức vì lao động lúc ban ngày) nhưng cũng đọng lại trong chúng tôi một cái gì đó hơn là bị tra tấn bởi những bài xã luận vô hồn của nhà báo Thành Tín (nay đã đào thoát qua Pháp), người gác cổng trung thành của báo Nhân Dân.

Sau ngày thống nhất Nguyễn Khải giã từ Hà Nội, chuyển hẳn hộ khẩu vào thành phố tên Bắc, cũng là biểu hiện lối sống thực dụng của ông khi tìm nơi đất lành chim đậu, xa nơi đô hội vốn dĩ có nhiều đấu đá bon chen. Nói vậy không phải ông không nhớ miền quê đất Bắc, bài viết cuối cùng trên báo mà tôi được đọc ông đã viết về người Hà-nội xưa, thậm nhắc nhớ những ký ức của một thời Tràng An thanh lịch, của một thuở Thăng Long hào khí với những mẫu người và nét văn hóa khác xa Hà-nội ngày nay.

Trước khi về cõi cũng mừng cho ông đã được trao giải thưởng cao nhất về văn học nghệ thuật mang tên Hồ Chí Minh, khi nằm xuống được chôn trong nghĩa trang dành cho các đảng viên lão thành trên 60 tuổi đảng, thực ra ông chưa đủ số thâm niên, nhưng ông Võ văn Kiệt thấy tội nên ‘nhường xuất’ của mình cho đồng chí nhà văn nhà báo đã có nhiều công hiến cho thành phố. Nhìn chung ông đạt vận may trong đời nghiệp vụ, với trung ương trong ngành trong ban ông chuyên ngồi chiếu trên, chí ít cũng ủy viên BCH hội nhà văn nhà báo, rồi quân hàm, huân chương, phần thưởng cứ ai có là ông có, kể cả những người công lao hơn ộng chưa có mà ông đã có, chính vậy mà theo thói ghen tị đời thường cũng có tiếng bực

tiếng chì trong các bạn đồng ngành đồng nghiệp của ông.

Mấy lúc gần đây khi đọc báo và theo dõi thông tin trên mạng, người đọc cũng có những ưu tư trăn trở khi thấy các phong trào tự phát của quần chúng muốn biểu lộ nỗi bức xúc của mình về những vấn đề thời cuộc nóng bỏng, trong đó có cái lối chơi cha của người láng giềng Trung quốc liên quan đến chủ quyền Biển Đông. Tiếc thay, cái ‘quần chúng’ mà nhà nước lúc nào cũng dành quyền đòi bảo vệ và tôn trọng lại bị chối bỏ và vùi dập không khoan nhượng bởi các lực lượng giữ gìn an ninh thủ đô. Tôi lại nhớ Nguyễn Khải lúc cuối đời khá nhạy cảm về điểm này khi ông đặt bút,

*“Trong nửa thế kỷ sống dưới sự lãnh đạo của một Đảng theo học thuyết Mác-Lê, tôi luôn luôn được nhắc nhở phải tôn trọng quần chúng. Sức mạnh của quần chúng có thể thay đổi dòng chảy của lịch sử và số phận của nhiều cá nhân. Nhưng cũng thật trớ trêu, không có một chế độ cộng hòa nào ở thế kỷ 20 lại dám coi thường quần chúng như tại các nước Xã Hội Chủ Nghĩa.”*

Ai có thể ngờ những lời than thở cuối đời như trên lại có thể phát ra từ Bút ký chính luận của một người suốt đời sống và phục vụ hết mình cho Đảng? Để qua một bên khi có người hỏi tại sao không dám công khai khi còn sống mà lại chờ sau khi chết mới phổ biến dưới dạng kiếu như chúc thư, điều này cũng dễ hiểu nếu ta đặt mình vào hoàn cảnh của Nguyễn Khải, Nguyễn Tuân một khi thân phận nào muốn tồn tại đều phải trải qua những cơn hèn, dù cho người ấy có là... Võ tướng.

Riêng tôi không hề dấu diếm niềm khâm phục sau khi đọc những gởi gắm tâm huyết của ông dù có muộn còn hơn không. Càng đọc bản chúc thư chính luận mà mới đây nhà báo Lê Phú Khải, một đồng nghiệp cùng thời với ông đã đánh giá như một ‘áng văn bất hủ’, càng thấy ông khát khao muốn đề cập đến *những điều nên viết mà chưa dám viết, những điều nên nói mà chưa dám nói, những điều dám nghĩ mà chưa dám làm, đấy mới chính là di sản văn học của con người Nguyễn Khải*, một nhà văn nhà báo mà cái ‘tôi’ đi tìm chỉ đáng viết thường khi còn sinh thời, nhưng thực sự cái ‘**Tôi**’ tìm được đáng được viết hoa khi thân xác đã đi vào yên nghỉ.■

*Từ Cali, một chiều giáp Tết 2012*

**Tô Hoài**

**và**

***Hai người họ Nguyễn***

Khi còn là một học sinh trung học , trong các giờ học Văn, tôi không nghĩ là khi tròn thất thập tôi vẫn có dịp thấy nhà văn Tô Hoài còn sinh hoạt với Hội Nhà văn Hà nội ở tuổi ...94. Cũng chẳng thể ngờ là ở tuổi 85 Bác vẫn còn cho ra đời tác phẩm cuối cùng, một tác phẩm chỉ dày 250 trang với cái tên hơi lạ *Ba Người Khác* mà bình sinh khác hẳn lối viết, lối tư duy, cả về đề tài lẫn bối cảnh sự việc, vừa gây

ngạc nhiên vừa nhiều tranh cãi kể khen người ch  trong giới ph  b nh v  bạn v n ti n b i l n h u sinh.

Nhiều người trong số đ c gi  kể c  t i một người làm quen v i B c ở *tu i D  M n* d  đ  di cư v o Nam nhưng v n ngưỡng mộ v n t i của B c khi học thuộc lòng nhiều đ oạn v n t  ch n về loài v t v  nếp sống n ng th n đ  lấy ý v  c ch vi t cho c c bài Tập làm v n m  c c học sinh mi n Nam ng y  y lu n trau chuốt đ  đạt đi m cao cho m n học quan trọng nhất khi đi thi trung học v  t  t i.

Thành thật m  n i T  Ho i ch a h n l  b t danh đ c đ o qua nh ng t c phẩm tu i thơ của  ng ng y  y đ c anh em ch ng t i m  đ c. T n tu i  ng v n ph n n o ‘m  nh t’ so v i nh ng cao thủ vi t v n xu i của nh m Tự Lực v n đ oan v  c ng t t h u nếu so s nh v i nh ng nh  thơ lấy l ng th i ti n chi n. Nhưng v n của  ng kh ng th  bị loại trừ ở c c s ch gi o khoa v  đ m học tr  ch ng t i m  m n V N kh ng th  bỏ qua ho c làm ng  nh ng t c phẩm, đ c bi t c c t c phẩm đ u tay nhưng lại l  s ng gi  nhất của T  Ho i ở nh ng n m đ u của thập ni n ‘40. Nh ng *D  m n phi u lưu k y*, *O Chu t*, *Qu  người*, *X m Gi ng ng y xưa*, *C  d i*... đ  ra đ i ở m y n m n y.

Bằng đi một thời gian dài vì vận nước chia đôi, chiến chinh triền miên cả nam lẫn bắc, tôi mất dấu chân ông và trở trêu chỉ tình cờ ‘gặp lại’ trong mấy cái rương sách dành cho tù hình sự ở các trại giam miền Bắc sau 75. Tôi có dịp đọc lại *Đế Mèn*, và chẳng còn gì đọc thì phải đọc cả vài cuốn của ông viết về vùng Tây Bắc, nơi chúng tôi đang ‘sống’. Phải nói tôi thất vọng vì Tô Hoài trước 45 và sau 45 khác xa một trời một vực. Từ *Quê người* (1941) đến *Quê nhà* (1981) - tác phẩm đạt giải văn học cao nhất của miền Bắc), Tô Hoài đã là con người khác.

Ông dứt khoát chọn đường đi và lối viết minh họa nhằm phục vụ cho Đảng (bản thân là đảng viên từ 1946) và trở thành khuôn mặt ‘thường trú’ trong Ban chấp hành của Hội nhà văn, mà hàng mấy thập niên liên tục làm chủ tịch Hội Nhà văn Hà nội. Ông có công viết và khám phá mảng đề tài về miền Tây Bắc, đi nhiều, viết khỏe và thường được trả công bằng nhiều chuyến đi nước ngoài trong công tác giao lưu và trao đổi kinh nghiệm giữa nhà văn của khối CS thế giới và các nước thứ ba. Người ta biết ông vì tác phẩm như *Đế Mèn* đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Đây là một đặc quyền và hình như ông là người xuất ngoại nhiều nhất trong số các nhà văn có

vai vế, chính điều này đã quán quit chân ông không thể xa rời để trở về với Tô Hoài của một thời Dế mèn vang bóng, đến nỗi Nguyễn Tuân người bạn già phải thốt lên, ‘mày là thằng đi nhiều còn tao chỉ là thằng đi...vờ’, đủ hiểu Tô Hoài đã được chế độ ưu ái như thế nào.

Cho đến những năm đầu thiên niên mới, mười năm trước ngày về cõi, ông đã ra mắt một tác phẩm nặng về ký ức của một nhà báo và cũng là người trong cuộc biết nhiều, có can dự trực tiếp dù vô thức vào một sự kiện thất nhân tâm nhất trong xã hội miền Bắc sau 54, cao trào *Cải Cách Ruộng Đất* để trình làng như món quà lại quà trước lúc đi xa (mà có nhà văn hải ngoại mới đây đã gọi là hành động ‘sám hối’) với cái tên **Ba Người Khác** do nhà xuất bản Đà Nẵng in và phát hành.

Dư luận đã bàn nhiều và các nhà phê bình đã chăm sóc khá kỹ lưỡng, người viết không cần đi sâu nhưng bản thân có gia đình là nạn nhân của chính sách bất nhân nên cũng khen bác Tô (không phải PVD) đã can đảm với tư cách nhân chứng khơi lại vấn đề dù đề tài đã cũ, ai viết người ta chưa tin nhưng người của Đảng viết và minh họa tất nhiên có hiệu quả đa chiều. Riêng về CCRĐ nhiều nhà văn đã

quay lại mảng đề tài này trong thời mở cửa khi Đảng mở trời cho văn học. Tôi say mê tìm đọc và không bao giờ thấy cũ (kể cả *Những Tháng Năm Cuồng Nộ* mới đây của KĐ và một truyện của chính tôi *Tiếng Chó Sủa Đêm*) một khi tội ác một thời vẫn chưa được nhìn nhận đúng mức, những nạn nhân chưa được các thủ phạm cao nhất có lời xin lỗi, chưa kể những nhà cửa ruộng vườn một thời chắt chiu của chồng cha người thân của họ vẫn còn nằm trong tay những đám bần nông.

Cũng cần nói thêm qua bọc bạch của Tô Hoài, ông đã thai nghén và viết xong *Ba Người Khác* từ 1992, xin in nhưng nhà nước không cho, phải chờ 13 năm sau nhờ nhà in nằm trong đất của ông Bá Thanh tác phẩm mới được ra mắt. Tôi tin điều này vì ở thời điếm nhà văn ở tuổi 70 cũng là thời kỳ mở cửa, thuận tiện cho sáng tác, và cũng là dịp để ‘dối già’ khi trút ra tất cả những điều cần viết đúng với lương tâm chức nghiệp của người cầm bút. Cho nên về văn phong có lạ, nhiều chỗ có lối lộn tả đi xa với nét dung dị đời thường, cụ thể những đoạn văn ‘hủ hóa’ mà một ông già bình thường không còn ‘lửa’ để viết. Nhưng tôi không thể thuận tình khi trên Google có chỗ ghi lại, ‘tác phẩm mang lại một diện mạo mới

cho văn chương Việt nam trong thời văn học hiện đại’, thì quả thật chưa đủ cơ sở cho sự đánh giá chủ quan này.

Quay lại chủ điểm của bài viết, tôi muốn nhân bàn về Tô Hoài, người có chiều dài tác nghiệp dài nhất trong văn học sử Việt nam, bất kể quan điểm chính trị, trong nam hay ngoài bắc, vào những ngày cuối đời gần như muốn nhấn nhủ với những người hâm mộ hoặc chỉ trích ông một thông điệp ngắn là muốn sống yên thân và tồn tại trong một chế độ toàn trị, cách duy nhất là... ‘phải biết sợ’. Chính ông cũng biết sợ và vì vậy ông tồn tại. Ông cùng Hai Người Khác những bạn văn cùng thời tuy tuổi tác có cách biệt, Nguyễn Tuân, 1910, Tô Hoài (tên thật là Nguyễn Sen), 1920, Nguyễn Khải, 1930 nhưng đều thuộc ‘Nhóm Biết sợ’. Cả ba nhà văn họ Nguyễn chuyên ngồi chiếu trên của một thời văn chương minh họa, đều được trao giải Hồ Chí Minh, giải thưởng cao nhất về văn học nghệ thuật (đợt đầu tiên) đã không dấu diếm và thành thật tỏ lộ với đời là họ biết sợ để tồn tại.

Ba người có lối tỏ lộ khác nhau, Tô Hoài thông qua tác phẩm *Ba Người Khác*, Nguyễn Khải dùng chúc thư chính luận *Đi Tìm Cái Tôi Đã Mất*, Nguyễn

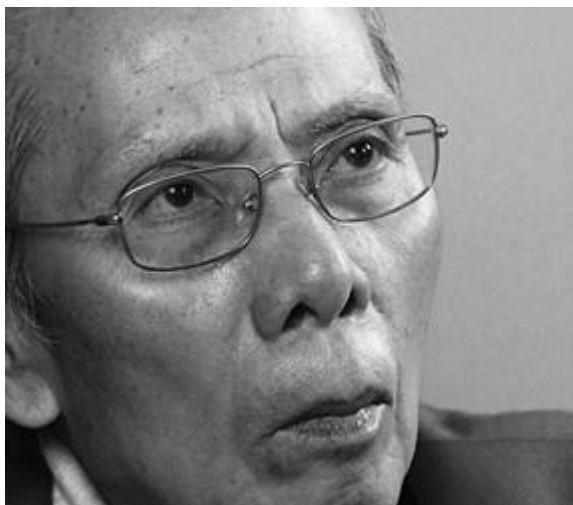
Tuân nổi tiếng viết về *Phở* và các món ăn ngon chốn Hà thành chẳng cần úp mở nhìn nhận ông thích ăn ngon ngủ yên và không gì thích hợp hơn là phải biết sợ để yên thân.

Trong ba ông, tôi đã có bài viết về Nguyễn Khải (xin xem Sáng Tạo) phải nói là người khôn ngoan nhất, Tô Hoài thì tròn trịa hơn, nhưng Nguyễn Tuân người anh cả trong nhóm lại thực dụng, bệch toạc trong hành xử vì chính ông cũng có thời bị kiểm điểm và phải ‘đi thực tế’ ở miền núi với mấy ông của Nhân văn giai phẩm, sau này được xét lại ông bỏ ‘ngông’ chịu ‘hèn’ và luôn tự trào về nét văn hóa biết sợ của mình. Vốn là cao thủ về tùy bút, dấu ấn văn chương của Nguyễn Tuân, nên ông hay viết tạp ghi, mà tạp ghi thì nhiều điều cần nói, nên ông cũng hay va vấp và bị đám bồi bút soi mói qui chụp về con người gốc tư sản không chịu được khổ, thích ăn ngon (mà chẳng được no) của ông.

Nay thì cả ba ông *vang bóng một thời* thấy đều về cõi, *cát bụi chân ai* dòng đời một kiếp, bôn ba cho lắm cũng chỉ có một cái tôi, nhưng cái tôi một thời chỉ là *cái tôi đã mất*, cái ‘Tôi’ tìm được thể hiện trong Tô Hoài, Nguyễn Khải, Nguyễn Tuân trong lúc cuối đời mới là đáng quý đáng thương. ■



## Tiếng Vọng Từ Hỏa Lò



**Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện (1939-2012)**

Một buổi sáng ngày cuối thu cách đây hai năm, tôi tình cờ được gặp nhà thơ Nguyễn Chí Thiện khi ông đang chờ xe bus trên tuyến đường First, thành phố Santa Ana, mà sau này qua nhà văn NT tôi mới biết ông cư ngụ trên cao ốc 11 tầng dành cho những người cao niên có lợi tức thấp nằm ngay cạnh trạm xe buýt ông đang đứng.

Tôi không chắc có phải là ông, nhưng cứ theo hình ảnh trên TV và báo chí địa phương, với chiếc mũ phớt ông hay đội, cùng nét mặt hom hem trong chiếc áo khoác rộng khổ tôi tin là tôi không lầm. Ông đứng một mình, đang hút dở một điếu thuốc, đôi mắt có vẻ mệt mỏi sau cặp kính lão, dáng vẻ hắt hiu như bầu trời đang ngày tàn thu. Hầu như ông không hay biết có người đang tiến lại gần ông là tôi, một cư dân quận Cam, vô danh và chưa từng gặp tác giả những vần thơ đấu tranh và tập truyện viết về *Hỏa Lò*, một địa ngục giữa trần gian trong lòng thủ đô Hà- nội, nơi đang chuẩn bị cho lễ hội ngàn năm Thăng Long.

Thời điểm này theo tôi đoán ông vẫn còn bị chấn

thương về tình thân do hệ lụy của những lời đồn thổi và tranh cãi liên quan đến chuyện ai là tác giả thực sự của tập thơ Hoa Địa Ngục, cho nên vô tình tôi đã làm ông bất ngờ đến sững sốt khi có kẻ lạ mặt cứ xăm xăm tiến về ông với một lời chào nhưng lại là câu hỏi, ‘xin lỗi ông có phải là nhà thơ Nguyễn Chí Thiện?’. Sau một thoáng ngỡ ngàng hình như nhận ra thái độ thân thiện của tôi, nhà thơ hỏi lại ‘xin lỗi ông là ai?’. Tôi trấn an ngay và cho biết tôi chỉ là người biết tiếng ông và lấy làm vui mừng khi tình cờ được gặp ông trong tư cách một người đồng cảm. Khi biết tôi cũng có số năm tù gần bằng nửa con số của ông (27 năm), nét mặt ông sáng lên, như lấy lại được bình tĩnh ông vui vẻ trả lời thế là anh em mình đã có thời đồng cảnh, nghĩ lại kinh khủng thật, nhưng họ không giết được chúng mình cũng là điều khó mà tin được.

Vừa hàn huyên qua lời giới thiệu ngắn ngủi thì chiếc xe bus mang số 54 trờ tới. tôi tưởng ông phải đi ngay vì nếu lỡ chuyến phải đợi thêm 15-20 phút.

Tôi định bắt tay nhưng ông ra dấu cho người tài xế chạy tiếp và nán lại chuyện trò với tôi.

Vì không chuẩn bị trước nên tôi chẳng biết bắt đầu từ đâu, nhưng vốn là người cũng hay viết lách và biết qua sinh hoạt của những nhà văn nhà thơ, đặc biệt những người được cộng đồng yêu thích, tôi vẫn chủ động sắp xếp những điều cần trao đổi, hơn nữa thì giờ cũng chẳng là bao khi nhà thơ sắp lên chiếc xe bus chuyển kế.

Lẽ thường người ta hay đi vào tập thơ oan trái gây chấn động một thời nhưng cũng nhờ vậy mà thế giới biết đến tên ông. Tôi không làm như vậy mà lại tỏ cho ông thấy tôi tâm đắc về một số bài thơ ông sáng tác gần đây có đăng trên vài tờ báo mà tôi có dịp tham gia. Tôi không nhớ tên từng bài mà chỉ là ghi chép lại bằng tay vào một cuốn sổ nhỏ những *câu thơ tôi thích* để tiện tham khảo viết bài khi cần. Phần ông thì ông nhớ bài nào, ở đây tôi chỉ đan cử vài câu được coi như những mảnh vụn của hồi ức khi ngẫm lại thấy tiếp với những trại tù tôi từng đi qua,

*Chìm giữa rừng sâu nơi hoang vu  
Mù sương che phủ kiếp lao tù  
Từng đêm đón gọi hồn tu hú  
Rõ tiếng hồn oan trong âm u*

Mấy câu thơ nhắc tôi một loài chim độc thoại vùng Lào cai Yên Bái, mà cư dân ở đây đã gắn liền với những oan hồn bỏ xác nơi rừng thiêng nước độc rồi sau chiến tranh người ta đã đem chúng tôi từ miền Nam ra để khai phá vùng đất này.

Cũng qua cuộc trao đổi ngắn ngủi tôi có hỏi sao ông có những vần thơ tả cảnh vớt nửa nơi thượng nguồn sông Mã mà tôi có dịp đề cập trong tùy bút *Ngược Dòng Sông Mã* nơi ngày xưa bỏ tôi và các anh họ tôi hay xuôi các chuyến bè chở nửa về quê, một làng nghề chuyên sống bằng nghề đan cát cho các nhà nông vùng châu thổ sông Hồng. Khi dùng thơ tham khảo cho bài viết về cảnh tù cải tạo bỏ xác trên sông khi bị đưa ra Thanh Hóa lao động khổ sai, tôi không ngờ những vần thơ dưới đây tác giả lại là ông,

*Mưa đông rét ào ào gió lộng  
Đứng ngâm mình vớt nửa giữa dòng sông  
Bạn tưởng tôi da sắt bọc xương đồng  
Không! Tôi đang sống trong trại giam...Việt Cộng!*

Ông mới cho biết ông đã chuyển trại nhiều lần sau khi ở Hỏa Lò nhưng không phải chỉ những vùng núi rừng Việt Bắc mà có thời đã vào Thanh hóa nên hiểu cảnh vớt nửa trên sông.

Nói về thơ thì vô chừng, nhưng tập truyện *Hỏa Lò* đã gây cho tôi nhiều ấn tượng vì ông là người tù có số năm dài nhất trong những khách hàng cư ngụ tại đây mà các tù binh Mỹ gọi đùa là khách sạn năm sao (Hilton Hanoi). Với tôi, khi đọc những công trình sáng tạo của Nguyễn Chí Thiện, cảm quan có phần ít quan tâm đến Tiếng vọng từ đáy vực, (mà các bạn tù của tôi có nhiều bài thơ ấn tượng không kém), nhưng cụ thể tôi hay ngoái lại để nghe tiếng vọng của... *Hỏa Lò*, một tập truyện phơi bày nỗi đọa đày của những thân phận bị chế độ vùi dập, bị xã hội ruồng bỏ trong một quần thể khép kín ‘gần *Trung*

*wong nhất nhưng con người cũng gần con vật nhất*'. Tôi không có dịp đi sâu tôi chỉ cho ông biết văn tài của ông ở thể văn xuôi cũng chẳng thua kém gì VTH và khuyên ông nên viết Hồi Ký cuộc đời gian truân của ông để độc giả và cộng đồng hải ngoại hiểu ông nhiều hơn. Điều lý thú là ông cho biết vốn không thích viết về 'tôi' nhưng theo lời khuyên của nhiều bạn bè, ông nói ông đang viết.

Biết sắp đến giờ ông phải đi nghe đâu như thu hình cho một cuộc hội luận, tự nhiên tôi đã gãi đúng 'chỗ ngứa' khi tôi nhắc đến Bùi Ngọc Tấn, một nhà văn tôi có lòng kính phục, và cũng là bạn tù, đồng hương và tri kỷ của nhà thơ. Khuôn mặt ông rạng rỡ hẳn lên và nở một nụ cười ưng ý (bây giờ mới thấy ông cười nhưng vẫn là nụ cười nửa như cay đắng) rồi lật bóp khoe ngay bức hình chụp chung với BNT tại cầu Golden Gate khi ông này qua thăm Mỹ mới đây. Ông nói ông đã lên San Francisco và hai anh em ở chung mấy ngày tâm sự nhiều điều sợ chẳng còn bao giờ có dịp gặp nhau.

Chưa hết câu chuyện, chiếc xe cũng số 54 dừng lại, đổ vài người khách xuống trạm, đón người khách duy nhất đang đứng đợi lên xe. Tôi và ông vội bắt tay chào nhau, lật đật quên cả hỏi nhau số phone và địa chỉ.

Hai năm sau cũng những ngày này tôi được tin ông mất. Tôi lại nhớ đến ông, một khuôn mặt có thật, một người tù kiên cường đã trải qua 27 năm tù ngục, một cây bút bất khuất biết dùng ngòi bút để khái quát và vạch mặt không khoan nhượng chống lại cái Ác và trên hết trong những tháng năm ở hải ngoại đã trở thành một trong những tác nhân tranh đấu tích cực cho nhân quyền và tự do cho Việt nam.

Có điều sau những tháng năm bầm dập vì tù tội với những tội danh không tên ở quê nhà, sang Mỹ những tưởng,

*Rời đây trên bước đường quang tạnh*

*Tôi lại cùng anh nhấp chén trà*

*Ôn lại kiếp lao tù đối lạnh*

*Ly trà chung, nhịn xuất com pha*

Nhưng ước nguyện bình dị nhỏ nhoi này cũng không thành, oan trái vẫn lèo đèo theo sau như một sự khắc nghiệt của định mệnh. Mấy năm cuối đời tên tuổi và sinh mạng chính trị của nhà thơ bỗng dung trở thành cái ‘bung xung’ mặc tình đánh phá bởi những người có lòng nghi kỵ nhân thân và không chấp nhận công trình tim óc của ông.

Nay thì mọi sự đã trở thành hư không, thân xác nhà thơ đã trở về cát bụi. Ông đã được hỏa thiêu sau một nghi lễ trang trọng, ầm cúng được đông đảo người tiễn đưa và thương cảm dành cho một người con của cộng đồng, một tín đồ tin Chúa trước phút lâm chung, một nhà đấu tranh nhân quyền cho đồng bào và quê hương bên kia đại dương.

Xin chúc ông đi bình an về miền miên viễn, nơi không có nước mắt, không còn hận thù đó kỵ bon chen và mừng cho ông khi cuối đời ‘nước người đã xua đuổi ông nhưng nước Chúa đã chấp nhận ông’ như nhà văn Nhật Tiến bái biệt ông trong lời ai điếu.■

## **Khi những tài năng bị chôn sống**

Ba mươi lăm năm nhìn lại kể từ ngày đất nước qui về một mối, ta thấy các lãnh đạo Cộng sản hay bàn về đề tài muốn cai trị phải có bằng tiến sĩ và ngọn cờ đầu là Thành ủy Hà-nội đã lên kế hoạch dự kiến đến năm 2020 (?) thì 100% ủy viên thành ủy phải có loại bằng này. Đây là một tin vui cho những ai có lòng muốn quê hương xứ sở no ấm phú cường đi vào kỷ nguyên của kiến thức, tri thức. Cũng là điều phấn khởi cho các nhà trí thức một thời bị dè bủ khi các cấp lãnh đạo trước đây của họ đã từng cho Mao chủ tịch nói ra điều gì cũng đúng, kể cả khi hẳn ta nói ‘trí thức không bằng cục phên’, thì đây là bước ngoặt trong định hướng đào tạo và dùng người không phải chỉ ‘hông’ mà thực tế trong thời hội nhập đã đổi sang ‘chuyên’, đoạn tuyệt hẳn với cái thời mà dân gian hay gọi là ‘vừa hông vừa...ngu’.

Ở đây ta không bình phẩm nói thì hăng mà thực hiện thì khó, chỉ tiêu như trên trời mà thành quả lại dưới đất, cũng chẳng chê bai là bằng cấp cho cô, lại đào tạo tại chức, bằng đen sỏ đỏ, rút cục toàn... tiến sĩ giấy. Tạm để qua chuyện nực cười khi muốn biến thủ đô thành cái nôi văn miếu thời đại với hàng chục ngàn tiến sĩ thì hàng ngũ dân đen của đất ngàn năm văn vật sau khi sát nhập Hà Tây tỷ lệ về nạn mù chữ lại đang cao nhất nước (theo Vietnam.net).

Phải nói những người công sản Việt nam là những chuyên gia xuất sắc trong lãnh vực ‘rút kinh nghiệm’. Có nhiều cái họ nói, họ làm được, và làm tốt. Cụ thể như bài học đồng Âu chẳng thể xảy ra ở Việt nam cũng vì họ đã thấy trước điều này. Chẳng thế mà sau 10 năm xây dựng xã hội chủ nghĩa (75-85) đất nước đi vào giai đoạn bi đát đến nỗi tướng Trần Độ, chính ủy của đội quân giải phóng đã phải than thở,

*‘Có phải suýt chết đói, suýt rơi xuống vực thẳm rồi không” Thắng lợi 75, ta đã thu lại một nửa nước no đủ và đầy hàng hóa thế mà ta đã phát huy thắng lợi đó ra sao mà đến năm đầu của thập kỷ ’80 cả nước đói nghèo, ngặt ngoài”’ (Nhật ký Rồng Rắn 2004/TrầnĐộ).*

Nhưng họ không đề ngắc ngoải đến độ xuôi tay, họ đã biết ‘đổi mới’, đổi màu, khi sóng gió lạng êm sẽ

tính sau, miễn là còn nắm được quyền, cai trị được cả nước, còn áp đặt việc xây dựng mô hình XHCN trên xứ sở vốn dĩ từ ngàn xưa giai cấp công nhân chỉ đứng hàng thứ yếu sau hai tầng lớp sĩ nông.

Trở lại chủ đề của bài viết, nhân khi những giá trị của tri thức đang được phục hồi, người viết muốn hỏi tưởng lại một thời kỳ đã qua, mà hệ lụy của những người miền Nam đã phải trả giá quá đắt. Tôi muốn nói thời của ‘những tài năng bị chôn sống’. Họ là ai" ?

*Đủ loại, các văn nghệ sĩ trong đó có nhà văn nhà báo, học giả, những người làm công tác nghệ thuật, những giáo sư đại học, giáo sư biệt phái, các lãnh tụ sinh viên học sinh, các sĩ quan trẻ đa phần có trình độ đại học, những trí thức chuyên viên bậc cao, những người được đào tạo chính qui từ các nước phương Tây, các nhà văn hóa, nghiên cứu dịch thuật, những chỉ huy lãnh đạo cấp cao, các lãnh đạo đảng phái hội đoàn yêu nước, các nhà tôn giáo chân chính, các nhân sĩ quốc gia liêm chính, các nhà xã hội từ thiện, các doanh nhân doanh gia hàng đầu, chưa kể các công nhân viên, thường dân đã làm việc hoặc liên hệ với chế độ, với người Mỹ mà chuyên môn nghiệp vụ của họ cũng có những đóng góp nhất định.*

Việc liệt kê gốc gác, thành phần vẫn còn thiếu sót, nhưng con số tài năng bị phí phạm, bị cho đi ‘cái

tạo' thì hầu như gia đình nào ở miền Nam cũng đều được chiếu cố.

Có người nói chuyện đã qua nhắc lại làm gì khi quá khứ đã chìm vào quên lãng, nhưng trớ trêu là có những cái lịch sử hay lập lại. Có ai ngờ một chủ nghĩa thống trị hơn nửa thế giới, một hệ thống xã hội luôn tự xưng là ưu việt lại bị sụp đổ khi tuổi thọ không qua nổi quá hai thế hệ" Cho nên dĩ vãng có thể quên, nhưng quá khứ cần nhớ lại một cách nghiêm túc làm bài học cho những thế hệ kế tục.

Thật sự, nếu chỉ phải đi 'học tập' năm ba tuần hay một tháng theo thông cáo rồi về, thì nhiều người trong số họ sẽ là cái vốn quý, là tiềm năng tri thức, là đội ngũ kỹ thuật có thể xử dụng ngay cho việc xây dựng và phục hồi đất nước sau chiến tranh. Tôi biết nhiều người tỏ ý muốn đóng góp, cụ thể xin đan cử một trường hợp. Anh X., một người quê ở Huế, được đào tạo tại Mỹ, khi thời gian cải tạo bước vào năm thứ 8, anh ta khóc trong ngày sinh nhật thứ 40 của anh. Nằm cạnh anh, tôi hỏi, vui lên, sao khóc" định ninh là anh nhớ vợ nhớ con. Có thể cho là anh 'khùng' khi anh lại tỏ ý tủi thân vì ở tuổi sung sức nhất của đời người, anh thấy không còn cơ hội làm một cái gì cho xã hội khi có chút học vấn kiến thức như anh.

Nhớ lại khi đánh đổ, tiêu diệt những giá trị tri thức của một chế độ 'khác màu', muốn triệt đường tiến thân của các tài năng muốn đóng góp cho xứ sở quê

huong, những người say men chiến thắng sau 75 vẫn kiêu hãnh tự hào cho mình là siêu việt, là vô địch, không tiếc lời dè bủ những con người đã được giáo dục đào tạo dưới chế độ cũ.

Nhưng chỉ vài chục năm sau, nhà học giả cộng sản Trần Bạch Đằng khi cảnh báo các người lãnh đạo Đảng về sự cải tổ hệ thống giáo dục đào tạo nhân tài đã viện dẫn gương của hai bác sĩ Trần Đông A và Phạm Thành Trai (là những người chủ trì ca mổ thành công tách rời hai em bé song sinh dính liền nhau có tên Việt-Đức), người Cộng sản lão thành đã phải nhìn nhận, “cứ nói họ đào tạo dưới chế độ Mỹ ngụy, nhưng tài năng họ hơn ta rất nhiều.” (theo báo Thanh Niên).

Bước vào đầu thế kỷ này, trong xu hướng đổi mới tư duy cho phù hợp với yêu cầu kinh tế hội nhập, các nhà hoạch định chiến lược trong việc đào tạo sử dụng nhân lực của Hà Nội đã dám khẳng định ‘muốn có khả năng tư duy đột phá thì phải...có bằng tiến sĩ’ và không còn cách nào hơn khi đo trình độ tri thức, nghiệp vụ bằng chính ‘học vị’. Ta hãy chờ xem thành quả của định hướng này với cách nhìn rộng mở khi giá trị của văn miếu được phục hồi và các tài năng đa dạng không còn bị chôn sùng. ■

*(Nhân đọc tin trên báo Hà Nội Mới, 2015)*

## Biển Đông một thời sủi bọt

Nếu Trường sơn trở thành chốn giao tranh ác liệt của những người coi nhau như kẻ nội thù, trong chuỗi dài lịch sử ba mươi năm nội chiến từng ngày thì biển Đông coi vậy mà hiền, được coi như dòng chảy đưa những con tàu xuyên đại dương băng ngang hải phận như một lộ trình ngã tư quốc tế, tuyệt nhiên nước không tanh mùi máu, gió không khơi mùi tử khí, sóng vỗ đều êm ả như biển thái bình.

Chỉ có một lần vào năm 74, khi hai người anh em cùng cha khác mẹ đang quần thảo nhau trên rừng trên đất, thì đột nhiên nước biển Đông sủi bọt. Tàu chiến của người ‘vừa là đồng chí vừa là anh em’ xuất phát từ Hải nam tiến chiếm Hoàng Sa. Lúc này Hoàng Sa là của Việt nam, đất mẹ muôn đời phải

gìn giữ nên chính quyền miền Nam không chịu làm  
ngơ. Hải quân VNCH đã xuất trận. Rất tiếc lực  
lượng không đủ mạnh, khiến hạm trưởng Nguyễn Văn  
Thà cùng 74 chiến sĩ đã ở lại với biển. Hoàng Sa  
tạm thời bị mất về tay địch. Đâu đây mùi tử khí đã  
vận hành theo gió, con tàu Nhật Tảo HQ 10 như con  
chim báo bão cho một ngày không xa sẽ có những  
tranh chấp lớn tại biển Đông.

Thế rồi vận nước đổi thay, biển Đông đột nhiên trở  
thành một địa danh hãi hùng, mồ chôn của bao sinh  
linh con dân đất Việt bất kể già trẻ lớn bé tự chọn  
con đường liêu chết rồi bỏ quê hương, lênh đênh  
trên những chiếc thuyền nan, thuyền gỗ phó mặc  
cho số mệnh nổi trôi đẩy đưa đến những bến bờ vô  
định với hi vọng tìm được tự do no ấm, nhân quyền  
nhân phẩm cho kiếp người. Cũng từ đây, một từ  
vựng quốc tế ra đời ‘thuyền nhân’ (boat people)  
đánh dấu cho một thời kỳ khổ nạn mà lịch sử Việt  
cũng như thế giới chưa có một cuộc xuất dương bỏ  
nước ra đi nào vĩ đại như vậy.

Ba mươi năm sau, lịch sử lại lập lại. Hoàng Sa!  
Trường Sa! Những tiếng vọng uất ức được tha thiết  
vang lên không phải chỉ người trong nước, trở trêu  
thay hăng hái nhất lại là những kẻ một lần bỏ nước

ra đi, do hệ quả tham vọng bá quyền của những người đã ‘dạy cho Việt nam một bài học’. Họ đã vẽ lại bản đồ cho vùng lãnh hải của họ, ‘cái lưỡi bò’ xuất phát từ Hải nam thè ra liếm trọn một vùng xuống tận cực nam tiếp giáp lãnh hải Philippines/Indonesia, nuốt chửng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa mà họ ngang nhiên tuyên bố là ao nhà của dân tộc Hán. Bản đồ này không phải chỉ là tài liệu tung trên mạng, mà trở thành văn bản phụ đính cho tập hồ sơ của phía Trung Quốc công khai gửi Liên Hiệp Quốc để biện minh cho chủ quyền lãnh thổ của mình, khi người đồng chí lâu năm của họ thất thế phải kiện cáo cơ quan trọng tài tối cao này dựa theo Công ước Luật biển 1982 mà cộng đồng quốc tế cùng thừa nhận ký kết.

Chẳng phải ngẫu nhiên khi Trung quốc họ làm như vậy. Từ nhiều thập niên qua khi phong trào thuyền nhân đi vào yên nghỉ, mùi tử khí nhạt dần thì mùi dầu khí lại được các bên hữu quan đánh hơi bén tiếng. Biển Đông không còn đơn thuần là dòng chảy giao lưu quốc tế mà trong cách nhìn chiến lược nào đó, trở thành tiềm năng vô tận cho những giếng vàng đen của các thập niên sau. Các nước quanh vùng đua nhau tuyên bố chủ quyền, thậm chí Đài

Loan không có một chút biển nào dính liền với biển Đông cũng đem quân đến ăn có một vài đảo quanh vùng Trường sa, chưa kể mấy nước ASEAN trong đó có Mã lai, Brunei, Indonesia cũng nhận xăng lãnh hải, quanh một quần thể gồm nhiều đảo nhỏ mà chánh quyền miền Nam đã phái một đại đội Địa phương quân của tiểu khu Bà rịa thường xuyên trú đóng để bảo vệ hải phận tiền đồn của Tổ quốc. Ngay sau 30-4, chánh quyền mới cũng đã nhanh chóng tiếp quản và giữ vững chủ quyền nơi biển đảo này. Ấy vậy mà nước bạn cũng chẳng để yên, sự kiện Gạc-ma (tháng 4-1988) được lập lại y trang tuy với qui mô nhỏ hơn nhưng cũng cướp mất của ta một vài hòn đảo và sinh mạng của Thuyền trưởng Trần Đức Thông cùng 64 chiến sĩ Trường sa (HQ 604) đã ngã xuống với tinh thần quyết tử giống hệt các chiến binh Hoàng sa 14 năm trước dù có khác nhau về màu cờ sắc áo trong lúc Tổ Quốc phân đôi.

Nhớ lại Hoàng Sa ngày ấy cũng chỉ là hòn đảo nhỏ so với Lý Sơn (ngoài khơi Quảng Ngãi), nguồn thô sản duy nhất là phân chim chẳng ai buồn khai phá, có chăng là các đội thuyền buồm của quan quân triều Nguyễn vãng lai ra cắm cọc mốc như một hình thức minh xác chủ quyền tuần duyên quanh đảo

hoặc các tàu đánh cá viễn khơi của ngư dân vùng Quảng tấp vào tránh bão mỗi khi gặp nạn trên biển Đông. Sau này, Thủ tướng của miền Bắc vì lý do nhạy cảm đã ký văn bản thỏa thuận ngầm ‘hiện trạng Biển Đông’ theo hướng của Bắc kinh vì nhà nước nghĩ rằng xá gì một đảo nhỏ xa xôi tạm thời chẳng thuộc quyền quản lý của mình khi tình hữu nghị anh em là điều kiện sống còn cho mỗi quan hệ quốc tế vô sản. Có ngờ đâu chỉ nửa thế kỷ sau Hoàng Sa trở thành một phần của ‘huyện đảo Tam Sa’, nối dài cho sân sau của bá quyền Đại Hán, trở thành tâm điểm cho một đường kính hàng ngàn hải lý quét đủ một vòng như một ‘lưỡi bò’ ôm trọn biển Đông!

Rồi đến một ngày, một tác đất là một tác vàng trong thời hội nhập, một hải lý trên biển trở thành một kho báu đô la, thế là tranh chấp nổ ra giữa những người mang tiếng là ‘láng giềng’ gần trên đất. Xác xược nhất, sòng sượng nhất vẫn là quốc gia bá quyền Trung Quốc. Khiếp nhược nhất, né tránh nhất lại là quốc gia tự xưng một thời ba lần thắng ba đế quốc sùng sỏ nhất thế gian. Chuyện lúc đầu nạn nhân “mới chỉ là” những ngư dân vô tội vì miếng cơm manh áo đi đánh bắt cá tôm trên vùng biển vùng ven

mà từ đời này qua đời kia cha ông họ vẫn thường ra khơi đánh bắt. Chính hải phận quen thuộc như ao nhà bỗng dựng trở thành ‘đất lạ’, bị ‘tàu lạ’ đâm bị ‘người lạ’ bắt, bị giam bị giữ, bị đòi tiền chuộc nộp giao cho những kẻ hành xử như bọn thảo khấu trên biển khơi.

Bất giác người viết lại nhớ mấy câu thơ Chủ tịch Giang Trạch Dân tặng phái đoàn bộ ba lãnh đạo Nguyễn văn Linh, Phạm văn Đồng, Đỗ Mười tại hội nghị Thành Đô (tháng 11/91) khi hai nước cộng sản anh em nói tình hòa khí:

*Qua hết sóng dữ, anh em vẫn còn*

*Gặp nhau cười một cái là rửa sạch ân oán!*

*(Đô tận kiếp ba huynh đệ tại/Tương phùng  
nhất tiếu mãn ân cừ)*

(Nhật ký Lý Bằng - tháng giêng/08)

Chuyện ngày nay (hiện Đỗ Mười còn sống) chẳng phải cười một cái là xong, ân oán chẳng phải một ngày mà rửa sạch khi tình đồng chí chỉ là vỏ bọc, nghĩa láng giềng là chuyện xa xưa. Nếu quả ‘anh em vẫn còn’ như các nhà lãnh đạo Việt nam khăng

định thì ‘sóng dữ’ vẫn chưa qua nếu cứ nhìn hình ảnh mấy ngư phủ già vái lạy quân cướp biển, nỗi ‘bức xúc’ với thời cuộc trên biển Đông vẫn là niềm trăn trở của những người còn nặng lòng với Tổ Quốc. Bùi Chí Vinh, một nhà thơ ‘Zăng-gô’ của thành phố tên Bác, một cựu binh có nhiều bài thơ yêu nước, đã phải than thở,

*máu bầm đỏ bazan, máu tràn ra hải đảo*

*ai cho phép Hoàng Sa, Trường Sa thành Tam Sa lếu  
láo*

*tội nghiệp rừng cọc nhọn Hưng Đạo Vương trên  
sóng Bạch Đằng...*

Trở lại các diễn biến gần đây của quần chúng trong nước, từ hải ngoại nhìn về, điều đáng mừng là sự kiện Biển Đông trùng khơi sóng vỗ như được sự vẫy gọi của truyền thống Bạch Đằng. Lòng dân đồng thuận, dư luận năm châu biểu thị đồng tình, cái khó xử là các nhà lãnh đạo Hà nội phải chọn lựa giữa tình đồng chí Đại Hán (ngoài môi) hay quyết tâm bảo vệ chủ quyền biển đảo của ngàn năm Đại Việt.■

## **Bốn mươi năm Hoàng Sa nhìn lại**

Chẳng phải bây giờ mà từ 1974 tôi đã được nghe chuyện Biển Đông một thời sủi bọt khi bạn tôi, Hạm phó của một tàu Hải quân VNCH, thuật lại trận tử chiến Hoàng Sa khi anh trở về từ vùng biển chết. Ấy vậy mà đã bốn thập niên tính đến 19-1 năm nay. Bạn tôi hiện đang sống ở Úc, người hạm trưởng của anh đang ở San Jose (Mỹ). Cả hai vẫn kín tiếng, chưa một lần phát biểu hay tham gia bất cứ cuộc hội thảo nào liên quan đến trận đánh.

Không phải các anh bàng quan với thời cuộc, cũng chẳng phải thiếu lòng tự hào khi tham dự một trận đánh để đời đã đi vào quân sử, mà hình như hai người đầu đàn của một khu trục hạm năm xưa vẫn mang niềm u uẩn của những con sói biển khi cảm thấy uất ức vì để mất Hoàng Sa cho bá quyền Trung quốc và cảm thương sâu sắc cho người đồng đội, Hạm trưởng Nguyễn Văn Thà (hộ tống hạm Nhật Tảo HQ10) cùng 123 thủy thủ của lực lượng hải chiến VNCH đã ở lại với biển.

Cách đây mấy năm, anh có sang Mỹ chơi, trùng hợp với những ngày có hiện tượng ‘đường lưỡi bò’, trong tình bạn bè vừa là người ưa viết lách, tôi có gợi ý anh cho tôi một số chi tiết hoặc cảm nghĩ về cái ngày tháng giêng 19 khi bốn con tàu của Hải quân Việt nam rẽ sóng ra khơi từ bờ biển Đà Nẵng theo lệnh của Tư lệnh tối cao Nguyễn Văn Thiệu bằng mọi giá tiến chiếm lại Hoàng Sa, khi bản thân anh vẫn còn là nhân chứng sống của một thiên bi hùng sử mà một thời người ta chưa đánh giá đúng mức hay lường trước được hậu quả chiến lược về chủ quyền biển đảo di hại đến nhiều thế hệ con cháu sau này.

Như biết được suy nghĩ của tôi, anh vẫn khiêm tốn góp ý là những gì về Hoàng Sa ngày ấy thì sách, báo, chứng cứ lịch sử, cá nhân, tập thể cả trong lẫn ngoài nước đã nói nhiều, nói chung đều trung thực và khả tín. Rồi như sợ tôi mất lòng, anh từ chối khéo khi lấy một tập quán chỉ huy dù không thành văn của hải quân là khi hạm trưởng còn sống mà chưa ‘lên tiếng’ sẽ là một sự bất kính khi hạm phó hoặc những người theo tàu được phép phát ngôn.

Anh nghiêm túc thổ lộ điều anh trần trở là cần làm nổi bật cho các thế hệ sau tinh thần bất khuất của Ngụy văn Thà và những người con yêu của biển đã hi sinh trong trận hải chiến tuy thiếu cân bằng về tương quan lực lượng nhưng không hề khiếp nhược về mặt quyết chiến quyết tử khi đối mặt với kẻ thù cướp đảo mà âm mưu xâm lược và ý đồ thôn tính đã có một lịch sử lâu đời từ thuở Bạch Đằng giang.

Thật sự ngôn từ của anh vốn bộc trực như tính cách của người lính, không hằn bóng bẩy như tôi viết lại, nhưng trong câu chuyện trao đổi anh vẫn tỏ ý buồn là cái chết của những người đồng đội của anh chưa được đánh giá và tri ân đúng mức. Tất nhiên huy

chương nào cũng có mặt trái, chiến công nào đôi khi cũng có sự thổi phồng, *nhưng một trận đánh nếu không thắng thì tất yếu nó vẫn bị đánh giá thấp và những tác nhân xoay quanh cuộc chiến rất dễ bị lãng quên, nếu không muốn nói đôi khi còn bị phẩm bình soi mói.*

Cứ theo ý của anh, thì sự kiện Hoàng Sa năm 1974 không thể hiểu như vậy và cũng không thể xếp vào trường hợp này, mà ta phải kể đến bối cảnh của miền Nam thời ấy, một thời điểm cuộc chiến sắp tàn, một hiệp định đình chiến bó tay khi phải đối phó với người anh em nội thù miền bắc, lại hết thời hậu thuẫn của người bạn đồng minh bên kia đại dương, lực bất tòng tâm vẫn phải đơn phương chống chọi với kẻ thù xâm lược khi mà người trong nhà gà cùng một mẹ không đồng tình chia sẻ, trong cách hiểu nào đó lại án binh bất động tỏ tình quốc tế vô sản với người ‘vừa là đồng chí vừa là anh em’.

Qua câu chuyện tôi cũng thấy anh phàn nàn khi cỡ máy tuyên truyền, cùng những người lãnh đạo của chúng tôi, ngày ấy đã không mở một chiến dịch quảng bá sâu rộng ý nghĩa cuộc chiến tranh cướp

đảo và ý đồ của bọn Trung quốc, và sự hi sinh cao cả, kiên cường của những người lính biển, mà phần nào đặt nặng những chiến công trên rừng trên đất, mãi lo cho chiến dịch lấn đất dành dân sau hiệp định Paris, nên thiếu ngợi ca những người con yêu đã ở lại với biển, ghi công chiếu lệ với những người sóng sót trở về mà nay nhìn lại, dù một chế độ đã bị bức tử thì sự hi sinh của họ vẫn là *‘những người yêu nước, chết vì nước’ không thể nào là ‘ngụy’ như* lời ngợi ca của nhà thơ Trần Mạnh Hảo, một người lính bên kia chiến tuyến đã công bằng đánh giá. Bài thơ mang tên, *‘Người anh hùng họ Ngụy’* (lần đầu tôi được đọc trên QC) về sau được phổ biến khá rộng rãi trên báo in, báo mạng khi sự kiện Biển Đông tháng giêng năm đó không còn là chuyện của một thời đất nước phân đôi.

Ngẫm lại, cái gì cũng có luật bù trừ, thời gian sẽ là nhân chứng đứng về phía chính nghĩa. Giờ đây từ bắc chí nam, từ trong nước ra hải ngoại, đều biết đến tên tuổi Ngụy Văn Thà, người anh hùng đã phát lệnh xung kích, bắn phát hỏa đạn đầu tiên, sau lần cảnh cáo tàu địch không chịu rút khỏi lãnh hải chủ nhà; hết đạn, bị thương nặng, không chịu tải thương, ở lại

tàu cùng chết với đồng đội, chết theo tàu khi trúng hỏa tiễn của địch, vĩnh viễn ở lại với biển.

Nay nhìn lại Hoàng Sa từ một thời điểm 40 năm sau phát súng lệnh đầu tiên của con tàu Nhật Tảo, tác giả có ít dòng hoài niệm vinh danh những anh hùng của trận đánh Hoàng Sa, và tin rằng lịch sử sẽ đánh giá công bằng về họ như những người con yêu đã ‘ngã xuống vì Hoàng Sa thiêng liêng’ (nhóm từ nhà báo Huy Đức đã dùng trên facebook khi kêu gọi tiếp tay hoàn chỉnh danh sách 74 tử sĩ mà cơ bản ông mới sưu tra được).

Nhân đây cũng có lời trân trọng việc làm khách quan mang tính nghiệp vụ cao khi được xem một tư liệu về cuộc hải chiến Hoàng Sa do Đài truyền hình tỉnh Đồng Nai công chiếu **nhân dịp 39 năm sự kiện Hoàng Sa**. Tư liệu này thực hiện bởi phía VNCH như một ‘nhân chứng vật thể’ mà trớ trêu thay giờ này người viết mới có dịp được xem và lượng giá. ■

## Thành Đô

### n ổi n iêm người đi sứ

Một phân tử thế kỷ đã trôi qua, nhìn lại nếu như đừng có cuộc hội ngộ bí mật tại Thành Đô của bộ ba Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Phạm Văn Đồng với Giang Trạch Dân và bộ sậu lãnh đạo Trung quốc thì số phận và vai trò của Việt nam ngày nay sẽ ra sao?

Hốt hoảng vì sự tan rã của khối XHCN Liên Xô mà ngay kẻ thù của nó vẫn tin là ít nhất chủ nghĩa Cộng sản còn tồn tại cả vài thế kỷ, các lãnh đạo Việt nam biết là phải tìm một lối thoát nếu chưa là sách lược lâu dài thì phải có chỗ dựa trước mắt để tồn tại. Ngó quanh chẳng còn ai trừ một vài nước nhỏ như Triều Tiên, Cuba nghèo đói, cái phao cứu nạn nằm ngay cạnh ông lảng giềng gần.

Nhờ vả sự hỗ trợ của người đồng chí cũ mà mười năm trước mới cho mình ‘một bài học’ rõ ràng là vạn bất đắc dĩ, chưa kể những người Đại Hán xưa nay vẫn là kẻ thù truyền kiếp của xứ sở Đại Nam, giới lãnh đạo ở Ba Đình hiểu điều này nhưng đành

phải xuống nước vì sự tồn tại chưa hẳn vì lợi ích quốc gia mà trước mắt cho sự tồn tại của Đảng. Đảng còn mình còn, Đảng mất mát tất cả, câu ngạn ngữ thời nay chẳng phải chỉ giới công an họ mới hiểu mà những nhóm lợi ích chớp bu càng phải quán triệt.

Đọc lại hồi ký của Lý Bằng (TQ) và Trần Quang Cơ (VN), người Việt chân chính vẫn thấy ám ức về sự hạ mình và lối trịch thượng của hai cựu thù cộng sản anh em. Vào thời điểm này, anh em chúng tôi những người mới ra tù (sau sự trả thù của ‘bên thắng cuộc’) tự nhiên lại liên hệ bộ ba “Nguyễn-Đỗ-Phạm” của thế kỷ 20 (dù một thời luôn tự hào đánh thắng ba đế quốc sừng sỏ nhất thế gian) với đám Lê Chiêu Thống thân tàn ma dại sang cầu viện nhà Thanh hai thế kỷ trước.

Cuộc gặp gỡ với vị thế không tương xứng khi Đặng Tiểu Bình đánh lừa lãnh đạo Đảng ta bằng tự hứa sẽ gặp phái đoàn nếu có Phạm Văn Đồng tham gia đi sứ. Ai cũng hiểu Ông Phạm đã có một bề dày về sự cổ võ tình hữu nghị và làm việc tay đôi với các lãnh đạo chớp bu tiền bối của Trung quốc, đặc biệt là Chu ân Lai, người tổng lý trong vai trò thủ tướng lâu năm nhất trên thế giới (giống PVD) nên luôn chịu

xuống nước để đạt được các thỏa thuận viện trợ trước mắt nếu cần bằng công văn công hàm kiểu nhượng quyền biển đảo. Nhưng người hùng ngũ đoản đã cho đàn em là họ Giang thân chinh ra tiếp tại một nơi không lấy gì làm sáng sủa là đất Tứ Xuyên mà thủ phủ là Thành Đô xưa nay vẫn là chốn giang hồ hảo hán của các câu chuyện chương trong dã sử Tàu.

Thế là qua trung gian nhắn gửi của đám Hoàng Văn Hoan đã đào thoát sang Trung quốc từ thập niên trước (con ông ta còn ở VN làm đầu mối), phía Hà nội đã tiếp cận được các giới chức cần gáp phía Bắc Kinh, mà suốt mười năm qua họ rửa sả không thương tiếc thậm chí lại còn ghi vào hiến pháp CHXHCNVN danh xưng kẻ thù phải cảnh giác và sẵn sàng đánh trả.

Qua cuộc gặp gỡ, người ta ghi nhận phía Bắc kinh như bắt thóp được sự xuống nước và cầu cạnh của lãnh đạo Hà nội, dù hai bên ngầm hiểu là họ nói tình hoà hiếu cũng chỉ là nhất thời, nhưng nước chủ nhà ở thế thượng phong đã đối xử một cách phải đạo qua phong cách ngoại giao vừa ngọt ngào vừa nồng ấm. Thậm chí hai nước Cộng sản phương Đông dù trải qua các cuộc chiến tranh vừa chống nhau vừa chống

các đế quốc ngoại xâm, nhưng dân tộc của họ lại là những người yêu thơ và làm thơ bất kể từ lãnh đạo đến thần dân, việc nước hay việc nhà, nhân tình hay thế sự. Giang Trạch Dân, người lãnh đạo đương thời vốn là một tay què đất Thượng Hải, lại yêu thơ giỏi nhạc và biết đàn, nên trong lúc thương thảo, để đánh tan mối hoài nghi của đám sứ thần phương Nam, ông này đã có những vần thơ, sau được ghi lại trong nhật ký của Lý Bằng,

*Qua hết sóng dữ, anh em vẫn còn*

*Gặp nhau cười một cái là rửa sạch ân oán!*

Đúng là tay ngoại giao bậc thầy, nghe nói những câu thơ đã có tác động đến tổng bí thư họ Nguyễn, ông này cũng đã đối đáp bằng mấy câu thơ khá ấn tượng nhưng người viết không ghi lại ở đây (vì tài làm thơ của NVL so với các thi nhân VN chỉ ở mức trung bình). Điều này thể hiện là hai bên đã đạt được những thỏa thuận nào đó, tất nhiên không thể sòng phẳng theo nghĩa hai bên đều có lợi mà phần thiệt chắc chắn phía VN phải gánh chịu. Đối lại hiện tình tạm thời qua ‘con sóng dữ’, và kết nghĩa anh em là chuyện chẳng đáng dừng. Hai kẻ cựu thù từng bước đi đến ‘bốn tốt’ mặn nồng trong quan hệ đảng và ’16

chữ vàng’ lấp lánh giữa hai láng giềng gần, nhưng mỗi quan hệ hữu quan có ‘cười một cái là xong’ thì phải hạ hồi phân giải.

Nay nhìn lại thỏa thuận Thành Đô đã mang lại những hệ lụy nào, thì không gì tốt hơn là cần đọc lại những bài viết phân tích sâu sắc và hồi niệm sinh động của tác giả Nguyễn Trọng Vĩnh, một vị tướng già và nhà ngoại giao lão thành đã làm sứ thần của VN tại Bắc Kinh qua hơn thập niên. Dụng ý của bài viết này chỉ muốn nêu lên vào thời điểm ấy giữa con lũ quét sạch chủ nghĩa xã hội tại Liên xô và Đông Âu, thì Việt nam có cần phải ‘ôm chân’ Trung quốc để chế độ Hà nội được tồn tại?

Trước hết và cần hiểu là từ giữa thập niên ’80, Việt nam không phải là Đông Âu, càng không phải là rập khuôn như bất cứ nước cộng sản nào khác. Về đường lối họ vẫn độc tài độc đảng, về kinh tế họ vẫn nghèo đói và kém mở mang, về ngoại giao và liên minh quốc tế họ vẫn ở thế đu giây không thực sự ‘ôm chân’ một đế quốc nào, dù danh nghĩa có dựa vào Liên xô như vài thập niên trước đó. Nhưng cái hay và cái khôn là người cộng sản Việt nam ‘giỏi’ về...rút kinh nghiệm. Phải nói họ là bậc thầy về thủ thuật này, cũng chẳng mới mẻ gì chẳng qua là lối xử

lý ‘mềm nắn rắn buông’ tùy thời tùy cơ điều chỉnh cho thích hợp để tồn tại.

Cụ thể nhìn vào bối cảnh từ Đại hội IV (1986) trở đi họ đã biết đổi mới, đổi màu cho bức tranh toàn cảnh của một Việt nam XHCN vốn sấp ‘ngoắc ngoải’ (từ của Trần Độ) do thất bại về kinh tế sau chiến tranh. Họ mạnh dạn chủ trương ‘mở cửa’, dù chỉ là mở nắp cho xì hơi, nhưng dù sao cũng là dễ thở hơn, nông nghiệp đã có ‘khoán chui’ cho dân cây còn có chút cháo, công nghiệp dựa vào các cơ sở có sẵn tại miền Nam, họ bắt tay và mở đường cho các doanh nhân nước ngoài vào làm ăn, trớ trêu chẳng phải là cộng sản anh em (kể cả Tàu Cộng) mà toàn là những cựu thù tư bản trong chiến tranh, từ Pháp, Đức, Nhật, Nam Hàn, Đài Loan, Singapore..., về thương nghiệp đã cho hình thức buôn bán nhỏ, nguồn hàng hóa khai thông, quán ăn tự điếm mọc lên như nấm không còn độc quyền cho cơ sở quốc doanh, về an ninh xã hội cho đi lại tự nhiên, chưa thấy có dấu hiệu nghiêm trọng của các lực lượng thù địch, diễn biến hòa bình, dám chủ trương thả tù cải tạo hàng loạt và cho đi nước ngoài, về văn hóa tư tưởng họ ‘mở trời’ cho văn nghệ sĩ, cởi bỏ nếp văn học minh họa. Nói chung trong chừng mực nào đó vẫn trong tầm kiểm

soát của Đảng, người dân phần nào ‘dễ thở’ hơn so với những thập niên trước. Chính cái kiêu mở nắp cho xì hơi này làm cho VN đi một bước trước các nước Đông Âu và trở thành cái phao thoát hiểm khỏi thế sụp đổ kiểu domino từ Âu sang Á nhân tiên ba bốn năm sau.

Kẻ viết bài này được xô lông vào đúng thời điểm này và càng có cơ sở để thấy người cộng sản qua nhiều thời điểm có lúc như sợi chỉ treo chuông nhưng họ vẫn may mắn vượt qua, và phải chăng vì vậy mà nỗi bất hạnh của người dân khó có cơ may vượt thoát. Chính ông Trần Độ trong ‘Nhật Ký Ròng Rắn’ (2001) đã xác quyết điều này khi tưởng rằng chế độ sau 10 năm thống nhất bị lụn bại kiệt quệ về kinh tế có nguy cơ mất quyền cai trị trên cả nước, nhưng họ đã thấy trước bài học Đông Âu và tìm ra lối thoát theo cách riêng mà những nước đàn em và ngay cả người anh cả Liên Xô đã không ngờ trước.

Nếu về mặt cải tổ chính sách đường lối đã có các bước đi tích cực, tại sao ngày ấy các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước lại vụng tính khi vội vàng ‘ôm chân’ Trung quốc? Ai cũng hiểu lúc này Trung quốc chưa phải là cường quốc cả hai mặt kinh tế và quân sự, nội bộ cũng suýt sụp đổ vì sự kiện Thiên An

Môn, kinh tế thì đang phải nhờ nguồn đầu tư của Đài loan, Nhật bản, Đức, Pháp, Nam Hàn, khoa học kỹ thuật thì phải gởi cả trăm ngàn du học sinh qua Mỹ học, hàng hóa muốn tiêu thụ thì phải trông vào thị trường Mỹ, nhìn chung là các lãnh đạo Bắc Kinh phải tự cứu bằng cách xoay qua các nước tư bản đứng đầu là Hoa kỳ, chuyện viện trợ giúp đỡ đàn em dù là đồng chí đi nữa cũng không phải là ưu tiên ở thời điểm này. Xét cho cùng cứ theo chủ thuyết của Đặng Tiểu Bình thì ‘mèo trắng mèo đen đều tốt miễn là bắt được chuột’ cho nên họ chỉ cần cai trị ổn định phát triển đất nước, còn chủ nghĩa chủ thuyết tùy thời cơ linh động vận hành cho thích hợp (ngày nay 50% đại biểu quốc hội là người ngoài Đảng).

Vậy thì bỏ anh em xa (Liên xô) quay sang láng giềng gần (Tàu cộng), Việt nam có bước tính toán khá thực tiễn là mưu tìm chỗ dựa tinh thần trước mắt, nhưng về lâu về dài hệ lụy sẽ khó lường một khi Trung quốc trở dậy và đủ mạnh về kinh tế, tham vọng bá quyền của dòng Đại Hán sẽ làm điêu đứng các nước láng giềng bất kể đàn em, đồng chí, đồng minh, đối tác. Trải nghiệm này những người Việt nam chẳng kể là cộng sản hay quốc gia cũng đều hiểu điều này mà Hà nội càng thối tha khi không

đầy một thập niên đã bị tấn công hai lần (1979 & 1988) trên biển cũng như đất liền.

Nay thì chuyện đã rồi, bộ ba đi sứ người còn kẻ mất nhưng tên tuổi vẫn còn được nhắc nhớ. TBT Nguyễn Văn Linh một thời được kể như khuôn mặt đổi mới (và chúng tôi nhờ ông mà ra tù khỏi án một gông) nhưng đã vội đóng cửa rút cầu vì sự tồn vong của Đảng, càng nóng vội khi sang Thành Đô để nối tình hòa khí mà lợi bất cập hại di căn cho các thế hệ sau. Phạm Văn Đồng vị thủ tướng có thâm niên lâu năm nhất nhì thế giới cũng đã ngủ yên, tuy không có vai trò chủ động trong thương thuyết (vì hết quyền) nhưng tên ông vẫn bị ‘réo gọi’ khi có các biến động ở Biển Đông mấy chục năm sau vì ‘công hàm 12 hải lý’. Người duy nhất còn sống là Đỗ Mười lúc đó là Chủ tịch HDBT nay tuổi cao sức yếu nhưng ông còn nắm được các bí mật qua Thỏa thuận Thành Đô và hệ lụy của nó chắc ông là người cảm nhận sâu sắc nhất. Nếu ở nước tư bản hồi ký của ông đáng giá bạc triệu USD, nhưng ở nước mình ông sẽ im tiếng đến khi về cõi và để lịch sử đánh giá những gì một thời ở đất Tứ Xuyên. ■

*Viết nhân giãn khoan của Trung quốc HD 981 đóng cọc ở Biển Đông*

# Phần Phụ Lục



## **Bố tôi và nước Mỹ (Đỗ Mỹ Linh)**



*Thân phụ tác giả, nhà văn Đỗ Xuân Tê*

Bố tôi vốn xuất thân nghề giáo, nhưng khi vào lính, ông lại là một trong bốn Sĩ quan đầu tiên được gởi đi học ngành Thông Tin Báo chí tại Hoa kỳ. Tốt nghiệp được chuyển về làm việc tại Trung ương, chuyên lo tiếp xúc và phổ biến tin tức chiến sự cho báo chí trong ngoài nước. Sau chiến tranh, do quá trình đi Mỹ và cộng tác với người Mỹ, đã đem lại nghiệp quả đưa ông vào trại cải tạo gần 13 năm, trong đó có 5 năm lao động tại chính quê mình, tức Trại Ba Sao – Nam Hà, nơi từng giam giữ tù binh Mỹ và hình sự thứ dữ, cách làng bố tôi chừng 30 cây số.

Ra khỏi trại vào thời điểm Hà Nội mở cửa, không khí xã hội có phần dễ thở. Bản thân ông kiếm được một chân xúc chai bên quận 5 Sài-gòn, lương khoán đủ ăn nhưng khá vất vả. Tình cờ mẹ tôi có quen một người bạn cũ, cô này nhờ bà kiếm cho một người dạy kèm Anh văn với điều kiện ông này phải là Sĩ quan chế độ cũ, đã đi học Mỹ, ngành Không quân, phi công càng tốt. Bố tôi có phần dẫn đo vì từ lâu không ôn tập loại sinh ngữ này. Nhưng từ sau 75, ông có phần “nhẹ ký” trong các quyết định của gia đình, mẹ tôi lại có bí danh ‘bà Lê Duẩn’ vì tính quyết đoán (tên này do cậu em vui tính đặt cho), nên không còn cách nào hơn là nhận đại cho mẹ tôi vui lòng.

Cũng do tiền công được trả bằng ba lần lương xúc chai, mỗi tuần chỉ dạy 3 buổi, lại được hứa dạy khá sẽ trả thêm. Vừa có khiếu sư phạm, lại có khả năng Anh ngữ thực dụng, kèm theo cái ‘bùa’ là đã đi Mỹ nên chuyện làm ăn coi như suông sẻ. Quả là bố tôi có duyên với Mỹ, do đi Mỹ mà thời gian cải tạo kéo dài, nay nhờ đi Mỹ lại biến thành cần câu cơm cho chính bản thân ông. Các đối tượng bố tôi kèm thuộc loại khách ‘xộp’, đa số là phái nữ thuộc thế hệ trẻ, có việc làm trong các dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, du lịch thời mở cửa nên cuộc sống tạm ổn.

Mấy năm sau, ông và cả gia đình được sang Mỹ theo diện H.O., một chương trình tị nạn dành cho các tù cải tạo. Đúng là sông có khúc, người có lúc, đời ông lại có dịp lên hương. Bố tôi và các chiến hữu sau 75 có thâm trách người Mỹ đã quay lưng lại các ông, nhưng qua chương trình này các gia đình tù cải tạo lại biết ơn nước Mỹ đã tạo cho họ cơ hội không bao giờ ngờ đến.

Sang Mỹ, vốn đã lao động quen, tuổi đời giờ cũng lờ mờ, bố tôi nhắm ngay vào các trường học xem có chỗ nào muốn làm custodian (lo vệ sinh quét dọn cho trường). Job này xem ra hợp với ông, có benefits đầy đủ, lại khó bị lay off. Nhưng sức khỏe kém, chậm, khó cạnh tranh nổi với các ông bạn Mỹ, nên bố tôi bỏ cuộc. Quay ra đi học lại để kiếm trợ cấp theo diện di dân, chờ ngày có job nào hợp sẽ

tính. Cũng may chúng tôi đều lớn, biết tự lo, gia đình không phải lệ thuộc vào bố tôi. Học được vài năm tại đại học cộng đồng, vốn hiểu biết và trình độ Anh ngữ như được khơi lại, ông muốn quay lại nghề dạy trẻ. Mong ước rất bình thường là kiếm chân Teacher Aid hoặc Tutor là đủ ăn.

Cơ may lại mỉm cười với ông. Vào đầu thập niên 90, chính sách giáo dục của bang Cali dành cho di dân thiếu số rất được ưu đãi. Thậm chí tại quận hạt San Bernardino, nơi gia đình tôi định cư, Sở Học vụ Thành phố đã thực hiện một dự án thí điểm nhằm giúp các học sinh di dân hội nhập nhanh vào dòng chảy giáo dục Mỹ nên đã cấp xe bus đưa đón các học sinh gốc Đông dương lứa tuổi mẫu giáo đến lớp 5 tập trung về trường Tiểu Học Warm Springs. Rồi muốn thêm các Tutor song ngữ gốc Việt, Miên, Lào để kèm cho các cháu, đặc biệt cho các cháu mới đến trường. Bố tôi là một trong năm người được chọn, tuy già nhất nhưng lại có kinh nghiệm sư phạm từ Việt nam. Thỏa lòng vì có job như ý, lại được một cô giáo gốc Việt có chồng là cựu sĩ quan Mỹ từng phục vụ trong chiến tranh Việt nam chỉ dẫn tận tình, đặc biệt là nhắc ông khi khen hoặc khích lệ các em nên tránh cử chỉ gằn gỏi, thân mật theo kiểu người Việt mình. Làm tutor một kèm một, thường một ngày chạy 3 lớp, bố tôi và các đồng nghiệp trẻ đã giúp nhiều học sinh tí hon gốc Việt tránh được những bờ ngõ ban đầu do không nói không hiểu

được tiếng Anh vì quen nói tiếng mẹ đẻ cho đến tuổi vào mẫu giáo. Kết quả sáng kiến nâng đỡ của Sở, kết hợp với công sức của thầy cô và phụ giáo đã giúp các em chỉ vài ba năm sau đã quen với trường, với lớp, học tập ngang ngửa với các em bản xứ. Thậm chí có em từ lớp 3 trở đi đã được bầu làm Trưởng lớp, còn được chọn Học sinh xuất sắc trong tháng, trong năm là chuyện bình thường.

Ngày làm tutor, buổi tối ông chịu khó ghi danh học thêm các lớp nghiệp vụ trên Cal State university. Khi lấy được CBEST (chứng chỉ hành nghề giáo viên), bố tôi rời Warm Springs đi làm Substitute Teacher theo sự điều động của Sở. Công việc có vất vả hơn, vừa lái xe tới trường theo sự phân công mỗi ngày, vừa phải đứng lớp như một giáo viên thực thụ, trách nhiệm có nặng nề hơn và nhiều thách thức mới cũng đến với bố tôi. Tuy nhiên, nhờ tùy cơ ứng biến, biết xử dụng hiệu quả các helpers (học sinh giúp việc), cộng với óc vui tính hài hước sẵn có, dáng dấp lại giống ‘bố’ của tài tử Jackie Chan rất được ưa chuộng trong các phim action của Mỹ nên ông thu phục nhanh chóng cảm tình của các học sinh bậc tiểu học dù accent có phần yếu kém so với giáo viên bản địa.

Cũng từ kinh nghiệm đi dạy, bố tôi phát hiện các trẻ em Mỹ bất kể màu da, không giống như các trẻ Việt nam thuộc thế hệ khi ông dạy học ở quê nhà, thường

chịu sự dạy dỗ theo kiểu gia trưởng. Các cháu ở đây có thói quen mà ông gọi là “4 HAY”: hay hỏi, hay chỉ, hay mách, hay nói. Quả đúng vậy, không hiểu là hỏi, đã biết là chỉ (cho người khác), thấy xấu là mách (bất kể thân hay không thân), hăng hái phát biểu kể cả đôi lúc cãi cũng rất hăng. Nói cho ngay, lúc đầu bố tôi có phần khó chịu với lối “4 hay” này, nhưng sau ông phải nhìn nhận cái thói quen dù không được dạy, tự nó đã hình thành và trở thành hữu ích trong tinh thần ganh đua học hỏi, trong xây dựng các mối quan hệ cộng đồng và an ninh khu phố. Nói đến tật hay mách, một giai thoại lý thú là bố tôi cũng có lần bị ‘méc’ vì biểu diễn mấy đường quyền (võ cổ truyền quê tôi) cho các em coi lúc cuối giờ ngày thứ sáu. Đầu tuần sau, bà Hiệu phó gọi bố tôi lên khuyên không nên làm như vậy. Từ đó ông quê độ, hễ có em nào hỏi ông biết ‘karate’ không, ông gật đầu nhưng không dám show off.

Đến tuổi nghi hưu, bố tôi có ý định về dạy cho các cháu. Chuyện tức cười là ‘bụt nhà không thiêng’, đứa con đầu lòng của bà chị tôi đến tuổi mẫu giáo không chịu cho ông ngoại kèm homework. Có thể do nó nghi ngờ khả năng của ông, phần khác bố mẹ nó lại có học vị cao trong ngành chữa bệnh. Lạ lúc cả nhà đi vắng, ông lục tủ lấy tấm thẻ Teacher ID của ông đem show cho nó. Thằng bé thấy hình ông, tên ông, có chữ Guest Teacher, lại giống cái thẻ cô nó đeo toòng teng trước ngực. Nó bằng lòng cho ông

dạy. Từ đó về sau, dù ông đi vắng về trễ nó vẫn không chịu cho bố mẹ nó giúp mà cứ đòi chờ ông về. Các đứa sau, kể cả con tôi, thấy ông dạy hay, không cần show thể ông vẫn chinh phục được chúng. Nghĩ lại ở tuổi bố mẹ tôi, rất vui khi có cháu, càng mừng khi thấy chúng hội nhập không quá khó khăn vào dòng chảy cuộc sống Mỹ. Điều đáng quan tâm, như bố tôi thường trần trụi, là không lo các cháu không hội nhập nhanh, mà là các cháu lại... quên nhanh tiếng Việt. Tình trạng này xảy ra trong nhiều gia đình, nhất là bố mẹ phải lo kiếm sống, ít thì giờ chăm sóc trực tiếp các con nhỏ. Lại nữa, hình như không nói ra, có một cái gì đó nghịch lý trong phương pháp dạy dỗ con cái, nên các bậc phụ huynh chúng tôi dù sự kỳ vọng có cao, nhưng vẫn phải chọn lối khuyến dụ (encouragement) thay vì ép buộc (enforcement) cho phù hợp với xu hướng giáo dục Mỹ.

Cũng nhờ rút kinh nghiệm từ gia đình Cậu mợ tôi, di tản qua Mỹ từ 75, nuôi dạy các em tôi từ lúc chúng mới chỉ 2,3 tuổi khi tới Mỹ, nhưng lớn lên dù tốt nghiệp UCLA, USC tiếng Mỹ lưu loát như Mỹ con, ấy vậy mà vẫn nói sõi và viết rành tiếng Việt. Bố mẹ tôi cũng thử áp dụng kinh nghiệm này. Ông thì bỏ công mỗi tuần ít giờ luyện tiếng Việt, bà thì giao hẹn ‘tụi mày về nhà nói tiếng Việt tao mới làm đồ Việt cho ăn’. Phương pháp này xem ra vẫn còn hiệu nghiệm. Nhờ đi dạy nên các sách giáo khoa ông

chọn cùng các chuyện tranh song ngữ đăng trên các báo hải ngoại rất phù hợp và gây thích thú cho tuổi thơ.

Về phần chúng tôi, là các phụ huynh trực tiếp, cũng phụ đạo bằng cách lâu lâu cho chúng ‘đi thực tế’ về quê cũ để tận mắt chúng thấy con trâu đen, cánh đồng lúa, cây trái nhiệt đới, hoặc các cảnh lạ nơi phố cổ Hội an, cảnh sông nước vùng đồng bằng sông Cửu... chưa kể cho chúng làm quen với bà con xóm cũ, giao lưu với tín hữu hội thánh xưa hay cô bác người thân dưới quê... hầu thấm nhập vào ký ức tuổi thơ nét đẹp đa dạng và tình người chân chất của miền đất cội nguồn nơi ông bà cha mẹ nó đã sinh ra và lớn lên.

Kết thúc câu chuyện duyên nợ của bố tôi với nước Mỹ, ông vẫn xúc động tâm sự với chúng tôi là ông không thể ngờ trái đất xoay vần, số phận đẩy đưa, ông lại có ngày trở lại xứ Mỹ, được đứng lớp kèm dạy các học trò đủ mọi màu da, trong đó có cả chính con em gốc Việt của mình, để cùng đồng nghiệp vun bồi, chia sẻ những kinh nghiệm phát triển cộng đồng trong quá trình hội nhập, góp phần xây dựng các thể hệ mới tiếp nối trên miền đất luôn mở rộng vòng tay, tạo cơ hội cho mọi người, bất kể xuất xứ, miễn có gan thì giàu có chí thì nên. ■

*Trích từ **Việt Báo**, chuyên đề VVNM, tháng 6/2006*

## Trò chuyện cùng tác giả

Nhà văn Hồ Đình Nghiêm (Canada) thực hiện

**Đôi lời thưa thốt:** Những ngày nằm bệnh, tôi có cơ duyên được nhà văn Đỗ Xuân Tê từ chốn xa gửi tặng sách. Tôi đã điện thư cảm ơn tấm thanh tình của anh, tôi xem cuốn “Truyện của tôi MỘT THỜI U ÁM” là một trong những toa dược liệu giúp tôi chóng vượt qua được cơn đau. Anh Đỗ Xuân Tê vẫn thường gửi những bài viết đầy tính nhân văn đến diễn đàn Sáng Tạo, là một thành viên trong nhóm, tôi đơm ước muốn có khi sẽ thực hiện một cuộc trao đổi cùng anh liên quan tới chuyện viết văn làm thơ và may cho tôi, anh Đỗ Xuân Tê đã vui lòng cho ý tưởng của tôi được tựu thành. Tuy chưa bình phục, tôi tin là mình “đủ sức” để lái câu chuyện thoát khỏi những thứ “nhạy cảm”, hỏi những điều mà nhà văn Đỗ Xuân Tê sẽ rộng lòng tâm sự, đáp trả. Cảm ơn nhà văn Đỗ Xuân Tê.

**Hồ Đình Nghiêm (HĐN):** Thưa anh Đỗ Xuân Tê, cầm (hay bông?) “đứa con tinh thần” của anh trên tay, ấn tượng ban đầu của tôi là nhìn ngay ra một sự khác biệt, một thứ “cổ lai hy”: “...Sách in không bán, chỉ để tặng...(tác giả chịu cước phí bưu điện)...”. Thưa anh, xin anh giải thích cho cụm chữ tôi dùng: “Hào hoa phong nhã, không đẹp không ăn tiền”. Nghĩa cử ấy “xưa nay hiếm”?

**Đỗ Xuân Tê (ĐXT):** Thật sự cũng có nhiều tác giả đã làm như tôi, nhất là những cây viết không chuyên. Sau khi in ấn, ra mắt sách, trừ chi phí thu về chẳng được là bao, nhất là gặp cảnh khi người đọc ít chiếu cố, vì là tác giả /tác phẩm mới, cho nên chủ yếu bạn bè gửi mua vì nể vì tình. Cứ sợ như vậy mà tôi đã dự trừ ngân khoản để in ấn tác phẩm của mình như món quà lưu dấu về một thời quê hương u ám để tặng nhau cho tiện, chứ không dám ‘hào hoa phong nhã’ như anh tưởng đâu.

**HĐN:** Khác lạ thứ hai, người đọc ngàn trùng như tôi, chẳng được nhìn thấy dung mạo anh in kèm một vài hàng tiểu sử cô đọng sau bìa sách. Đại khái như trước 75 đi lính, sau 75 đi tù, đi biển, đi H.O, đi Mỹ, đi làm, đi phụ giảng, đi nghỉ hưu... Anh hẳn có dẫn đi? Anh chẳng thích những thứ phụ tùng ấy?

**ĐXT:** Tôi có duyên với điểm sách điểm báo ngay từ thời làm công tác này cho quân đội. Không phải chỉ đọc mà tôi chú ý cả phần hình thức nhất là bìa sách. Cho nên khi lay out Truyện của tôi, tôi nhờ chuyên viên bỏ phần ‘phụ tùng’, thay vào đó bằng vài trích đoạn gợi ý nội dung của sách. Kiểu sắp xếp này cũng phù hợp với xu hướng in ấn ở Mỹ, khi hình chỉ để ở phía trong góc cuối mặt sau, dành bìa sau cho trích dẫn văn thơ của tác giả, hoặc lời bình của các nhà phê bình và xuất bản. Tôi đang đọc cuốn tiểu thuyết mới nhất của một tác giả gốc Việt – Viet Thanh Nguyễn, viết về một truyện có dính líu đến 30/4. Phần giới thiệu cũng chỉ vắn vắn, sanh tại Vietnam, lớn lên ở Mỹ, kèm một tấm hình nhỏ với phụ chú dạy Anh văn và Văn chương Mỹ tại Đại học USC, hiện sống ở vùng Los Angeles.

**HĐN:** Nhưng anh phải lường trước cái tính hiếu kỳ của người đọc. Chà, ông này viết hay quá, chẳng biết mặt mũi ông để nhìn mặt mà bắt hình dong. Tôi đại diện cho thứ độc giả lắm chuyện đó, hôm nay tôi xin hỏi, anh có thể “lộ diện” một chút xíu không? Vấn đề ný nịch ấy mà!

**ĐXT:** Tôi cũng thích nhìn dung nhan tác giả, nhất là phái nữ, thời buổi này cứ gõ Google/Bing là có ngay. Vấn đề vóc dáng hỏi trẻ, tôi đã làm người mẫu mặc thử bộ đồ đại lễ cho Sinh viên sĩ quan của trường ĐH/CTCT để ông tướng đầu ngành duyệt và

chuẩn y. Quá trình bản thân, anh hỏi tôi mới nói vì tôi có một lý lịch không hề...u ám. Suốt đời nhà binh nhưng chuyên đề cầm bút thay vì cầm súng do làm công tác văn hóa văn nghệ cho quân đội. Nhìn lại, quân đội đãi ngộ tôi nhiều hơn là tôi phục vụ cho quân ngũ. Chức vụ cuối cùng là Tiểu đoàn trưởng một đơn vị CTCT tại thủ đô, chuyên yểm trợ công tác tâm lý chiến, văn nghệ, dân vận cho Biệt khu thủ đô và các lực lượng tổng trừ bị (Dù, TQLC). Công tác văn nghệ hải ngoại đáng nhớ khi tôi cùng nghệ sĩ Trần Văn Trạch dẫn đoàn nghệ sĩ thủ đô trên 100 ca sĩ, diễn viên sang trình diễn tại Hội chợ quốc tế Vientiane tháng 10/74. Các chức vụ và công tác cuối trào này kèm quá trình tu nghiệp báo chí ngắn hạn tại Mỹ để về làm Phát ngôn viên chiến sự cho quân đội đem lại hệ lụy cho tôi phải trả giá 12 mùa thu trên đất Bắc.

Sang tới Mỹ diện H.O từ 1991, tôi trở lại nghề dạy học trong vai một Sub Teacher cho các sở học vụ Nam California. Hiện đã nghỉ hưu dành thì giờ đọc & viết lách. Mong ước được viết cũng là niềm vui khi trở thành cây viết tham gia khá đều đặn trong sinh hoạt văn nghệ hải ngoại từ 10 năm nay. Nhà văn T. Vấn, một bạn cùng ngành, cùng trại rất hiểu tôi khi ông tóm gọn bằng đoạn viết,

“Thế nên, việc anh Đỗ Xuân Tê trở thành một cây viết xuất hiện tương đối khá đều đặn trên các trang báo (giấy, điện tử) hải ngoại, không hề làm ngạc nhiên những người đã từng quen biết anh. Xuất thân là một sĩ quan ngành CTCT của QL/VNCH, anh đã đảm trách nhiều chức vụ quan trọng liên quan đến các hoạt động văn hóa văn nghệ của ngành CTCT ở trung ương, ít nhiều máu văn nghệ cũng đã tiềm ẩn trong người anh, nếu không bẩm sinh thì cũng do “lây lan” khi hàng ngày làm việc, giao tiếp, với những người thuộc giới văn hóa văn nghệ chuyên nghiệp.”

**HDN:** Cuối mỗi truyện không thấy anh ghi năm tháng. Không hiểu là anh đánh đổi bao nhiêu thời gian để viết xong 21 câu chuyện này? Anh viết ra có dễ, liên tục hay vẫn thường bị gián đoạn?

**DXT:** Thật sự mỗi truyện viết xong đều có năm tháng kèm theo, nhưng lay out họ bỏ. Truyện đầu tay (*Viên trại trưởng & người tù cải tạo*) viết nhân 30 năm tháng tư đen, truyện mới nhất (*Bà Kim*) nhân 40 năm nhìn lại. Tôi viết khá nhanh do học hỏi được cách viết của các tác giả khi điếm sách. Còn cốt truyện đa phần do được nghe kể, tâm sự qua bạn tù, người thân, và trải nghiệm cá nhân. Tôi có một bà

vợ chuyên viên kể lại chuyện (hàng xóm và xã hội) sau 75 khi tôi vắng nhà. Chính vậy mà truyện tôi có sức thuyết phục, như nhà thơ/họa sĩ Đinh Cường hồi sinh thời đã ưu ái nhận xét “*Đỗ Xuân Tê viết hay vì anh viết thật*” trong một đoạn ghi gửi cho tôi đăng trên Sáng Tạo.

**HDN:** Theo cách nhìn riêng của tôi, khiếm khuyết của văn học hải ngoại nằm ở chỗ: Rất ít người viết về lính, về ngày tan hàng lắm bi thương. Rất ít người thuật lại con hồng thủy, những tù cải tạo, những địa ngục có thật... Những nguyên cớ khiến con người phải mang phận lưu vong. Anh là chứng nhân, người trong cuộc, anh nghĩ sao về nhận xét của tôi? Và anh có thêm một bổ túc nào khác?

**ĐXT:** Liên quan đến câu hỏi này, tôi biết anh là nhà văn, nên có trăn trở và nhận định khá chính xác khi có sự ‘thiếu sót’ trong vai trò của văn học về đề tài nhạy cảm này. Tôi xin bổ sung thêm cái chính chưa hẳn ‘rất ít người viết về lính’ bằng chứng là có cả hàng ngàn người viết chuyên đề này khi ra được hải ngoại qua các sách, truyện đăng tải trên nhiều phương tiện truyền thông tại Mỹ và toàn cầu, nhưng có một thực tế là ‘rất ít những người viết hay chịu viết về lính’ tôi muốn nói là các nhà văn nhà thơ có bề dày uy tín và tác phẩm. Văn học vì thế thiếu hẳn một dòng chảy về mảng biến thiên của thời cuộc sau 30/4, hệ lụy cho cả triệu con người bị đọa đày trong

lao tù hoặc thân phận lưu vong trên đất khách. Chúng tôi chỉ là những kẻ nghiệp dư, tự phát vì hoàn cảnh đưa đẩy phải viết để giải tỏa (cho hả) tâm lòng, viết lại để cùng chia sẻ, để vạch mặt những kẻ ác, điều ác đã làm điều đúng cho nhiều số phận sau tháng tư đen. Cũng cần phải ghi nhận văn học hải ngoại cũng có nhiều tác phẩm giá trị như “Đáy Địa Ngục” của Tạ Ty, “Đại Học Máu” của Hà Thúc Sinh, “Những mảnh vụn của tiểu thuyết” của Thảo Trường, Tuyển tập “Chuyện tù cải tạo” qua cuộc thi viết của báo Viễn Đông, cùng hàng ngàn bài viết qua chuyên đề “Viết về nước Mỹ” có dính dấp đến chuyện tù và chuyện lính qua sáng kiến của Việt Báo. Chưa kể mảng “Tù ca” gồm cả trăm ca khúc được viết bởi các tác giả trong tù, ngoài tù mà lời nhạc (lyrics) vô cùng thấm thía, đậm đà dấu ấn của một thời xã hội nhiều nhưng.

**HDN:** Viết văn, công việc đó nhằm mang lại được điều gì, theo anh? Tôi thật xúc động khi đọc xong “*Chân dung một người Mỹ tôi quen*”. Tròn đầy quá, đẹp đẽ quá, nhân văn quá. Nói thế vô tình trả lời hộ anh về mục đích nhắm tới của sự viết rồi. Chắc là vẫn còn thêm đôi ba chuyện khác?

**DXT:** Anh hạp tôi khi tôi cũng thích chuyện này (đã đăng trên VB và từ 2007 có trên 220.000 lượt người xem). Tôi tán đồng cụm chữ anh dùng để trả lời hộ cho tôi. Nước Mỹ còn nhiều khuôn mặt như vậy, có

dịp tôi sẽ khai triển thêm đề khơi dậy nét nhân bản, nhân văn của con người và đất nước tạm dung. Cũng thật khó khi đưa ra một nhận xét mang tính khách quan, nhưng quả thật viết văn không phải dễ, chính vậy mà tôi yêu những nhà văn/nhà thơ và luôn trân trọng khi được đọc tác phẩm của họ. Theo tôi, viết văn là một sứ mệnh, một ơn kêu gọi nhằm quảng bá, cổ võ cho những tư tưởng nhân bản, giá trị nhân văn, nối kết con người đến gần nhau trong tình tương thân tương ái, trong niềm cảm thương tương kính lẫn nhau. Cũng trong tinh thần này, Truyện của tôi đã phần nào khơi dậy chút tình người tản mạn trong tâm hồn vốn dĩ trong sáng của người Việt chúng ta dù đã và đang trải qua cơn hỗn mang của lịch sử. Chuyện văn chương thuộc phạm trù lớn và phức tạp, tôi không dám đi xa hơn vì chưa phải là nhà văn có bề dày năm tháng.

**HDN:** Anh có quan tâm tới số phận của mỗi một cuốn sách khi được chào đời trong hoàn cảnh “kỳ cục” hiện nay. Kỳ cục ở chỗ người đọc dường như thờ ơ ghẻ lạnh với văn chương, thôi mặn nồng như xưa. Nếu anh gieo cho tôi chút lạc quan, tôi sẽ giần liều để tự in thêm một tập truyện. Một thứ vẽ đường cho hươu chạy!

**ĐXT:** Chưa hẳn như vậy, thưa anh Hồ Đình Nghiêm. Tôi ở giữa lòng quận Cam, hồi đầu thập niên của năm 2000, tôi đi dự ra mắt sách gần như

mỗi tháng vài lần. Sách được sáng tác, in ấn khá công phu, nghiêm túc. Nhiều cuốn được tái bản sau 6 tháng, nhiều truyện được đón nhận khá nồng ấm. Tuy nhiên sách bán được tùy đề tài, tùy tác giả, không hẳn theo thị hiếu mà lại dựa nhiều vào quan điểm chính trị, chuyện thể sự, thời sự hoặc của thời đã qua. Các tác giả viết về cụ Diệm, Biến động miền Trung, tạp ghi H.O kiếm được cả trăm ngàn vì họ có một số độc giả nhất định. Trong khi nhiều tuyển tập văn chương rất giá trị, số lượng phát hành vẫn ở mức khiêm tốn, có thể đổ lỗi do tác phẩm đã phát tán nhiều kỳ trên mạng nên độc giả thấy không cần mua sách. Chuyện thờ ơ, ghẻ lạnh với văn chương có thể hiểu ở mức sách bán, chứ sức đọc và trân trọng sách ‘mạng’ của độc giả, tôi phải nói là rất lạc quan. Cụ thể tác giả nghiệp dư như tôi mà những truyện đăng trên VBOL có cả trăm ngàn lượt người đọc như nhà thơ Du Tử Lê đã ghi nhận “trong vòng 10 năm qua, số người đọc Đỗ Xuân Tê đã gia tăng nhanh chóng...”. Có một nghịch lý là độc giả thích đọc họ lại thích ‘mua’ nhiều hơn được tặng. Qua email, gần 90% độc giả muốn nhận Truyện của tôi, họ đều yêu cầu cho đóng góp chi phí in ấn hoặc cước phí, đối với họ quan trọng là có ...chữ ký tác giả. Có thể họ không muốn mắc nợ tác giả hoặc biết tác giả diện H.O. nên chẳng có tiền nhiều. Bạn bè thì không nói vì nhắc tiền bạc sẽ phật lòng nhau. Chân tình giao lưu của độc giả cũng đáng quý, một nữ trí thức ở Vương quốc Bỉ sau khi đọc bài giới thiệu của

Chủ bút Việt Báo, có những trích đoạn sách của tôi, bà đã yêu cầu tôi gửi sách, muốn trả cước phí và xin cho phép dịch sang tiếng Pháp để phổ biến cho người Belges nơi xứ tạm dung. Nhắc lại mấy chuyện này, để anh Nghiêm thấy cứ mạnh dạn mà in, ở Canada cũng như ở Mỹ, ngay các nhà văn/ nhà thơ chuyên nghiệp cũng hiếm ai sống nổi nhờ văn. Sách đến tay độc giả cũng chỉ là cái tình, cái nghiệp.

**HDN:** Anh có viết: "...nhưng oái oăm thay nhiều chuyện muốn quên mà lòng vẫn nhớ..." Hơn 30 năm trôi qua, trí nhớ của anh chừng như vẫn còn bén nhạy? Đầu óc minh mẫn, vậy thân thể, anh còn tráng kiện không? Anh có thể vẽ ra sinh hoạt một ngày của nhà văn ĐXT?

**ĐXT:** Đúng như Phan khôi đã viết 'Nỗi buồn như tóc bạc/cứ cắt lại dài ra' quả nhiên anh em cựu tù chúng tôi mang hội chứng 'Hận Đồ Bàn' như nỗi buồn mất nước của dân Chiêm, nhưng họ may mắn hơn là không bị trả thù như 'bên thắng cuộc' đối xử với những người ngã ngựa. Cám ơn anh đã quan tâm đến sức khỏe và sinh hoạt của tôi sau những năm tháng khắc nghiệt tại núi rừng miền Bắc. Anh đang nằm dưỡng thương sau một ca mổ xương hông, mà cũng vẫn thăm hỏi bạn văn trong cuộc sống đời thường, nhân văn ở chỗ này. Tất nhiên hệ lụy cho anh em chúng tôi giống như những kẻ mang chứng đòn ngàm. Sống sót đấy, nhưng cũng cu rư mang

nhiều tật bệnh. Và từ 70 trở đi xuống cấp thấy rõ. Tôi may mắn là còn được đọc & viết hàng ngày, là thú hobby của tôi từ nhiều năm nay. Về sinh hoạt tôi vẫn có một lịch trình khá đều đặn, giống như các cao niên ở tuổi về già, tập thể dục, đưa đón cháu, đọc, viết, đôi khi nấu lấy món ăn khoái khẩu. Tôi thuộc ‘trường phái Nguyễn Đình Toàn’ ăn được cứ ăn chẳng phải kiêng cử nhiều, từ thất thập trở đi là thả nổi, sống thêm là bonus trời cho. (Nhà văn họ Nguyễn đi bác sĩ được khuyên bỏ thuốc lá, anh đã mạnh dạn thưa bác sĩ chuyện chữa bệnh là của bác sĩ, chuyện hút thuốc là chuyện của tôi, dù bị lao phổi hồi trẻ nay anh vẫn sống lạc quan ở tuổi 80, tất nhiên trường hợp nghệ sĩ tài hoa này là cá biệt). Nói thì nói vậy, cái quan trọng là có ĐI và ĐÚNG được không. Rất tiếc anh em chúng tôi nhiều người lại không còn chức năng này! Mà bản thân tôi cũng có tật tê tay rất khó cho việc đánh máy.

**HĐN:** Ở xứ này, mỗi năm chân đi của bốn mùa hiện ra rõ rệt: Xuân Hạ Thu Đông. Anh có tin tới chuyện luân hồi không? Hỏi thế đằm quan trọng mất. Người ta thường bảo: Sau cơn mưa trời lại sáng. Anh có tin, sau “một thời u ám” sẽ tới chu kỳ một thời tươi hồng? Nhà văn Đỗ Xuân Tê có kỳ vọng điều gì về tương lai? Liệu quê cũ có chút đổi thay, thoát xác?

**ĐXT:** Tôi không tin chuyện luân hồi vì cứ nghĩ vậy làm mình thêm mệt. Chúng tôi cũng đã kinh qua

những môi trường giống như địa ngục nên xét ra kiếp này là đủ, cuộc đời là hư không, chết là hết chuyện như các cụ ta thường nói. Ô hay, anh em mình đi quá đà rồi chẵng? Trở lại thực tế cuộc sống, tôi vẫn lạc quan qua cơn mưa trời lại sáng, suy nghiệm như diện con lai và H.O chúng tôi quá thật Trời có thương và ngó lại. Nhưng nhìn về đại cuộc, ta có kỳ vọng gì về tương lai thì chuyện này không phải muốn là được. U ám triền miên, những tưởng sau chiến tranh, non sông qui về một mối, cùng một Mẹ Âu cơ con Rồng cháu Lạc, từ nay hàn gắn đùm bọc lấy nhau, ai ngờ tươi hồng chưa tới bức bối theo sau, rũ bỏ chu kỳ, nằm lỳ cai trị, những người Cộng sản chỉ lo cho đảng cho mình, còn đảng còn mình, dân tình mặc xác, sống chết mặc bay. Một chế độ như vậy chắc chắn còn xa mới làm cho dân giàu nước mạnh, mà quanh quẩn cứ xóa đói giảm nghèo, cứ bám lấy cái chủ nghĩa hết thời người người nguyên rủa. Nên chi, nhìn về tương lai, dù những người xa quê hương vẫn nặng lòng với đất nước, những mong có chút thoát xác đổi thay, phá bỏ vòng kim cô của một thời u ám, nhưng (lại nhưng) kỳ vọng vẫn chỉ là kỳ vọng. Quê hương mình cần có phép lạ. Phép lạ bắt đầu từ người trong cuộc chính là giới trẻ và những người cầm bút chân chính. Từ xa Tổ Quốc, chúng ta, tôi và anh, chỉ biết chờ và chờ trông trong ý hướng lạc quan.

**HDN:** Một chút duyên sơ ngộ, tôi nghĩ chừng ấy thắc mắc đã làm phiền tới anh. Tôi rất yêu những người làm thơ viết văn ở một điếm, họ chẳng nề hà bận tâm tới vấn đề tuổi tác cách biệt và khi sinh hoạt chung họ xem nhau như anh em. Cám ơn anh Đỗ Xuân Tê. Anh có gửi gắm đôi lời cho những người theo dõi cuộc hàn huyên của anh em chúng ta không? Chờ được đọc thêm một câu chuyện hay của anh đi trên Thư viện Sáng Tạo. Chúc anh luôn sức khoẻ.

**DXT:** Trò chuyện đã dài, xin Cám ơn Nhà văn Hồ Đình Nghiêm đã cho tôi có cơ duyên giao lưu với độc giả và hi vọng cuộc trò chuyện mang lại mối quan hệ tác giả/độc giả ngày càng gắn bó thêm. Xin chúc Thư Viện Sáng Tạo tiếp tục khởi sắc sau 5 năm vững trụ trên văn đàn hải ngoại. Và riêng anh, trước mắt sớm đi lại được, sức khỏe phục hồi, thân tâm an lạc, sáng tác cho đời.■

*Trích từ **Thư viện Sáng Tạo**, đầu Xuân 2016*



## Một Cỗ Xe Trâu



*Lệnh Tha khỏi trại – Tranh: Trần thanh Châu*

Trại tù Vĩnh Quang cách đỉnh Tam Đảo chừng ba mươi cây số đường chim bay, nhưng lại nằm ẩn trong phía trũng của một thung lũng hẹp, mà cứ mỗi mùa bão lụt nước sông Lô tràn về làm ngập lụt nguyên vùng. Muốn vô trại khách qua đường phải đi qua một chuyến phà và băng qua một con đường độc đạo. Cái tên Phà Trang trở thành địa điểm thân quen cho cả người nam lẫn kẻ bắc. Nó là đầu mối chuyên chở hàng quà tiếp tế cho các sĩ quan viên chức chế độ cũ từ Sài gòn bị đưa ra cải tạo tại đây. Nó cũng là nơi vợ con họ dùng làm nơi ngủ trọ dùng chân sau khi vất vả trên các chuyến xe lửa, xe đò, xe trâu, xe thò, xe ngựa đưa họ vượt cả ngàn cây số ra thăm nuôi chồng con tại chốn heo hút này.

Hôm nay một sớm đầu thu, vùng đất nơi đây như chuyển mình theo tiết trời se lạnh, bầu trời trong xanh của những áng mây thưa, tương phản với màu úa của những giọt nắng sớm, càng làm rõ thêm màu tím nhạt của những bụi sim rừng. Cảnh vật như tiêu biểu rõ nét cho bức tranh toàn cảnh của một vùng quê trung du với nương chè đồi cọ làm người ta liên tưởng đến các áng văn thơ tiền chiến của Thanh Tịnh, Hữu Loan từng gây băng khuâng xao xuyến

cho nhiều thế hệ người đọc. Nhưng dân tình ở đây vừa quá quen thuộc lại khó nhọc vì miếng cơm manh áo nên chẳng nhìn như cách của thi văn. Nói chỉ những người tù khổ sai bị đem ra chôn này đầu óc đâu mà cảm nhận được những đổi thay xoay vòng của trời đất.

Quanh đây mấy cô sơn nữ dân tộc người Dao đang rào bước trên con đường đất đỏ, họ mặc váy đeo kiềng với những hoa văn rất lạ của người thiểu số, đáng chú ý là phần ngực được che bằng một dải yếm trắng không khác gì kiểu yếm của các cô gái Quan Họ vùng xuôi, nhưng dù ăn mặc trang sức thế nào đôi bàn chân họ vẫn để trần vì vốn dĩ họ là những người đàn bà quen đi chân đất. Đang chuyện trò líu lo pha âm sắc của thứ ngôn ngữ miền cao, bỗng nhiên mấy chị em ta im bật, lặng lẽ tẻ bước nhường đường cho một cỗ xe trâu.

Vẫn con trâu già với chú tù hình sự đánh xe thường ngày của trại, nhưng hôm nay hình như có vài nét gây quan tâm cho khách qua đường. Con trâu đôi mắt tỏ lộ buồn, mắt như nhìn vào chôn xa xăm, không cần định hướng vì nó quá quen thuộc với con đường đất. Chú hình sự chẳng chú ý nhiều đến món hàng trên xe, nhưng mắt luôn để ý đến bát cơm kẹp

quả trứng và nén hương thấp dờ. Con trâu không phải dùng sức nhiều vì món hàng nhẹ hơn mọi khi, nhẹ đến độ nó tưởng như đang tải chiếc xe không. Có khác mọi ngày là cỗ xe có dăm người đi theo, tay cầm dụng cụ lao động cuốc xẻng. Họ ăn mặc khác chú hình sự, loại đồ rằn ri của các ông lính miền Nam, đã cũ rách và có nhiều miếng vá.

Toán người rằn ri trông mặt ai cũng buồn, có người tưởng họ buồn vì đói, kiệt sức sau một tuần lễ lao động. Con trâu già không nghĩ như vậy, họ buồn vì cái gì đó. Khác với chú hình sự, những người này họ quan tâm nhiều đến món hàng. Bình thường là loại hàng hậu cần cho nhà bếp nhưng kiện hàng sáng nay là loại thùng hình hộp với bốn tấm dài hai tấm ngắn, đóng bằng loại gỗ mới được xẻ vôi từ một loại cây dễ đốn, được đóng đinh sơ sài chủ yếu chỉ nhằm đủ an toàn giữ cho món hàng bên trong ở nguyên vị trí.

Hình như trong số mấy người tù có một người cứ sụt sùi than tiếc, ông này già nhất trong đám, số còn lại tuổi đời trên dưới ba mươi. Cách xa mấy bước có ông mặc quần áo vàng theo sau, không phải màu vàng của các tu sĩ Phật giáo thường đi sau đám ma, mà là người cán bộ cai tù. Anh ta đi để giám quản

toán tù và làm công việc chỉ đạo của một người đại diện cho trại.

Trước đó ít phút, cỗ xe trâu không xuất phát từ nhà bếp gần cổng trại như thường lệ. Con trâu phải đi sâu thêm một đoạn tới gần khu bệnh xá để nhận hàng. Hàng lên xe, cỗ xe từ từ tiến ra cổng trại. Con trâu thấy lạ là toàn cảnh khu trại hôm nay trùng ngày chủ nhật có vẻ khác những ngày thường. Trong suốt lộ trình khoảng hai trăm mét, nhiều toán người tụ tập gần mỗi ô cửa, họ cố nhìn qua song sắt để như đưa tiễn một người nào đó trên cỗ xe trâu. Ai là người thì có thể dễ dàng nhận ra, nhưng con trâu với tư duy của nó thì chỉ thấy bỗng nhiên nó trở thành tâm điểm của một sự việc khá quan trọng khi chính nó đang dẫn đầu cỗ xe cùng toán người đi theo.

Hình như có nhiều người ngó theo con trâu già, một thoáng hãnh diện làm nó nhớ lại hồi trẻ, rồi chuyển bước đi với dáng đường bệ của một con trâu thời sung sức. Nhưng sao mấy người đứng dọc hai bên dãy lán họ buồn quá, có người khóc, có người lại đứng nghiêm, tay chào kính cẩn trong tư thế của người lính, kính cẩn thật tình chứ không như kiểu tù nhân chào cai tù. Con trâu có thể kéo cỗ xe đi nhanh hơn, nhưng nó cố tình giữ nhịp độ chậm lại vì từ đây

nó nghiệm ra rằng món hàng trên xe là một thứ như dễ vỡ và được người ta tỏ lòng trân trọng.

Cỗ xe qua cổng trại, con trâu lầy lội nhíp kéo bình thường. Cứ theo sự hướng dẫn của chú hình sự thì chuyến xe này không theo lộ trình quen thuộc, mà lại vào tận sâu trong thung, băng ngang một ngọn đồi thoải, mùa này đang có hoa sim nở, nhưng màu tím của đồi càng làm cho ngày buồn thêm. Có đoạn nó phải ráng sức vì cỗ xe qua nhiều chỗ gập ghềnh, nhiều hố trâu bò lở sụt do lũ lụt, phần vì nó không muốn món hàng phải di động nhiều, nhất là đủ thăng bằng để cho bát cơm quả trứng khỏi lăn đùng trên xe. Cỗ xe ngừng lại tại một chân đồi, đất đá khô cằn chỉ hấp cho mấy bụi sim dại, do cảnh vật hoang vắng không khí cô tịch nên những người tù quen gọi nơi này là đồi Cô Liêu. Ai lên đồi Cô coi như ở lại với núi rừng và sự vĩnh viễn vắng mặt được coi là ‘lên đồi’, một từ vựng để chỉ lối thoát ly thế gian không hề tự nguyện của những người bị lưu đầy sau một thời trai trẻ chiến đấu bên tuyến phía Nam.

Nhiệm vụ của con trâu đến đây là xong. Chú hình sự tháo ách khỏi cày xe và cho nó nghỉ dưới một bóng cây. Giờ này toán người mới khởi sự làm việc. Họ khiêng chiếc hòm gỗ lên chỗ cao hơn, đào xới một

hồi, đặt chiếc hòm xuống, lấp đất. Trước khi lấp đất theo thủ tục của trại, một ‘lệnh tha’ được viên cán bộ chủ quản đọc lớn để bảo đảm danh tánh người tù xấu số được bạch hóa (nhóm tù dân gian ‘quỉ tha ma bắt’ không ngờ lại hạp cho giây phút này).

Công việc hạ huyết hoàn tất nhanh gọn. Vài cây hương dờ được cắm xuống. Toán đào huyết được coi như nhân chứng làm vài dấu riêng trên nấm mộ để có dịp nhấn lại thân nhân người quá cố, tất nhiên nếu họ còn sống sót. Ông già nhất trong đám không kèm nổi xúc động khóc to thành tiếng, các người kia biểu lộ cảm xúc kín đáo hơn. Bát cơm và quả trứng trở thành phần bồi dưỡng cho chú hình sự, nếu cứ để đây có người đi qua họ cũng lấy. Ăn vội quả trứng, chú quay lại tra còng xe vào thân trâu, thoáng ngạc nhiên sao con trâu hôm nay biết khóc. Không phải mình chú, toán đào huyết cũng nhận ra điều này, mấy con trâu già do bản năng trời cho rất nhạy cảm, chính vậy mà dân quê miền Bắc họ quý hai loài vật vừa trung thành lại có tình người là ... chó và trâu.

Băng đi một dạo, sinh hoạt trại tù đột nhiên có nhiều biến đổi, có cái xảy ra như dự trù có việc xảy đến ngoài dự kiến. Con trâu già do làm việc quá sức bỗng bỏ ăn được xẻ thịt làm bữa ăn tươi cho toàn

trại nhân ngày 2-9. Chú hình sự bạn đồng hành của nó đã được trại tha. Toán đào huyết cùng toàn bộ số tù từ miền nam ra nay được nhà nước cho chuyển ngược về quê quán. Họ cũng chẳng hiểu vì đâu bảy tám năm về trước cả trăm ngàn người số phận như họ được đảng chuyển vôi ra Bắc, nay cũng số người này trừ một số đã chết và được tha (mà chết nhiều hơn tha) lại được các chuyến tàu xuyên Việt chuyên chở về Nam.

Viên cán bộ chỉ đạo hôm đào huyết lên thêm một sao được cử làm trực trại. Trại tù thu hẹp quay về chức năng nguyên thủy của nó vốn là chốn giam cầm các tù hình sự trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc Yên. Phà Trang thưa vắng. Nước sông Lô chảy xiết hơn do lượng lũ thượng nguồn đổ về. Mấy ông già chờ thuê nay đã đổi nghề. Mấy con trâu trả về cho hợp tác xã. Dân xã Đạo Trù có vẻ buồn vì từ nay họ mất nguồn đổi chác quần áo thuốc men, lại lo lắng đám tù hình sự sẽ gây phiền nhiễu cho ruộng rẫy của họ. Đám cai tù từ rày phải trực diện với bọn đầu gối, đâm thuê chém mướn từ xã hội đổ vào.

Nhiều người trong số cán bộ dù chức năng được dạy phải cảnh giác với kẻ thù giai cấp nay cũng nhận ra rằng những người tù miền nam chẳng phải là loại ‘ác ôn’ và vợ con họ ra thăm đều là những người tử tế, có giáo dục. Ban giám thị trại cũng chẳng cải tạo được gì về mặt ý thức hệ, nhưng phần nào thành công trong việc bắt họ tuân thủ qui trình lao động cưỡng bách khiến nhiều người lớn tuổi trong số họ không kham nổi đã phải tuyệt đường về với người thân.

\*\*\*

Hồi tưởng lại gần ba mươi năm trước, tôi vẫn nhớ như in cỗ xe trâu chở Anh lên đồi trong một ngày chủ nhật buồn tại trại giam vùng Tam đảo. Tôi với anh là hai người ngồi cùng toa trên chuyên tàu chở tù ra bắc. Lúc trên tàu, hai anh em cứ ngỡ khi rũ bỏ áo lính chấp nhận thương đau trở về đời sống dân thường, hai phe cùng gà một mẹ sẽ quên đi quá khứ, xóa bỏ hận thù cùng nhau vá lại giải cơ đồ đã một thời rách nát vì bom đạn chiến tranh. Nhưng nào ngờ những người thua cuộc lại bị những kẻ thù dai bắt phải trả giá cho một thời kỳ khổ nạn -lại có máu và nước mắt- lại có sự nhân danh cho cái ý thức hệ bị xóa sổ mà lịch sử khách quan và bút mực có

lượng tri còn phải viết nhiều để đánh giá đúng mức những sai lầm của nó.

Ngồi trên xe lửa trên tuyến đường từ Vinh về Yên Bái, vừa bị nóng nực do khí trời oi ả, lại băng qua các dãy núi đá vôi, vừa thiếu không khí để thở do các toa đóng kín, anh Thụ ngồi như bất động chẳng tỏ ý phàn nàn, trong khi chúng tôi đám sĩ quan trẻ thì chửi thề liên tục dù khát khô cả họng. Tất nhiên đối tượng bị rủa là ai thì chỉ Bác biết. Tức nước vỡ bờ, cùi không sợ lở, lại không có cán binh quản chế (nếu có chắc họ cũng chửi thề) nên không khí trong toa cứ như mấy cảnh trong phim buôn bán nô lệ xuyên đại dương của Mỹ được xem hồi chưa đi lính. Có điều bọn nô lệ còn muốn chống cự thoát khỏi xiềng xích còn bọn tôi chỉ đánh võ miệng phát ngôn cho hả nỗi lòng.

Rồi tàu cũng đậu lại ga cuối. Trời tối mịt. Mấy ông cộng sản có cái hay là tính toán thế nào lên tàu cũng đêm xuống tàu cũng tối, khó mà tính chuyện đào thoát, xét cho cùng bóng đêm luôn đồng lõa và là kẻ đồng hành của mấy ông. Không khí vùng Tây Bắc vừa tĩnh lặng vừa dịu mát làm cho đám tù dù chưa biết số phận trôi dạt về đâu, nhưng ít ra cũng chấm dứt cảnh bó gối năm sáu ngày đêm từ Nam ra Bắc.

Được cho uống cho ăn, kèm ít lời động viên ráng học tập tốt lao động tốt như mấy bài học trong nam đã nhồi sọ, đoàn tù được biên chế lại.

Đây là thủ thuật đặc biệt của giới áp tải đoàn tù, xáo đi xáo lại cốt để đám tù không thể kết bè kết đảng chống đối hoặc đào thoát. Nhiều anh lúc ra đi yên chí cùng hội cùng thuyền cùng ngành cùng diện, nay lạc đàn lạc đội gọi nhau ới ới vì trót gọi nhau mấy đồ linh kinh từ lúc xuất quân. Quân ta quen miệng to tiếng chửi thề, khiến bọn cán binh phải la lên, ‘các anh lầy nại chửi tục lỏi lảng thiếu văn hóa!’ Tôi là kẻ Bắc kỳ di cư vốn không quen nói ngọng hay văng tục nên trộm nghĩ chửi thề theo kiểu Nam bộ là một nét ‘văn hóa’, nghe không tục mà lại có thể ngăn ngừa cơn giận đi xa hơn. Nghe nói người công nhân họ Tôn gốc Long xuyên làm tới Chủ tịch nước mà ông vẫn còn tật chửi thề, nhiều người mến ông già ở điếm này.

Hai anh em tôi vốn có duyên có nợ nên không lạc nhau. Cả hai được biên chế về một trại mới được cất vôi có số mà chưa có tên: trại 8. Đây là một quần thể gồm chín trại nằm sâu trong thung lũng của dãy Hoàng liên Sơn, thuộc đất Yên Bái nơi một thời Nguyễn thái Học đã lên máy chém, cũng là nơi Tây

nó giam các nhà cách mạng gộc hồi thập niên 30, trong đó có cả mấy ông xô-viêt Nghệ Tĩnh.

Những ngày ra bắc, lao động nhọc nhằn thể nào khỏi cần phải tả, chỉ biết sau khi chặt tre đốn nửa trên rừng gần ba tháng thì anh Thụ và tôi cùng được điều về đội nhà bếp. Âm thân vì thoát cảnh nắng mưa muỗi vắt trên rừng, lại đôi khi có chút cơm cháy bồi dưỡng nên anh em tôi có phần may mắn hơn các bạn đồng tù. Anh thì không biết sao, có thể trong lứa tuổi 50, chứ tôi thì biết chắc có tay cán bộ cùng quê xếp ngằm tôi vào đội này, chẳng phải để làm ăng ten chỉ điểm, nhưng chỉ vì chút tình đồng hương gốc đất Nam Hà. Lúc này còn do bộ đội quản lý, chưa phải là loại cai tù chính tông, nên tôi nghĩ quan hệ tình người cá biệt cũng còn người nọ kẻ kia nhất là tôi với anh ta có một thời sinh ra và lớn lên vùng đồng chua nước mặn.

Về đội nhà bếp, biết anh Thụ là người có thời tu xuất nên anh em có phần kính trọng (thường gọi thầy Thụ nếu không có cán bộ gần bên) nên họ giao cho anh phụ trách chia cơm. Nói cơm cho oai chứ đúng ra là khoai, sắn, bo bo, bắp ngô đủ loại, cơm chỉ chừng nửa chén độn thêm mà thôi. Chẳng cần đong đếm anh chia rất đều tay kể cả lúc trời mưa củi

uớt anh vẫn phân phát đúng giờ. Có điều tôi để ý anh ăn uống rất điều độ, có bữa ăn dưới tiêu chuẩn dù tiêu chuẩn người khác ăn chẳng đủ no. Anh khuyên tôi phải tập ăn ít cho quen dạ, con đường cải tạo còn dài kéo lúc ra lao động ngoài khó mà chịu nổi. Anh coi vậy mà hiểu cộng sản hơn cánh di cư, anh còn quả quyết đừng tin vào chính sách, cứ nhớ lời ông Thiệu, đừng nghe những gì cộng sản nói mà hãy nhìn kỹ những gì cộng sản làm. Lúc đó bán tín bán nghi tôi vẫn chưa tin dù có trọng nề kiến thức của anh.

Rồi ngày tháng trôi qua, anh em nằm gần nhau nên hay tí tê to nhỏ. Anh vốn ít nói, dáng người trí thức nhưng trông khắc khổ, giọng nói nhỏ nhẹ tuy vẫn còn âm sắc miền Quảng quê anh. Anh vốn sinh ra trong một gia đình khá giả ở Đà Nẵng, gốc đạo dòng, được ăn học chu đáo. Từ nhỏ anh đã có ý hướng đi tu để trở thành linh mục. Vào chủng viện tu lên tới chức bốn, chỉ còn hai năm nữa là thụ phong thì anh được Bề Trên khuyên trở về đời. Lý do sau này anh dò hỏi hình như trong gia tộc phía bên nội có người ly dị. Rồi chủng viện cũng là lúc lứa tuổi động viên, anh đi Thủ đức ra sĩ quan. Anh làm nhiều nơi nhiều

ngành cho đến khi được một ông tướng cũng tu xuất kéo về làm ngành tuyển mộ lính cho quân đội.

Anh vốn kín tiếng, không thích bàn chuyện chính trị, chỉ khi nào tôi khơi chuyện ra thì anh mới mở miệng than thở, *“chú biết không, người Việt mình ít khi nghĩ đến chuyện thống nhất, mà hay coi nhau như những kẻ nội thù. Từ ngày huyền thoại năm mươi trúng theo cha lên núi, năm mươi con theo mẹ ra khơi, rồi tích cổ Sơn tinh, Thủy tinh đất trần núi lở, mẹ Việt nam có lúc nào yên. Đến khi đi vào chính sử thì Lý Trần lại thanh toán nhau, Trịnh Nguyễn xua đuổi nhau, Nam kỳ Bắc kỳ chia rẽ nhau, cuối cùng quốc gia cộng sản tiêu diệt nhau để ba mươi năm nội chiến từng ngày, kết cuộc bây giờ anh em mình con cháu mình lãnh hậu quả âu cũng là do vận nước!”* Ngồi nghe anh cứ như đang lên lớp, muốn chảy nước mắt vì thấy chí lý, nhưng cũng chỉ là những khoảnh khắc hiếm hoi ít khi anh mở lời thêm.

Chúng tôi ở nhà bếp không lâu, mấy tháng sau do tình hình biên giới căng thẳng, các trại viên được tái thanh lọc để chuẩn bị cho các đợt di chuyển xuống miền xuôi. Anh em tôi thuộc diện trọng điểm được giao cho công an Vĩnh Phú và trở thành ‘phạm nhân’ cứ theo lối xưng hô khi báo cáo xuất nhập trại

của các đội trưởng lao động khi về trại mới. Được biên chế theo tuổi tác, anh về đội tăng gia trồng chè, tôi về đội cấy làm ruộng, hai anh em chăm dứt sinh hoạt chung.

Khi các đội chè đến kỳ thu hoạch thì anh Thụ lại có duyên với củi lửa được giao đứng bếp sao chè, số lượng chè búp sao xong bán cho hợp tác xã mang lại nguồn lợi nhuận khá lớn cho trại. Mấy năm đầu, anh cũng âm thân do được bồi dưỡng đúng mức, nhưng về lâu về dài anh bị mất sức vì đứng liên tục bên lò có lúc gặp thời vụ cả chục tiếng mỗi ngày. Bàn tay gầy guộc lại phải xoa đều trên chảo gang với ánh lửa liu riu, đông cũng như hè làm cho người khô da héo ăn uống dù được xuất cơm trắng với chút mỡ heo nhưng nuốt cũng không trôi. Cán bộ trại họ lại tin anh, vừa thật thà vừa tay nghề quen, giao cho hình sự thì sợ ăn cắp vì chè búp là vật dễ đổi chác lấy thuốc Lào và thực phẩm. Anh bạn tôi lại ít nói, ngại phàn nàn nên thân tù cứ tiếp tục bị khai thác, chính vậy mà khi ngã bệnh dễ mất mạng sau này.

Một hôm tôi nghe phong phanh anh lên nằm bệnh xá. Gọi là bệnh xá, nhưng không có y sĩ, thuốc trị xuyên tâm liên và thuốc nam là chính, nhưng có một y tá giúp việc gốc trợ y người cùng phe ta thường

liên lạc trao đổi thuốc men giữa vòng anh em, nên cứu được nhiều người, nặng nhất là hai bệnh kiết lỵ và sốt vàng da thường có số tử vong khá cao. Anh rơi vào bệnh kiết lỵ, tuy ăn uống rất cẩn thận, ít khi cải thiện linh tinh như tụi tôi, nhưng do ruồi muỗi hoặc thực phẩm của trại thì số trời kêu ai nấy dạ. Còn may cho anh, nhờ anh em thương mến đã gửi thuốc cho nên cơn bệnh có dứt sau gần hai tuần lễ nhưng người gầy đét vì mất nước mất sức.

Một buổi sáng trong giờ khám bệnh từng đội, tôi được anh y tá gửi cho mảnh giấy nhàu nát. Lao động về tôi dỡ ra coi thì có mấy dòng nguệch ngoạc viết theo kiểu như điện tín, “chú Tê/ anh mới bị kiết lỵ/ rất thềm đường/ chú gửi cho anh/ cảm ơn chú”. Đây cũng là niềm lạ vì anh vốn khí khái không bao giờ chịu xin của ai, anh em nào có quà cáp mời anh chỉ ăn một chút lấy thảo, không bao giờ nhận thêm. Anh đúng là có căn tu hay sống ép mình, khác hẳn với đám chúng tôi kiếm được thứ gì cũng cho vào bụng cốt để mưu sinh. Tôi như sỏi tằm lòng vì được anh tin yêu, vội gói ghém ít đồ chuyển lên cho anh yên chí anh sẽ sớm bình phục.

Nhưng chuyện đời khó đoán, ít ngày sau anh vĩnh viễn lìa đời. Qua y tá kể lại anh nhờ nhắn về gia

đình ‘anh chết lành’. Nhóm từ này đối với tôi không có gì xa lạ vì nó là đức tin bất biến của anh, nhưng cứ làm tôi trần trở theo lối suy nghĩ đời thường khi thấy một người có lòng, đạo đức trong lối sống lại phải bỏ thân trong chốn lao tù. Tấm hình chụp với chị và ba cháu có lần anh khoe với tôi nghe nói anh đã ôm vào lòng trước lúc tắt hơi, âu cũng là chút an ủi cho một người mà tôi biết chắc luôn lấy gia đình làm tình yêu, niềm tin là lẽ sống.

Cứ tiếc một điều nếu đừng bỏ anh em đi sớm thì chỉ ít lâu sau chúng tôi lại cùng nhau đáp chuyến xe lửa quay ngược về nam, cũng con tàu bít bùng với chiếc còng hai người chung một, nhưng lần này sẽ đưa anh qua vùng đất Quảng và nhiều cơ may được nhìn mặt vợ con anh.■

*(Truyện trích từ cuốn “MỘT THỜI U ÁM” cùng tác giả, Giao Chỉ xuất bản 2016)*

**Dấu Ngụy Đồ**  
**Tùy Bút Chính Luận**  
**ĐỒ XUYÊN TÊ**

Ấn Bản Điện Tử  
T.Vấn & Bạn Hữu thực hiện  
2017

©T.Vấn & Bạn Hữu 2017

**tv&bh**

